

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành/chuyên ngành:**

**Thiết kế đồ họa**

**Mã số:**

**7210403**

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Thiết kế đồ họa
  - + Tiếng Anh: Graphic Design
- Mã số ngành/chuyên ngành đào tạo: **7210403**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 5 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân Thiết kế đồ họa
  - + Tiếng Anh: Bachelor of Graphic Design
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: **2023**

**PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Thiết kế đồ họa hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, thiết kế, giải trí, truyền thông và quảng cáo. Người học được trang bị những kỹ năng xây dựng để thực hiện kế hoạch, phác thảo ý tưởng, thiết kế và thể hiện các sản phẩm thuộc lĩnh vực đồ họa ấn loát và đồ họa truyền thông đa phương tiện, sử dụng phần mềm tin học tương thích để thể hiện qui trình thiết kế, có trình độ ngôn ngữ để giao tiếp, kỹ năng thuyết trình và đàm phán, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và các kỹ năng mềm ứng dụng hiệu quả trong đời sống xã hội. Có ý thức tổ chức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, đồng thời có thể

học tiếp lên bậc học cao hơn và tự học để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc. Có năng lực tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### *2.1. Kiến thức*

- Nắm bắt được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội, kiến thức Quốc phòng - an ninh, hiểu biết về pháp luật Việt Nam; Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất. Tích lũy được kiến thức nền tảng về các môn khoa học cơ bản theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở khối ngành nghệ thuật trong đào tạo đại học.

- Có kiến thức nền tảng cơ bản về mỹ thuật, cơ sở tạo hình, các nguyên tắc thiết kế, kỹ thuật xử lý đồ họa hỗ trợ cho việc thể hiện ý tưởng bằng hình ảnh; Nắm chắc các dạng thức, đặc trưng của ngôn ngữ đồ họa truyền thống và hiện đại; lựa chọn các phương pháp, phương tiện phù hợp với mục tiêu, nội dung và đối tượng một cách hiệu quả nhất.

- Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin: các công cụ, phần mềm thiết kế đồ họa hỗ trợ cho công việc thiết kế các sản phẩm đồ họa; Cung cấp kiến thức nền tảng về mỹ thuật: Cơ sở tạo hình, các nguyên tắc thiết kế và kỹ thuật xử lý đồ họa hỗ trợ cho việc thể hiện ý tưởng bằng hình ảnh.

### *2.2 Kỹ năng*

- Có kỹ năng vẽ tay, vẽ trên máy tính, sử dụng phần mềm thiết kế đồ họa vi tính trong không gian 2D, 3D. Vận dụng giải pháp kỹ thuật thể hiện phù hợp với đối tượng thiết kế; lập được quy trình thiết kế, kiểm tra đánh giá, xây dựng, quản lý và sử dụng các phương tiện hỗ trợ thẩm định tính hiệu quả của sản phẩm thiết kế; Có kỹ năng thể hiện sản phẩm thiết kế, tư vấn khách hàng về thẩm mỹ và ứng dụng của hệ thống sản phẩm đồ họa trong đời sống, đồng thời có kỹ năng trong hoạt động quảng cáo; Có kỹ năng tìm kiếm, nghiên cứu kiến thức mới, ứng dụng các kỹ thuật, công cụ mới và thành thạo các kỹ năng giải quyết những vấn đề chuyên môn của ngành vào thực tiễn.

- Khả năng thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi, khả năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email; khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, kiểm tra các hoạt động trong chuyên môn và trong sản xuất; kĩ năng nghe, nói, đọc viết đạt trình độ A2 .Tin học cơ bản phù hợp công việc chuyên môn.

### 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân;
- Có ý thức trách nhiệm, tự tin, chủ động, kiên trì, linh hoạt trong công việc, có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp;
- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn nhằm tạo ra các sản phẩm đồ họa có chất lượng, có giá trị kinh tế và giá trị thẩm mỹ.
- Có khả năng tự học tập và tự nghiên cứu suốt đời.

## PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

### 1. Chuẩn đầu vào

- Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- Thí sinh dự thi đủ sức khỏe học tập theo Thông tư Liên Bộ số 10/TTLB ngày 18/8/1989 của Liên Bộ Đại học, THCN và dạy nghề Bộ y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của HSSV trong các trường Đại học, Cao đẳng, THCN và dạy nghề;
- Theo phương thức tuyển sinh hệ Đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

### 2. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: Đối tượng tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức tuyển sinh: Tổ hợp xét tuyển/Môn thi: Ngữ văn; Hình họa; Vẽ màu. Trong đó: Môn Ngữ văn, xét tuyển kết quả học tập ba năm THPT hoặc kết quả thi trong kỳ thi THPT quốc gia; Môn Hình họa, Vẽ màu (Trang trí), thí sinh tham dự kỳ thi theo kế hoạch của Nhà trường.
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo quyết định của trường ĐHSP Nghệ thuật TW (khoảng 220 SV/năm).

## PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| Mã<br>CDR | Chi tiết        |
|-----------|-----------------|
|           | CDR - Kiến thức |
|           | Kiến thức chung |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>KT1</b> | Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; làm cơ sở cho nền tảng tư tưởng, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và thực hành khối kiến thức chuyên ngành..                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>KT2</b> | - Nắm bắt được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội, kiến thức quốc phòng - an ninh, hiểu biết về pháp luật Việt Nam. Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất. Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật về tự nhiên và xã hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>KT3</b> | <b>Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức về quá trình hình thành, phát triển lịch sử văn hóa, mỹ thuật thế giới và Việt Nam, là cơ sở trong học tập, nghiên cứu và ứng dụng thiết kế mỹ thuật.</li> <li>- Có kiến thức về các thành tố của văn hóa, nghệ thuật tạo hình truyền thống Việt Nam trong học tập, nghiên cứu và ứng dụng thiết kế mỹ thuật.</li> <li>- Hiểu biết và nắm bắt kiến thức về tâm lý đặc trưng của đối tượng sử dụng, trạng thái tâm lý đời sống kinh tế - xã hội, từ đó đề xuất phương pháp thiết kế, thủ pháp phù hợp.</li> <li>- Phản ánh được bản chất và vai trò của của nghệ thuật thị giác đối với sự phát triển con người và xã hội, biết các công việc của họa sỹ thiết kế đối với đối tượng phục vụ.</li> <li>- Hiểu biết về con người, nghề nghiệp thông qua các hoạt động thực hành và tự định hướng trong việc điều chỉnh bản thân theo hướng tích cực.</li> </ul> |
| <b>KT4</b> | <b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức nền tảng cơ bản về mỹ thuật, cơ sở tạo hình, nắm được những nguyên tắc, kinh nghiệm thiết kế cơ bản, kỹ thuật xử lý đồ họa nền tảng hỗ trợ cho việc nghiên cứu thể hiện ý tưởng bằng hình, ảnh theo mức độ sâu dần của ngành đào tạo.</li> <li>- Nắm chắc các dạng thức, đặc trưng của ngôn ngữ đồ họa truyền thống và hiện đại; Lựa chọn các phương pháp, phương tiện phù hợp mục tiêu, nội dung, đối tượng hiệu quả.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>KT5</b> | <b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hiểu biết từ cơ bản đến toàn diện về kiến thức ngành đào tạo để chủ động, nghiên cứu định hướng thiết kế phù hợp với đối tượng.</li> <li>- Xây dựng được các công cụ hỗ trợ để tự kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm thiết kế.</li> <li>- Hình thành tư duy nhạy bén, năng động tiếp cận các kĩ thuật công nghệ phù hợp đặc trưng môn Thiết kế đồ họa theo định hướng của thực tiễn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>KT6</b> | <b>Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức cơ bản kết hợp với kiến thức thực tế mỹ thuật, thực tập chuyên môn theo yêu cầu của môi trường thực tiễn, tạo nhận thức mới về chất. Hình thành tư duy đối chiếu, so sánh giữa lý thuyết và thực tiễn, nhận thức thẩm mỹ với nhu cầu thị hiếu đời sống.</li> <li>- Tự nhận thức, đánh giá được sở trường, tố chất bản thân và xu hướng thẩm mỹ trong thiết kế để bước đầu có định hướng chuyên môn phù hợp; Biết tổ chức lập kế hoạch và khai thác các điều kiện học tập, tiếp cận với môi trường đời sống xã hội..</li> <li>- Dựa trên cơ sở phương pháp nghiên cứu thiết kế đồ họa để thu thập tài liệu có định hướng cụ thể, thiết thực: Chủ đề nội dung sát thực tiễn; Tiếp cận các hình thức biểu đạt của thời đại. Kiến thức có tương tác cao, đáp ứng hiệu quả tính sáng tạo cho đồ án tốt nghiệp.</li> </ul> |
|            | <b>CDR - Kỹ năng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>KN1</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng sắp xếp, tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin và xây dựng báo cáo, giải quyết các vấn đề theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.</li> <li>- Có kỹ năng vẽ tay, vẽ trên máy tính, thiết kế đồ họa vi tính trong không gian hai chiều, ba chiều. Vận dụng giải pháp kỹ thuật thể hiện phù hợp với chất liệu và đối tượng thiết kế;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>KN2</b> | - Lập được quy trình thiết kế, kiểm tra đánh giá, xây dựng, quản lý và sử dụng các phương tiện hỗ trợ thẩm định tính hiệu quả của sản phẩm thiết kế;                                                                                                                                                                                              |
| <b>KN3</b> | - Có kỹ năng thể hiện sản phẩm thiết kế, biết tư vấn về thẩm mỹ cho khách hàng và ứng dụng của hệ thống sản phẩm đồ họa trong đời sống, đồng thời có kỹ năng trong hoạt động quảng cáo;                                                                                                                                                           |
| <b>KN4</b> | - Khả năng thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi, khả năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email;<br>- Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, kiểm tra các hoạt động trong chuyên môn và trong sản xuất;             |
| <b>KN5</b> | - Kỹ năng nghe, nói, đọc viết đạt trình độ A2 Tin học cơ bản phù hợp công việc chuyên môn.                                                                                                                                                                                                                                                        |
|            | <b>CDR - Mức tự chủ và trách nhiệm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>TC1</b> | - Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học tập cao hơn nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn.<br>- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác, trách nhiệm với công việc. |
| <b>TC2</b> | - Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.                                                                                                                                                                                                   |
| <b>TC3</b> | - Có thể đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt mỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình trở lên;                                                                   |
| <b>TC4</b> | - Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn nhằm tạo ra các sản phẩm đồ họa có chất lượng, có giá trị kinh tế và giá trị thẩm mỹ                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>TC5</b> | - Có ý thức trách nhiệm, tự tin, chủ động, kiên trì, linh hoạt trong công việc, có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp và khả năng tự học tập suốt đời.                                                                                                                                                                              |

## **PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

Nhóm 1: Quản lý, phụ trách về nghệ thuật, sáng tạo và thiết kế;

Nhóm 2: Chuyên gia thiết kế, tư vấn thiết kế, sáng tạo, biên tập đồ họa phục vụ các lĩnh vực quảng cáo, truyền thông, thương mại...;

Nhóm 3: Cán bộ nghiên cứu tại các viện, cán bộ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, giáo dục đại học và chuyên nghiệp về lĩnh vực đồ họa, truyền thông;

Nhóm 4: Tổ chức sản xuất các sản phẩm đồ họa ứng dụng trong thực tiễn phục vụ nhu cầu xã hội.

Ngoài ra, sinh viên ngành Thiết kế đồ họa có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

## **PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Có khả năng tự học và học tập phát triển ở trình độ cao hơn trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng.

Sau trình độ cử nhân về thiết kế đồ họa, người học có đủ khả năng về kiến thức và kỹ năng thực hành để có thể phát triển năng lực học thuật bằng nhiều cách, nâng cao trình độ học tập ở bậc cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ và học tập suốt đời.

**PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

| Các học phần trong chương trình đào tạo | Chuẩn đầu ra |     |     |     |     |     |            |     |     |     |     |                                |     |     |     |     |
|-----------------------------------------|--------------|-----|-----|-----|-----|-----|------------|-----|-----|-----|-----|--------------------------------|-----|-----|-----|-----|
|                                         | Kiến thức    |     |     |     |     |     | Kỹ năng    |     |     |     |     | Năng lực tự chủ và trách nhiệm |     |     |     |     |
|                                         | Từ 1 đến 6   |     |     |     |     |     | Từ 1 đến 5 |     |     |     |     | Từ 1 đến đến 5                 |     |     |     |     |
|                                         | KT1          | KT2 | KT3 | KT4 | KT5 | KT6 | KN1        | KN2 | KN3 | KN4 | KN5 | TC1                            | TC2 | TC3 | TC4 | TC5 |
| 1. Khối kiến thức chung (M1) 27 tín chỉ |              |     |     |     |     |     |            |     |     |     |     |                                |     |     |     |     |
| Triết học Mác- Lê nin                   | 3            |     |     |     |     |     | 4          |     |     |     |     | 3                              |     |     |     |     |
| Kinh tế chính trị Mác- Lê nin           | 3            |     |     |     |     |     | 4          |     |     |     |     | 3                              |     |     |     |     |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học               | 3            |     |     |     |     |     | 4          |     |     |     |     | 3                              |     |     |     |     |
| Tư tưởng Hồ Chí Minh                    | 3            |     |     |     |     |     | 4          |     |     |     |     | 4                              |     |     |     |     |

|                                                                                |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |
|--------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|--|---|---|---|---|--|---|---|---|---|--|
| Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                 | 3 |   |   |   |   |  | 4 |   |   |   |  | 4 |   |   |   |  |
| Tin học cơ bản                                                                 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |  | 1 | 2 | 3 | 4 |  | 1 |   |   |   |  |
| Tiếng Anh 1                                                                    | 1 | 2 | 3 |   |   |  | 1 | 2 | 3 |   |  | 1 | 2 | 3 |   |  |
| Tiếng Anh 2                                                                    | 1 | 2 | 3 |   |   |  | 1 | 2 | 3 |   |  | 1 | 2 | 3 |   |  |
| Giáo dục thể chất 1                                                            |   | 2 |   |   |   |  |   |   |   | 4 |  | 2 | 3 | 4 | 6 |  |
| Giáo dục thể chất 2                                                            |   | 2 |   |   |   |  |   |   |   | 4 |  | 2 | 3 | 4 | 6 |  |
| Pháp luật đại cương                                                            |   | 2 |   |   |   |  |   |   |   | 4 |  | 1 | 2 |   |   |  |
| Giáo dục quốc phòng                                                            | 1 |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |
| <b>2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)</b><br><b>16 tín chỉ</b> |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |
| <b>2.1. Các học phần bắt buộc: 11 tín chỉ</b>                                  |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |   |   |   |   |  |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                |   |   | 3 |   |   |  |   | 2 |   |   |  | 1 | 2 |   |   |  |
| Mỹ học                                                                         |   | 2 | 3 |   |   |  |   | 2 | 3 |   |  | 1 | 2 |   |   |  |

|                                                      |   |   |   |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|------------------------------------------------------|---|---|---|--|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|
| Cơ sở văn hóa Việt Nam                               |   |   | 3 |  |  | 6 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)            | 1 | 2 | 3 |  |  |   |   | 2 | 3 |   |   | 1 | 2 |   |   |  |
| Tiếng Anh chuyên ngành                               | 1 | 2 | 2 |  |  |   | 1 | 2 | 3 | 4 |   | 1 | 2 | 3 | 4 |  |
| <b>2.2. Các học phần tự chọn: 5/13 Tín chỉ</b>       | 1 |   | 3 |  |  | 6 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Lịch sử văn minh thế giới                            | 1 |   |   |  |  | 6 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Lịch sử triết học 1                                  | 1 |   |   |  |  | 6 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Lịch sử triết học 2                                  | 1 |   |   |  |  | 6 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Tâm lý học đại cương                                 |   |   | 3 |  |  |   |   |   | 3 |   |   | 1 | 2 |   |   |  |
| Kỹ năng khởi nghiệp                                  | 1 |   |   |  |  | 6 |   |   |   | 4 | 5 | 1 |   |   | 4 |  |
| Tâm lý học tiêu dùng                                 |   |   | 3 |  |  |   |   |   | 3 |   |   | 1 |   | 3 |   |  |
| <b>3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3) 39 tín chỉ</b> |   |   |   |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |

|                                           |  |   |   |   |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|-------------------------------------------|--|---|---|---|--|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|
| <b>3.1. Học phần bắt buộc: 30 tín chỉ</b> |  |   |   |   |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Giải phẫu tạo hình                        |  | 2 | 3 |   |  |  |   | 2 | 3 |   |   | 1 | 2 | 3 |   |  |
| Luật xa gần                               |  | 2 | 3 |   |  |  |   | 2 | 3 |   |   | 1 | 2 | 3 |   |  |
| Hình họa 1                                |  |   | 3 |   |  |  | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Hình họa 2                                |  |   | 3 |   |  |  | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Hình họa nghiên cứu màu nước              |  |   | 3 |   |  |  | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Vẽ kỹ thuật                               |  |   | 3 |   |  |  | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Cơ sở tạo hình mặt phẳng                  |  |   | 3 | 4 |  |  | 1 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |  |
| Cơ sở tạo hình khối không gian            |  |   | 3 |   |  |  | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Nguyên lý thị giác                        |  |   | 3 |   |  |  | 1 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng                 |  |   | 3 |   |  |  | 1 | 2 |   |   |   |   |   |   |   |  |
| Hình họa chuyên ngành 1                   |  |   | 3 | 4 |  |  |   |   |   | 4 | 5 |   |   |   | 4 |  |

|                                            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--------------------------------------------|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hình họa chuyên ngành 2                    |  |   | 3 | 4 |   |   | 1 |   |   |   |   |   |   |   | 4 |   |
| <b>3.2. Học phần tự chọn: 9/20 tín chỉ</b> |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Lịch sử Mỹ thuật thế giới và Việt Nam      |  | 2 | 3 |   |   |   |   | 2 | 3 |   |   | 1 | 2 | 3 |   |   |
| Mỹ thuật học                               |  | 2 | 3 |   |   |   |   | 2 | 3 |   |   | 1 | 2 |   |   |   |
| Thẩm mỹ công nghiệp                        |  |   | 3 | 4 |   | 6 |   |   | 3 | 4 |   |   |   |   |   |   |
| Marketing Design                           |  |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   | 5 |   |   |   |   | 5 |
| Vật liệu và công nghệ in                   |  |   | 3 | 4 | 5 |   | 1 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   |
| Cơ sở tạo nâng cao                         |  |   | 3 | 4 |   | 6 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh          |  |   | 3 |   |   |   | 1 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   |
| Hình họa nghiên cứu hình thể động          |  |   | 3 |   |   |   | 1 |   | 3 |   |   |   |   |   |   |   |
| Ký họa                                     |  |   | 3 |   |   |   | 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|                                               |  |  |   |   |   |   |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
|-----------------------------------------------|--|--|---|---|---|---|---|--|---|---|--|--|--|--|---|--|
| <b>4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4) 43</b> |  |  |   |   |   |   |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
| <b>4.1. Học phần bắt buộc: 33 tín chỉ</b>     |  |  |   |   |   |   |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
| Nghệ thuật nhiếp ảnh                          |  |  | 3 | 4 |   |   |   |  |   | 4 |  |  |  |  |   |  |
| Nghệ thuật chữ                                |  |  | 3 | 4 |   | 6 |   |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
| Tin học chuyên ngành 1                        |  |  |   |   | 5 |   | 1 |  | 3 |   |  |  |  |  |   |  |
| Tin học chuyên ngành 2                        |  |  |   |   | 5 |   | 1 |  | 3 |   |  |  |  |  |   |  |
| Tin học chuyên ngành 3                        |  |  |   |   | 5 |   | 1 |  | 3 |   |  |  |  |  |   |  |
| Sáng tác thiết kế 1                           |  |  | 3 | 4 |   |   | 1 |  | 3 |   |  |  |  |  |   |  |
| Sáng tác thiết kế 2                           |  |  | 3 | 4 |   |   | 1 |  | 3 |   |  |  |  |  |   |  |
| Sáng tác thiết kế 3                           |  |  | 3 | 4 |   |   | 1 |  |   |   |  |  |  |  |   |  |
| Sáng tác thiết kế 4                           |  |  | 3 | 4 |   |   | 1 |  | 3 |   |  |  |  |  |   |  |
| Sáng tác thiết kế 5                           |  |  | 3 | 4 |   | 6 |   |  |   |   |  |  |  |  | 4 |  |

|                                                          |  |  |  |   |   |   |   |  |   |   |  |  |   |  |   |  |
|----------------------------------------------------------|--|--|--|---|---|---|---|--|---|---|--|--|---|--|---|--|
| Sáng tác thiết kế 6                                      |  |  |  | 4 |   | 6 | 1 |  | 3 |   |  |  |   |  | 4 |  |
| <b>4.2. Học phần tự<br/>chọn: 10/17 tín chỉ</b>          |  |  |  |   |   |   |   |  |   |   |  |  |   |  |   |  |
| Phần mềm<br>CorelDraw                                    |  |  |  |   | 5 |   | 1 |  | 3 |   |  |  |   |  |   |  |
| Phần mềm Indesign                                        |  |  |  |   | 5 |   | 1 |  | 3 |   |  |  |   |  |   |  |
| Phần mềm Autodesk<br>3Ds Max                             |  |  |  |   | 5 |   | 1 |  | 3 |   |  |  |   |  |   |  |
| Thiết kế bộ ấn phẩm<br>văn hóa và xuất bản<br>phẩm       |  |  |  | 4 |   | 6 | 1 |  |   |   |  |  |   |  | 4 |  |
| Thiết kế nhận diện<br>thương hiệu sản<br>phẩm thương mại |  |  |  | 4 |   | 6 | 1 |  |   |   |  |  |   |  | 4 |  |
| Thiết kế quảng cáo<br>lĩnh vực văn hóa                   |  |  |  | 4 |   | 6 | 1 |  |   |   |  |  |   |  | 4 |  |
| Thiết kế quảng cáo<br>lĩnh vực thương mại                |  |  |  | 4 |   | 6 | 1 |  |   |   |  |  |   |  | 4 |  |
| Thiết kế quảng cáo<br>động                               |  |  |  | 4 | 5 | 6 | 1 |  | 3 | 4 |  |  | 2 |  | 4 |  |

|                                                        |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |
|--------------------------------------------------------|--|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|---|---|---|---|
| <b>5. Kiến thức thực tế, thực tập (M5): 11 tín chỉ</b> |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |
| Thực tế chuyên môn 1                                   |  |  |   | 4 |   | 6 | 1 |   |   |   | 5 |  | 2 |   | 4 | 5 |
| Thực tế chuyên môn 2                                   |  |  |   |   | 5 | 6 | 1 | 2 |   |   | 5 |  | 2 |   | 4 | 5 |
| Thực tế chuyên môn 3                                   |  |  |   |   | 5 | 6 | 1 | 2 |   |   | 5 |  | 2 |   | 4 | 5 |
| Thực tập tốt nghiệp                                    |  |  |   | 4 | 5 | 6 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |  | 2 | 3 | 4 | 5 |
| <b>6. Khối kiến thức cuối khóa (M6): 20 tín chỉ</b>    |  |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |
| Đồ án tốt nghiệp                                       |  |  | 3 | 4 | 5 | 6 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |  | 2 | 3 | 4 | 5 |

## PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Thông tin chung

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 156 tín chỉ (*không tính học phần Giáo dục Quốc phòng*)

#### 1.1. Khối kiến thức chung (M1)

27 tín chỉ

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2) 16 tín chỉ

+ *Bắt buộc: 11 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 5/13 tín chỉ*

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3) 39 tín chỉ

+ *Bắt buộc: 30 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 9/20 tín chỉ*

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4) 43 tín chỉ

+ *Bắt buộc: 33 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 10/17 tín chỉ*

1.5. Khối kiến thức thực tập, thực tế (M5) 11 tín chỉ

1.6. Khối kiến thức cuối khóa (M6) 20 tín chỉ

## 2. Cấu trúc chương trình đào tạo

| Số TT    | Mã số          | Học phần                                                                           | Số tín chỉ | Số giờ tín chỉ |           |        | Học phần tiên quyết      |
|----------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------|-----------|--------|--------------------------|
|          |                |                                                                                    |            | Lý thuyết      | Thực hành | Tự học |                          |
| (1)      | (2)            | (3)                                                                                | (4)        | (5)            | (6)       | (7)    | (8)                      |
| <b>I</b> | <b>M1</b>      | <b>Khối kiến thức chung</b>                                                        | <b>27</b>  |                |           |        |                          |
| 1        | <b>POL2009</b> | Triết học Mác- Lê nin<br><i>Philosophy of Marxism – Leninism</i>                   | 3          | 39             | 12        | 99     | Không                    |
| 2        | <b>POL2010</b> | Kinh tế chính trị Mác- Lê nin<br><i>Economic and polytic of Marxism – Leninism</i> | 2          | 26             | 8         | 66     | Triết học Mác –<br>Lênin |

|    |                 |                                                                                |   |    |    |     |                                  |
|----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------|---|----|----|-----|----------------------------------|
| 3  | <b>POL2011</b>  | Chủ nghĩa xã hội khoa học<br><i>The science of socialist</i>                   | 2 | 26 | 8  | 66  | Kinh tế chính trị<br>Mác – Lênin |
| 4  | <b>POL2003</b>  | Tư tưởng Hồ Chí Minh<br><i>Ho Chi Minh's Ideology</i>                          | 2 | 26 | 8  | 66  | CNXHKH                           |
| 5  | <b>POL2013</b>  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam<br><i>History of Vietnamese Communist Party</i> | 2 | 26 | 8  | 66  | Tư tưởng<br>Hồ Chí Minh          |
| 6  | <b>INF2001</b>  | Tin học cơ bản<br><i>Basic Informatics</i>                                     | 2 | 26 | 8  | 66  | Không                            |
| 7  | <b>CFL 2001</b> | Tiếng Anh 1<br><i>English 1</i>                                                | 4 | 52 | 16 | 132 | Không                            |
| 8  | <b>CFL 2002</b> | Tiếng Anh 2<br><i>English 2</i>                                                | 3 | 39 | 12 | 99  | Tiếng Anh 1                      |
| 9  | <b>PPE2010</b>  | Giáo dục thể chất 1<br>Physical Education 1                                    | 2 | 4  | 46 | 50  | Không                            |
| 10 | <b>PPE2011</b>  | Giáo dục thể chất 2<br>Physical Education 2<br>(Cầu lông, Võ thuật, Khiêu vũ)  | 3 | 6  | 69 | 75  | PPE2010                          |
| 11 | <b>GDQP</b>     | Giáo dục quốc phòng<br><i>National Defense Education</i>                       |   |    |    |     |                                  |
| 12 | <b>POL2007</b>  | Pháp luật đại cương                                                            | 2 | 26 | 8  | 66  |                                  |

|             |                       |                                                                                 |             |           |          |           |                          |
|-------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|----------|-----------|--------------------------|
|             |                       | <i>Basic Law</i>                                                                |             |           |          |           |                          |
| <b>II</b>   | <b>M2</b>             | <b>Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành</b>                               | <b>16</b>   |           |          |           |                          |
| <b>II.1</b> |                       | <b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>                                             | <b>11</b>   |           |          |           |                          |
| 13          | <b>PPE2008</b>        | Phương pháp nghiên cứu khoa học<br><i>Scientific Research Methodology</i>       | 2           | 26        | 8        | 66        |                          |
| 14          | <b>FAE2072</b>        | Mỹ học<br><i>Aesthetics</i>                                                     | 2           | 26        | 8        | 66        |                          |
| 15          | <b>CLM2001</b>        | Cơ sở văn hóa Việt Nam<br><i>Vietnam Cultural Foundation</i>                    | 3           | 30        | 12       | 3         |                          |
| 16          | <b><u>FAE2092</u></b> | <u>Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)</u><br><u>General types of art</u> | <u>2</u>    | <u>26</u> | <u>8</u> | <u>66</u> | <u>Không</u>             |
| 17          | <b>CFL 2004</b>       | Tiếng Anh chuyên ngành<br><i>English for specific purposes</i>                  | 2           | 26        | 8        | 66        | Tiếng Anh 2              |
| <b>II.2</b> |                       | <b><i>Các Học phần tự chọn</i></b>                                              | <b>5/13</b> |           |          |           |                          |
| 18          | <b>CLM2004</b>        | Lịch sử văn minh thế giới<br><i>History of World Civilization</i>               | 2           | 20        | 8        | 2         |                          |
| 19          | <b>POL2005</b>        | Lịch sử triết học 1<br><i>History Philosophy 1</i>                              | 2           | 26        | 8        | 66        | Triết học Mác –<br>Lênin |
| 20          | <b>POL2006</b>        | Lịch sử triết học 2<br><i>History Philosophy 2</i>                              | 2           | 26        | 8        | 66        | Triết học Mác –<br>Lênin |

|              |                |                                                                            |           |      |    |      |            |
|--------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|------|----|------|------------|
| 21           | <b>PPE2007</b> | Tâm lý học đại cương<br><i>Psychology</i>                                  | 2         | 26   | 8  | 66   |            |
| 22           | <b>PPE2029</b> | Kỹ năng khởi nghiệp                                                        | 3         | 20   | 8  | 2    |            |
| 23           | <b>PPE2005</b> | Tâm lý học tiêu dùng                                                       | 2         | 26   | 8  | 66   |            |
| <b>III</b>   | <b>M3</b>      | <b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>                                          | <b>39</b> |      |    |      |            |
| <b>III.1</b> |                | <b>Các học phần bắt buộc</b>                                               | <b>30</b> |      |    |      |            |
| 24           | <b>FAE2077</b> | Giải phẫu tạo hình<br><i>Artistic Anatomy</i>                              | 2         | 26   | 8  | 66   | Không      |
| 25           | <b>FAE2078</b> | Luật xa gần<br><i>Perspective</i>                                          | 2         | 26   | 8  | 66   | Không      |
| 26           | <b>GRD2301</b> | Hình họa 1<br><i>Figure Drawing 1</i>                                      | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Không      |
| 27           | <b>GRD2302</b> | Hình họa 2<br><i>Figure Drawing 2</i>                                      | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Hình họa 1 |
| 28           | <b>GRD2303</b> | Hình họa màu nước<br><i>Figure watercolor research and drawing</i>         | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Hình họa 1 |
| 29           | <b>GRD2002</b> | Vẽ kỹ thuật<br><i>Technical Drawing</i>                                    | 2         | 26   | 8  | 66   | Không      |
| 30           | <b>GRD2004</b> | Cơ sở tạo hình mặt phẳng (CSTH1)<br><i>Basic Figuration Study 1</i>        | 2         | 15   | 30 | 55   | Không      |
| 31           | <b>GRD2005</b> | Cơ sở tạo hình khối, không gian (CSTH2)<br><i>Basic Figuration Study 2</i> | 2         | 15   | 30 | 55   | Không      |

|              |                |                                                                                          |                    |      |    |      |                                 |
|--------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------|----|------|---------------------------------|
| 32           | <b>GRD2006</b> | Nguyên lý thị giác<br><i>Visual Language: Principles in 2D Design</i>                    | 3                  | 22,5 | 45 | 82,5 | Không                           |
| 33           | <b>GRD2007</b> | Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng<br><i>History of Practical Arts</i>                            | 2                  | 26   | 8  | 66   | Không                           |
| 34           | <b>GRD2304</b> | Hình họa chuyên ngành 1<br><i>Advanced Drawing 1</i>                                     | 3                  | 22,5 | 45 | 82,5 | Hình họa 2                      |
| 35           | <b>GRD2305</b> | Hình họa chuyên ngành 2<br><i>Advanced Drawing 2</i>                                     | 3                  | 22,5 | 45 | 82,5 | Hình họa 2                      |
| <b>III.2</b> |                | <b><i>Các Học phần tự chọn</i></b>                                                       | <b><i>9/20</i></b> |      |    |      |                                 |
| 36           | <b>FAE2093</b> | Lịch sử Mỹ thuật thế giới và Việt Nam<br>Fine Art History of World and Vietnam           | 3                  | 39   | 12 | 99   | Không                           |
| 37           | <b>FAE2096</b> | Mỹ thuật học<br>Study of Fine Arts                                                       | 2                  | 26   | 8  | 66   | Không                           |
| 38           | <b>GRD2010</b> | Thẩm mỹ công nghiệp<br><i>Industrial Aesthetics</i>                                      | 2                  | 26   | 8  | 66   | Không                           |
| 39           | <b>GRD2011</b> | Marketing Design                                                                         | 2                  | 26   | 8  | 66   | Không                           |
| 40           | <b>GRD2012</b> | Vật liệu và công nghệ in<br><i>Printing Materials and Technology</i>                     | 2                  | 26   | 8  | 66   | Không                           |
| 41           | <b>GRD2013</b> | Cơ sở tạo hình nâng cao<br><i>Principles of Shape and Form in Space</i>                  | 2                  | 26   | 8  | 66   | Cơ sở tạo hình khối, không gian |
| 42           | <b>GRD2306</b> | Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh<br><i>Still life Drawing and (Immobility research)</i> | 3                  | 22,5 | 45 | 82,5 | Hình họa 2                      |

|             |                |                                                                                  |           |      |    |      |                        |
|-------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|----|------|------------------------|
| 43          | <b>GRD2015</b> | Hình họa nghiên cứu hình thể động<br><i>Figure and Drawing (Motion research)</i> | 2         | 15   | 30 | 55   | Hình họa 2             |
| 44          | <b>GRD2016</b> | Ký họa<br><i>Sketch</i>                                                          | 2         | 26   | 8  | 66   | Hình họa 1             |
| <b>IV</b>   | <b>M4</b>      | <b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>                                               | <b>43</b> |      |    |      |                        |
| <b>IV.1</b> |                | <b>Các học phần bắt buộc</b>                                                     | <b>33</b> |      |    |      |                        |
| 45          | <b>GRD2017</b> | Nghệ thuật nhiếp ảnh<br><i>Photography</i>                                       | 3         | 39   | 12 | 99   | Không                  |
| 46          | <b>GRD2019</b> | Nghệ thuật chữ<br><i>Creative typography design</i>                              | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Không                  |
| 47          | <b>GRD2020</b> | Tin học chuyên ngành 1<br><i>Graphic design Computer 1</i>                       | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Không                  |
| 48          | <b>GRD2021</b> | Tin học chuyên ngành 2<br><i>Graphic design Computer 2</i>                       | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Tin học chuyên ngành 1 |
| 49          | <b>GRD2022</b> | Tin học chuyên ngành 3<br><i>Graphic design Computer 3</i>                       | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Tin học chuyên ngành 2 |
| 50          | <b>GRD2023</b> | Sáng tác thiết kế 1<br><i>Creative and design 1</i>                              | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Không                  |
| 51          | <b>GRD2024</b> | Sáng tác thiết kế 2<br><i>Creative and design 2</i>                              | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Sáng tác thiết kế 1    |
| 52          | <b>GRD2025</b> | Sáng tác thiết kế 3<br><i>Creative and design 3</i>                              | 3         | 22,5 | 45 | 82,5 | Sáng tác thiết kế 2    |

|             |                |                                                                                                       |                     |      |    |      |                        |
|-------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------|----|------|------------------------|
| 53          | <b>GRD2026</b> | Sáng tác thiết kế 4<br><i>Creative and design 4</i>                                                   | 3                   | 22,5 | 45 | 82,5 | Sáng tác thiết kế<br>3 |
| 54          | <b>GRD2045</b> | Sáng tác thiết kế 5<br><i>Creative and design 5</i>                                                   | 3                   | 22,5 | 45 | 82,5 | Sáng tác thiết kế<br>4 |
| 55          | <b>GRD2046</b> | Sáng tác thiết kế 6<br><i>Creative and design 6</i>                                                   | 3                   | 22,5 | 45 | 82,5 | Sáng tác thiết kế<br>5 |
| <b>IV.2</b> |                | <b><i>Các học phần tự chọn</i></b>                                                                    | <b><i>10/17</i></b> |      |    |      |                        |
| 56          | <b>GRD2052</b> | Phần mềm CorelDraw<br><i>CorelDraw software</i>                                                       | 2                   | 15   | 30 | 55   | Không                  |
| 57          | <b>GRD2053</b> | Phần mềm Indesign<br><i>Indesign software</i>                                                         | 2                   | 15   | 30 | 55   | Không                  |
| 58          | <b>GRD2031</b> | Phần mềm Autodesk 3Ds Max<br><i>Autodesk 3Ds Max software</i>                                         | 2                   | 15   | 30 | 55   | Tin học cơ bản         |
| 59          | <b>GRD2032</b> | Thiết kế bộ ấn phẩm văn hóa và xuất bản phẩm<br><i>Design: Pressing and Publishing</i>                | 2                   | 15   | 30 | 55   | Sáng tác thiết kế<br>4 |
| 60          | <b>GRD2307</b> | Thiết kế nhận diện thương hiệu sản phẩm thương mại<br><i>Design: Branding and Commercial Products</i> | 3                   | 22,5 | 45 | 82,5 | Sáng tác thiết kế<br>4 |
| 61          | <b>GRD2034</b> | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực văn hóa<br><i>Design: Cultural Events Advertisement</i>                   | 2                   | 15   | 30 | 55   | Sáng tác thiết kế<br>4 |
| 62          | <b>GRD2035</b> | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực thương mại<br><i>Design: Business Events Advertisement</i>                | 2                   | 15   | 30 | 55   | Sáng tác thiết kế<br>4 |

|            |                 |                                                                        |            |    |    |     |                            |
|------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------|------------|----|----|-----|----------------------------|
| 63         | <b>GRD2036</b>  | Thiết kế quảng cáo động<br><i>Design: Motion graphic Advertisement</i> | 2          | 15 | 30 | 55  | Không                      |
| <b>V</b>   | <b>M5</b>       | <b>Khối kiến thức tế, thực tập và tốt nghiệp</b>                       | <b>11</b>  |    |    |     |                            |
| 64         | <b>GRD2037</b>  | Thực tế chuyên môn 1<br><i>Training experience 1</i>                   | 2          | 4  | 26 | 70  | Thực tế chuyên môn 1       |
| 65         | <b>GRD2038</b>  | Thực tế chuyên môn 2<br><i>Training experience 2</i>                   | 2          | 4  | 26 | 70  | Thực tế chuyên môn 2       |
| 66         | <b>GRD2039</b>  | Thực tế chuyên môn 3<br><i>Training experience 3</i>                   | 3          | 6  | 39 | 105 | Thực tế chuyên môn 3       |
| 67         | <b>GRD2041</b>  | Thực tập tốt nghiệp<br><i>Final training Graduate</i>                  | 4          | 8  | 52 | 140 |                            |
| <b>V.2</b> |                 | <b>Khối kiến thức cuối khóa</b><br><i>Final Process</i>                | <b>20</b>  |    |    |     |                            |
| 68         | <b>GRD2042*</b> | Đồ án tốt nghiệp<br><i>Final Design Project</i>                        | 20         |    |    |     | Các học phần theo quy định |
|            |                 | <b>Tổng số</b>                                                         | <b>156</b> |    |    |     |                            |

### **3. Tóm tắt nội dung các học phần**

- Trình bày theo đúng thứ tự các học phần trong khung chương trình đào tạo.
- Ghi các học phần như sau:
  - 1. Mã học phần, Tên học phần (... tín chỉ)
  - + Học phần tiên quyết: Mã học phần, Tên học phần (... tín chỉ);...
  - + Tóm tắt nội dung học phần: 250-300 từ.

#### **I. Khối kiến thức chung M1**

**27 tín chỉ**

##### **1. POL2009 *Triết học Mác- Lênin* (3 tín chỉ)**

Môn Triết học Mác - Lênin bao gồm ba chương. Ngoài việc giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề về đối tượng học tập, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu của Học phần. Còn cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

##### **2. POL2010 *Kinh tế chính trị Mác-Lênin* (2 tín chỉ)**

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của Học phần. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

##### **3. POL2011 *Chủ nghĩa xã hội khoa học* (2 tín chỉ)**

Nội dung Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu Học phần.

##### **4. POL2003 *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (2 tín chỉ)**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc

và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay. Giới thiệu cho sinh viên một số vấn đề về vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hiện nay.

#### **5. POL2013 *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (2 tín chỉ)**

Nội dung Học phần gồm 4 chương: Chương mở đầu, Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chương 1, những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2, Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Chương 3, Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### **6. INF2001, Tin học cơ bản (2 tín chỉ)**

**+ *Học phần tiên quyết: Không***

**+ *Tóm tắt nội dung học phần***

Môn học bao gồm các phần sau:

Phần 1. Một số kiến thức cơ bản về tin học và máy tính, bao gồm: Thông tin, lưu trữ và xử lý thông tin trên máy tính; Hệ điều hành; một số trình tiện ích, ..

Phần 2. Hệ soạn thảo văn bản MicrosoftWord: Bao gồm các kiến thức giúp sinh viên thực hiện các thao tác xử lý văn bản bằng công cụ hỗ trợ văn phòng MS Word như xây dựng văn bản, định dạng văn bản, chèn các đối tượng vào văn bản v.v...

Phần 3. Bảng tính điện tử MicrosoftExcel: Giúp sinh viên thực hiện các kỹ năng trên bảng tính như nhập dữ liệu cho bảng tính, trình bày bảng tính, xây dựng công thức, sử dụng một số hàm thông dụng để tính toán, các hàm đặc biệt khác và xử lý, tổng hợp dữ liệu trên bảng tính...

Phần 4. Trình chiếu MicrosoftPower Point: Giúp sinh viên thực hiện làm quen với các công cụ trên slides, tạo hiệu ứng cho slides, quản lý slides, kỹ thuật trình chiếu nhằm tạo ra một bài trình chiếu sinh động.

## **7. CFL.2001, Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)**

+ *Học phần tiên quyết: Không*

+ *Tóm tắt nội dung học phần*

Nội dung học phần tiếng Anh 1 gồm 14 chủ đề: (1) Hello everybody; (2) Meeting people; (3) The world of work; (4) Take it easy; (5) Where do you live?; (6) Can you speak English?; (7) Then and now (8) A date to remember; (9) Food you like (10) Bigger and better (11) Looking good; (12) Life ‘s an adventure; (13) Storytime; (14) Have you ever? Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: Cấu tạo và cách sử dụng của thì hiện tại đơn với động từ “to be” và động từ thường; cấu trúc “have got/ has got”; “have to/ has to”, động từ khuyết thiếu “can” và “could”, cấu trúc ‘there is/there are’, thì quá khứ đơn với động từ “to be” và động từ thường, danh từ đếm được và không đếm được, cách dùng của tính từ và trạng từ, cấu tạo và cách dùng của thì hiện tại tiếp diễn; cách diễn đạt hành động trong tương lai gần với “be going to”; các cấp so sánh của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, tính từ sở hữu; danh từ đếm được và không đếm được; đại từ sở hữu. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng số đếm, số điện thoại và các từ vựng thuộc chủ đề quê quán, quốc tịch, gia đình, hoạt động vui chơi giải trí, thức ăn và đồ uống, trang phục, cảm xúc, đồ vật trong gia đình, từ chỉ nghề nghiệp, màu sắc và thời tiết. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết theo các chủ đề: giới thiệu bản thân, gia đình, sở thích, hoạt động giải trí, phát minh, công việc, ...

## **8. CFL.2002, Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)**

Nội dung học phần tiếng Anh 2 gồm 12 chủ đề: (1) Unit1: Getting to know you; (2) Unit 2: The way we live; (3) Unit 3: What happened next?; (4) Unit 4: The market place; (5) Unit 5: What do you want to do?; (6) Unit 6: Places and things; (7) Unit 7: Fame; (8) Unit 8: Do’s and don’t; (9) Unit 9: Going places; (10) Unit 10: Things that changed the world; (11) Unit 11: What if ...?; Unit 12: Trying your best.. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của Tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Về kiến thức ngữ pháp, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức bao gồm: thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp

điển, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, từ chỉ số lượng, quán từ xác định, các cấu trúc diễn đạt tương lai, cấu trúc so sánh của tính từ, cấu trúc “have to, should, must”, mệnh đề thời gian bắt đầu bằng các từ “as soon as, when, while, until”, dạng bị động, câu điều kiện loại 2. Về kiến thức ngữ âm và từ vựng, học xong học phần sinh viên có khả năng phát âm đúng các từ vựng thuộc các chủ đề: thức ăn đồ uống, địa điểm, mua sắm. Sinh viên nhớ và vận dụng được các từ kết hợp với chủ đề cuộc sống hàng ngày, tính từ đồng nghĩa và trái nghĩa, động từ kết hợp với danh từ, cụm động từ và thành ngữ. Về kỹ năng thực hành tiếng, học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe, nói, đọc và viết về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày. Đối với kỹ năng đọc, rèn luyện cho sinh viên khả năng đọc lướt, đọc quét. Đối với kỹ năng nghe, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe để xác định thông tin đúng/sai, nghe để ghi lại thông tin chính. Đối với kỹ năng viết, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ Anh để miêu tả bạn, viết thư, kể truyện, viết bưu thiếp, điền đơn, giới thiệu sách/phim.

### **9. PPE2010, Giáo dục thể chất 1**

Giáo dục thể chất 1 (GDTC 1) là phần học bắt buộc trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho Sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 1 được chia làm ba nội dung chính:

*Thứ nhất:* Thể dục cơ bản là các nội dung đội hình đội ngũ và các bài tập thể dục tay không được sắp xếp thành bài tập để người tập thường xuyên tập luyện ở mọi lúc mọi nơi, nhằm tăng cường sức khỏe và sự dẻo dai trong lao động.

*Thứ hai:* Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là nội dung nằm trong bộ môn Điền kinh. Kỹ thuật chạy cự ly ngắn là môn thể thao có lịch sử lâu đời, được ưa chuộng và phổ cập rộng rãi trên thế giới. Với nội dung phong phú đa dạng, các bài tập điền kinh có vị trí chủ yếu trong một số những bài tập nhằm phát triển thể lực toàn diện là tiền đề để phát triển các môn thể thao khác.

*Thứ ba:* Thể dục Aerobic: là một dạng của Aerobic với mục đích nâng cao thể lực nói chung và sức bền nói riêng cho người tập. Nó được thực hiện nhờ vận động tại chỗ và di chuyển trong sự phối hợp với nhạc đệm - dẫn dắt nhịp. Cường độ vận động của thể dục Aerobic phụ thuộc vào tính chất, mục đích xây dựng của bài tập.

### **10. PPE2011, Giáo dục thể chất 2**

Giáo dục thể chất 2 (GDTC 2) là phần học tự chọn trong chương trình Giáo dục thể chất dành cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Phần học GDTC 2 được chọn làm ba nội dung:

### *Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)*

Môn học Cầu lông là một trong 3 nội dung học tự chọn của học phần Giáo dục thể chất 2 trong chương trình đào tạo về Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW. Môn học chia làm 3 nội dung chính: một là Nguồn gốc ra đời của môn Cầu lông và Luật thi đấu môn Cầu lông, hai là Các kỹ thuật thực hành trong môn học Cầu lông, ba là Phương pháp tổ chức và thi đấu môn học Cầu lông.

Môn học Cầu lông là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời môn Cầu lông, các kỹ thuật cơ bản trong đánh cầu lông, thi đấu cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông.

Ngoài ra môn học giúp cho người học hiểu được vai trò, chức năng của cầu lông trong rèn luyện giáo dục thể chất nói chung và trong hoạt động thể dục thể thao nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận động, xác định mục tiêu môn học, bài học. Trên cơ sở đó, giảng viên xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này cũng giúp giảng viên, sinh viên biết tự đánh giá kết quả của quá trình dạy và học, giúp giảng viên, sinh viên thu thập các thông tin phản hồi hữu ích để điều chỉnh quá trình dạy học, nhằm đạt mục tiêu dạy học giáo dục thể chất một cách tốt nhất.

### *Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ)*

Môn học Khiêu vũ thể thao là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn (GDTC2) của môn Giáo dục thể chất. Khiêu vũ thể thao gồm hai trường phái (Latin American và Standard), trong đó mỗi trường phái có 5 vũ điệu và được Liên đoàn khiêu vũ thể thao quốc tế lựa chọn làm các nội dung thi đấu trong hệ thống thi đấu quốc tế. Chương trình môn học tự chọn - Khiêu vũ thể thao trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương là trường phái Latin American (bao gồm các vũ điệu: Cha cha cha, Rumba, Samba, Jive và Paso Doble). Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Khiêu vũ thể thao (Luật Khiêu vũ thể thao và các tư thế liên kết cơ bản). Bên cạnh đó, mỗi một vũ điệu giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, xuất xứ các vũ điệu, cách

đếm nhạc và vào nhạc, các vũ hình cơ bản để sinh viên có thể tự dựng một bài riêng cho đôi nhảy của mình. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức như 1 giải đấu nhỏ về Khiêu vũ thể thao để các em có thể áp dụng tri thức để những kiến thức đã được học cả về lý thuyết và thực hành để tạo hứng thú trong các em sinh viên. Cùng với sự kiểm tra, đánh giá, nhận xét của các giảng viên có chuyên môn trong bộ môn Giáo dục thể chất giúp các em nâng cao được trình độ và có thể tự tin đi giao lưu hoặc tham gia một số giải đấu như Vũ điệu xanh, Giải thể thao học sinh sinh viên, giải thể thao các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội...

### *Giáo dục thể chất 2 (Võ)*

Môn học Võ thuật là một trong 3 nội dung học trong học phần tự chọn của môn Giáo dục thể chất. Võ thuật gồm nhiều môn phái như (Võ cổ truyền, Karate, Vovinam, Taekwondo...), trong đó trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương chọn môn võ Karate làm một trong ba môn học tự chọn của trường. Chương trình môn học tự chọn – Võ thuật trong nội dung môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương là môn phái Karate. Khi học nội dung này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất về Võ thuật (Luật Võ Karate và các tư thế tấn, các đòn đâm, đá). Bên cạnh đó, mỗi bài bài quyền giảng viên cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về yếu lĩnh kỹ thuật của từng tư thế động tác, cách sử dụng lực ở từng đòn đâm, đá và cách di chuyển trong bài quyền để sinh viên có thể thực hiện đúng và liên hoàn các thế võ. Ngoài ra, kết thúc môn học sinh viên còn được tổ chức thi học phần dưới hình thức biểu diễn theo nhóm

### **11. POL2007 *Pháp luật học đại cương***

**(2 tín chỉ)**

Pháp luật đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên luật những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung, những vấn đề cơ bản nhất về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề hội nhập, hợp tác quốc tế và phòng chống tham nhũng. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật góp phần hình thành những thế hệ công dân có hiểu biết về pháp luật và có ý thức thượng tôn pháp luật. Việc nghiên cứu học tập những nội dung cơ bản đó có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn này, khi mà Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN.

### **12. GDQP *Giáo dục quốc phòng (165 tiết)***

## **II. Khối kiến thức chung của nhóm ngành M2**

**16 tín chỉ**

### **II.1. Các Học phần bắt buộc**

**11 tín chỉ**

#### **13. PPE2008 Phương pháp nghiên cứu khoa học**

**(2 tín chỉ)**

Phương pháp nghiên cứu khoa học là Học phần cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức về hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học và các bước thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học, những yêu cầu trong trình bày kết quả nghiên cứu.

Trên cơ sở đó người học có khả năng triển khai nghiên cứu một đề tài cụ thể

#### **14. FAE2072 - Mỹ học**

**(2 tín chỉ)**

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống, khoa học về Mỹ học Mác - Lênin và một số tư tưởng Mỹ học khác. Nội dung môn học nghiên cứu những vấn đề sau:

(1) Chương 1: Bản chất của mỹ học, nghiên cứu, Bản chất của Mỹ học; Khái quát về đối tượng thẩm mỹ lịch sử tư tưởng thẩm mỹ qua các thời kỳ

(2) Chương 2: Các phạm trù cơ bản của Mỹ học – Khách thể thẩm mỹ, nghiên cứu, Phạm trù Cái đẹp; Cái bi; Cái hài....

(3) Chương 3: Chủ thể thẩm mỹ, nghiên cứu, Chủ thể thẩm mỹ và mối quan hệ của chủ thể với tác phẩm nghệ thuật; Các thành tố cấu thành của chủ thể thẩm mỹ.

(4) Chương 4: Giáo dục thẩm mỹ, nghiên cứu, Bản chất của giáo dục thẩm mỹ; Các hình thức giáo dục thẩm mỹ; Vai trò của GD và định hướng thẩm mỹ trong môi trường học đường... Trong tự nhiên, các mối quan hệ xã hội, trong nghệ thuật. Từ đó hình thành năng

#### **15. CLM2001 Cơ sở văn hóa Việt Nam**

**(3 tín chỉ)**

Nội dung Học phần bao gồm:

*Những lý luận cơ bản về văn hóa và văn hóa học:* Văn hóa và văn hóa học, môi trường văn hóa, tiếp xúc và giao lưu văn hóa, những thành tố của văn hóa Việt Nam;

*Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam:* Đông Nam Á tiền sử và cội nguồn của văn hóa Việt Nam; văn hóa Việt Nam thời kỳ dựng nước; văn hóa Việt Nam những năm sau công nguyên (từ 179 - 938); văn hóa Đại Việt và văn hóa Việt Nam (văn hóa VN thời tự chủ từ 938 -1858); văn hóa Việt Nam từ 1850 – 1945; văn hóa Việt Nam từ 1945 đến nay;

*Không gian văn hóa Việt Nam:* Khái niệm không gian, thời gian văn hóa, vùng văn hóa và phân vùng văn hóa; đặc trưng cơ bản các vùng văn hóa Việt Nam; những biến đổi về văn hóa hiện nay ở các vùng văn hóa và công tác bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.

**16. FAE2092 - Đại cương các loại hình nghệ thuật (SPMT)****(2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về nguồn gốc của nghệ thuật, Chức năng nghệ thuật. Đặc trưng các loại hình nghệ thuật cơ bản và cơ sở phân chia các nhóm nghệ thuật theo truyền thống, mối quan hệ của các loại nghệ thuật và Thường thức tác phẩm nghệ thuật.

**17. CFL2005, Tiếng Anh chuyên ngành**

+ Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 2

+ Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Anh chuyên ngành Thiết kế đồ họa trang bị cho sinh viên vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành thuộc các chủ đề: Lịch sử Thiết kế Đồ họa; Các thành phần của thiết kế; Kỹ thuật vẽ phác thảo; Đồ họa máy tính; Biểu tượng; Dàn trang và tranh áp phích; Bên cạnh đó học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thực hành tiếng trong đó chú trọng đến kỹ năng đọc hiểu văn bản tiếng Anh chuyên ngành giúp sinh viên có thể tra cứu tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình giúp sinh viên tự tin giao tiếp về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành Thiết kế đồ họa bằng tiếng Anh phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp. Thông qua nội dung các bài học tiếng Anh chuyên ngành sinh viên không những được nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh mà còn có thể trau dồi kiến thức chuyên ngành Thiết kế đồ họa.

**II.2. Các học phần tự chọn****5/13 tín chỉ****18. CLM2004 Lịch sử văn minh thế giới****(2 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thành tựu và đặc điểm của mỹ thuật nguyên thủy, cổ đại, trung cổ, phục hưng, các trường phái, trào lưu mỹ thuật lớn và khuynh hướng sáng tác của các nước góp phần làm thay đổi diện mạo mỹ thuật thế giới; giới thiệu những trung tâm mỹ thuật tiêu biểu của Châu Á: Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, tạo điều kiện để sinh viên có cái nhìn tổng quan về mỹ thuật thế giới, đặc biệt là những thành tựu mỹ thuật tiêu biểu và nhằm phát huy khả năng tìm tòi, sáng tạo nghệ thuật và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

**19. POL2005 Lịch sử Triết học 1****(2 tín chỉ)**

Bao gồm các kiến thức cơ bản về triết học phương Đông, cụ thể là 2 nền triết học lớn Ấn Độ và Trung Quốc giúp cho sinh viên hiểu được sự ra đời, phát triển và đặc trưng của triết học phương Đông. Thông qua đó người học có thể liên hệ thấy sự đan xen phức tạp,

phủ định, kế thừa và phát triển của Triết học, đồng thời xây dựng cho người học có một cách nhìn khoa học với di sản triết học, cũng như mọi di sản tinh thần của xã hội.

**20. POL2006 Lịch sử Triết học 2**

**(2 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của triết học phương Tây từ thời cổ đại đến thời cận đại. Nội dung trình bày với mục đích làm cho người học hiểu được logic phát triển của triết học phương Tây. Qua đó, người học cũng hiểu rõ hơn những tiền đề trực tiếp cho sự kế thừa và phát triển của Triết học Mác-Lênin.

**21. PPE2007 Tâm lý học đại cương**

**(2 tín chỉ)**

Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý, bao gồm: bản chất và chức năng vai trò của tâm lý người; cơ sở tự nhiên và xã hội của hiện tượng tâm lý; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức - nhân cách; các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách; hoạt động nhận thức; trí nhớ; ngôn ngữ.

Trên cơ sở đó người học có khả năng giải thích hiện tượng tâm lý con người theo quan điểm khoa học; có ý thức vận dụng tri thức tâm lý học vào việc tự rèn để hoàn thiện nhân cách.

**22. PPE2029 Kỹ năng khởi nghiệp**

**(3 tín chỉ)**

Học phần được xây dựng từ bộ tài liệu “Kỹ năng toàn diện – Nền tảng cốt lõi để khởi nghiệp thành công” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt triển khai tại các cơ sở đào tạo.

Học phần bao gồm 07 nhóm kỹ năng cần thiết và quan trọng đối với người học, bao gồm:

- (1) Kỹ năng nhận thức bản thân;
- (2) Kỹ năng làm chủ cảm xúc;
- (3) Kỹ năng tương tác xã hội;
- (4) Kỹ năng làm việc;
- (5) Kỹ năng quản lý;
- (6) Kỹ năng lãnh đạo;
- (7) Kỹ năng khởi nghiệp thành công.

Mỗi nhóm kỹ năng này bao gồm các kỹ năng hoặc chủ đề nhỏ khác, được xây dựng theo nguyên tắc từ nội dung đơn giản đến nâng cao và chuyên sâu và mang tính thực tiễn (Tổng thể học phần bao gồm 7 nhóm kỹ năng lớn với 10 chủ đề nhỏ, tương đương với 10 buổi học/03 tín chỉ của học phần này)

**23. PPE2005 Tâm lý học tiêu dùng****(2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lý của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại; giúp người học hiểu rõ các đặc điểm tâm lý của người tiêu dùng, của nhóm người tiêu dùng cụ thể trong quá trình tham gia hoạt động thương mại; phân tích về mặt lý luận những nguyên tắc, sách lược và phương pháp tiêu thụ hàng hóa dưới góc độ tâm lý học, sự tác động quan trọng của tâm lý đối với việc định giá sản phẩm mới, thiết kế và tiêu thụ sản phẩm; tác dụng của quảng cáo và trưng bày hàng hóa đối với tâm lý người tiêu dùng và hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; quan hệ hai chiều giữa tâm lý người tiêu dùng với hoạt động kinh doanh trong thị trường.

**III. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3)****39 tín chỉ****III.1. Các Học phần bắt buộc****30 tín chỉ****24. FAE2077 - Giải phẫu tạo hình****(2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về giải phẫu tạo hình. Nội dung học phần là các vấn đề cơ bản : Kiến thức chung về giải phẫu, tỷ lệ cơ thể và cấu trúc đầu người với tỷ lệ từng phần của cơ thể nam, cơ thể nữ trưởng thành và tỷ lệ cơ thể trẻ em. Những biến đổi mang tính quy luật của hệ xương, cơ. Đây là những kiến thức cơ sở, nền tảng giúp người học tiếp cận các môn học chuyên ngành và sáng tác Mỹ thuật. Môn học cũng rèn luyện cho sinh viên khả năng quan sát, phân tích, cảm thụ, đánh giá vẻ đẹp chuẩn mực của cơ thể con người. Trên cơ sở đó sinh viên có khả năng sáng tạo cái đẹp trong tác phẩm nghệ thuật.

**25. FAE2078 - Luật xa gần****(2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sâu rộng về Luật xa gần, giải thích cơ chế của sự nhìn trong không gian ba chiều và những phương pháp biểu hiện không gian trên mặt phẳng theo quy luật nhìn của mắt: Bao gồm nguyên tắc của sự nhìn, các phép chiếu, các định nghĩa, khái niệm, phương pháp biểu hiện không gian trên mặt phẳng theo quy luật của thị giác, các yếu tố kết cấu của luật xa gần và cùng với vai trò của môn Luật trong học tập và sáng tác mỹ thuật. Giới thiệu một số hình thức vẽ phối cảnh theo đồ thức, vẽ phối cảnh trực tiếp và các bài tập ứng dụng thực hành. Sinh viên biết vận dụng kiến thức cơ bản vào học tập, giảng dạy môn mỹ thuật ở các cấp học trong hệ thống giáo dục Quốc dân và sáng tạo nghệ thuật.

**26. GRD2301 Hình họa 1****(3 tín chỉ)**

Vẽ nghiên cứu bằng chất liệu chì (đen trắng): Rèn luyện kỹ thuật vẽ bút chì và kỹ năng diễn đạt khối đơn giản, đơn chất (thạch cao); bố cục cân đối, phương pháp dựng hình kĩ hà, đúng tỉ lệ, hệ thống đậm nhạt chuyển biến 3 sắc độ. Hiểu quy luật chiếu sáng và tính đa dạng của các nguồn sáng tác động lên vật thể.

### **27. GRD2302 Hình họa 2**

**(3 tín chỉ)**

Vẽ nghiên cứu bằng chất liệu chì (đen trắng): sử dụng kỹ thuật vẽ bút chì thành thạo và kỹ năng diễn đạt khối đa hướng, đơn chất (thạch cao). Bố cục cân đối thuận mắt, phương pháp dựng hình kĩ hà cấu trúc hợp lý, đúng tỉ lệ đặc điểm tượng mẫu, hệ thống đậm nhạt chuyển biến 3 sắc độ hài hòa.

Bài tập: Tượng chân dung nam già, tượng lột da toàn thân, tượng bán thân nam, tượng bán thân nữ.

### **28. GRD2303 Hình họa màu nước**

**(3 tín chỉ)**

Vẽ nghiên cứu bằng chất liệu than (đen trắng): sử dụng kỹ thuật vẽ bút chì thành thạo và kỹ năng diễn đạt khối phức hợp, diễn tả chất tổng hợp. Bố cục cân đối thuận mắt, phương pháp dựng hình kĩ hà cấu trúc hợp lý, đúng tỉ lệ đặc điểm mẫu, hệ thống đậm nhạt chuyển biến 3 sắc độ tinh tế. Yêu cầu kỹ năng bắt hình vẽ nhanh

Bài tập: Bàn chân, bàn tay, chân dung bán thân nam nữ, bán thân nam; Ký họa

Sử dụng màu nước vẽ nghiên cứu vật thể và không gian, cảm nhận sự phong phú của màu sắc, tính hấp thụ ánh sáng của vật chất. Màu nước có khả năng triển khai lối vẽ nhanh và nghiên cứu sâu, với đặc tính hòa tan trong nước, được dùng theo tầng thứ tùy vào cường độ màu trên nền giấy trắng, Đặc điểm làm trong của giấy và nước rất gần với kỹ thuật in phẳng và in lõm.

Bài tập: Hình họa màu nước từ đơn giản đến nâng cao, đối tượng nghiên cứu là đồ vật, thực vật, người và không gian. Chất liệu này có tính ứng dụng cao với cách tiếp cận tạo hình của đồ họa.

### **29. GRD2002 Vẽ kỹ thuật – Đặc biểu kiến trúc**

**(2 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của môn vẽ kỹ thuật - đặc biểu kiến trúc, từ đó sinh viên có khả năng đọc được bản vẽ KT, làm việc theo nhóm ngoài thực địa để đo và vẽ các đối tượng trong không gian, kết hợp yếu tố kỹ thuật và thể hiện bằng ngôn ngữ nét, chấm của đồ họa.

### **30. GRD2004 Cơ sở tạo hình mặt phẳng**

**(2 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên nhận thức tổng quan của ngôn ngữ tạo hình cơ bản, tổng quát các dạng bố cục; Rèn luyện cho sinh viên khả năng làm chủ diện tích, không gian thiết kế, kỹ năng sáng tác bố cục dựa trên những yếu tố hình nét tượng trưng không bị lệ thuộc vào các yếu tố mang tính nội dung.

**31. GRD2005 Cơ sở tạo hình khối không gian (2 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên tổng quan các dạng yếu tố tham gia vào tạo hình mặt phẳng. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng các yếu tố chấm, nét, mảng, khối, đơn nguyên, modul, chất... để tạo nên sản phẩm thiết kế có giá trị thẩm mỹ.

**32. GRD2006 Nguyên lý thị giác (3 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên tổng quan kiến thức về nguyên lý thị giác: mối quan hệ giữa thị giác, ánh sáng và vật chất, lý tính của màu ánh sáng, màu vật chất. Rèn luyện cho sinh viên năng lực đọc màu, nguyên lý dàn dựng các dạng hòa sắc theo nhiều dạng biểu cảm trong thị giác.

**33. GRD2007 Lịch sử mỹ thuật ứng dụng (2 tín chỉ)**

Học phần đề cập đến quá trình hình thành và phát triển của mỹ thuật ứng dụng Việt Nam và thế giới qua các giai đoạn lịch sử: thành tựu và đặc điểm cơ bản của mỹ thuật ứng dụng Việt Nam trong các thời kỳ; Những thành tựu và đặc điểm của mỹ thuật ứng dụng châu Âu, châu Mỹ, các trường phái, trào lưu mỹ thuật ứng dụng lớn và khuynh hướng sáng tác của các nước trên thế giới; những trung tâm mỹ thuật ứng dụng tiêu biểu trên thế giới.

**34. GRD2304 Hình họa chuyên ngành 1 (3 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp vẽ Chấm biến độ, Nét biến độ và nhịp điệu, kiến thức đặc trưng của nghệ thuật đồ họa trong diễn đạt vật thể và không gian..

Hệ thống bài tập gồm: 1. Kỹ thuật chấm biến độ; 2. Chấm biến độ tạo khối cơ bản; 3. Nét biến độ thẳng và nhịp điệu; 4. Diễn đạt chân dung bằng nét biến độ; 5. Nghiên cứu bán thân nữ 3 sắc độ; 6. Diễn đạt chân dung - nét biến độ, nét nhịp điệu.

**35. GRD2305 Hình họa chuyên ngành 2 (3 tín chỉ)**

Ngôn ngữ chung của nghệ thuật đồ họa là chấm, nét, mảng. Tuy nhiên sáng tạo trong đồ họa thiết kế phải kể đến yếu tố kỹ thuật và công nghệ - hướng theo sự phát triển của thời đại. Hình họa chuyên ngành II tiếp cận khái niệm thiết kế hình họa để xây dựng bài tập sát với thực tiễn.

Theo hệ thống bài tập: 7. Hình họa cấu trúc nam; 8. Hình họa cấu trúc nữ; 9. Diễn đạt nét, mảng – toàn thân nữ; 10. Diễn đạt nét, mảng – nhân vật và bối cảnh; 11. Nghiên cứu chân dung bằng đặc điểm đồ họa; 12. Diễn đạt chân dung mật độ điểm màu CMYK. Thông qua vật mẫu, sinh viên tiếp cận với hệ màu CMYK của công nghệ in để diễn đạt bài tập.

### **III. 2. Các Học phần tự chọn**

**9/20 tín chỉ**

#### **36. FAE2093 - Lịch sử Mỹ thuật thế giới và Việt Nam**

**(3 tín chỉ)**

Học phần Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt Nam giới thiệu một cách hệ thống quá trình hình thành và phát triển của lịch sử Mỹ thuật phương Tây và phương Đông thông qua việc giới thiệu các trào lưu, xu hướng, trường phái nghệ thuật tiêu biểu, theo tiến trình lịch sử. Trong mỗi thời kỳ, mỗi trào lưu, xu hướng trường phái nghệ thuật đều được giới thiệu những vấn đề chính về đặc điểm, phong cách, quan niệm thẩm mỹ, phong cách, đặc điểm tạo hình, tình hình chính trị, kinh tế văn hóa xã hội, tôn giáo tác động ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển Mỹ thuật.

#### **37. FAE2096 - Mỹ thuật học**

**(2 tín chỉ)**

Học phần giới thiệu một cách hệ thống, khoa học những vấn đề cơ bản của nghệ thuật tạo hình. Thông qua việc trình bày và phân tích các vấn đề: (1) Khái quát chung về Mỹ thuật, (2) Đặc trưng ngôn ngữ nghệ thuật Hội họa, ngôn ngữ nghệ thuật Điêu khắc, ngôn ngữ nghệ thuật Đồ họa, (3) Khái quát lịch sử phát triển, kỹ thuật, đặc điểm của chất liệu: Lụa, Sơn dầu, Sơn mài, Màu nước, một số chất liệu truyền thống, hiện đại của nghệ thuật Điêu khắc, (4) Phương pháp phân tích và giới thiệu tác giả, tác phẩm nghệ thuật tạo hình, trong đó sinh viên được thực hành phân tích một số tác phẩm tiêu biểu, phân tích tranh thiếu nhi. Từ những kiến thức cơ bản trên, phát triển khả năng tư duy, sinh viên có thể vận dụng vào quá trình nhận thức, đánh giá và sáng tạo nghệ thuật.

#### **38. GRD2010 Thẩm mỹ công nghiệp**

**(2 tín chỉ)**

Nội dung: Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu được thẩm mỹ công nghiệp là một trong những chỉ tiêu để đánh giá chất lượng sản phẩm và tìm hiểu sự ra đời của nền sản xuất công nghiệp và thẩm mỹ công nghiệp, các trào lưu khuynh hướng trong thẩm mỹ công nghiệp, các nguyên lý và phạm trù tương hỗ của thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển sự đồng hành với thủ công, thẩm mỹ công nghiệp trong tương lai.

#### **39. GRD2011 Marketing Design**

**(2 tín chỉ)**

Được xây dựng trên cơ sở lý thuyết nền tảng về việc vận dụng yếu tố mỹ thuật trong hoạt động Marketing, cụ thể là việc phát triển các ý tưởng độc đáo dựa trên nhiều công cụ

mỹ thuật đa phương tiện hiện đại như Adobe photoshop; Adobe Illustrator CS5...Phương thức triển khai các công cụ hỗ trợ thiết kế. chủ động lên ý tưởng và hiện thực hóa sáng tạo nghệ thuật cho những sản phẩm trong cuộc sống. Ứng dụng các nguyên tắc mỹ thuật trong việc thiết kế các POSM ( bandrol, poster, brochure ) , TVC, chế bản in ấn...nhằm tạo ra những sản phẩm có tính nghệ thuật độc đáo.

#### **40. GRD2012 Vật liệu và Công nghệ in**

**(2 tín chỉ)**

Cung cấp kiến thức kỹ thuật công nghệ thiết thực, vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế nhằm tạo hiệu quả tốt nhất cho sản phẩm thiết kế đồ họa.

Vật liệu là một lĩnh vực rộng được quy định bởi các đặc tính hóa lý của các chủng loại màu, mực in... tác động lên bề mặt chủng loại giấy, nylon, nhựa. kim loại.

Công nghệ in là quy trình sản xuất có độ chuẩn xác cao, in offset, in ống đồng, gồm các công đoạn: Trước in (chế bản điện tử); In (thể hiện sản phẩm trên máy in); Sau in (Thành phẩm).

#### **41. GRD2013 Cơ sở tạo hình nâng cao**

**( 2 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên phương pháp luận cơ sở tạo hình khối trong không gian; nhận thức thị giác về khối trong không gian: lực thị giác, trường thị giác - nắm được mối quan hệ giữa hình với không gian, mối quan hệ tương phản, mối quan hệ mảng chính, mảng phụ, mối quan hệ giữa điểm, đường nét, mảng lồi lõm (âm dương), các quan hệ tỷ lệ sức căng, tính hài hòa, thống nhất; phương pháp sử dụng chất liệu, các tổ hợp hình khối... đảm bảo tính khúc chiết, nêu bật được chủ thể và đạt được sự hài hòa, thống nhất mang tính thẩm mỹ.

#### **42. GRD2306 Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh**

**(3 tín chỉ)**

Nghiên cứu thực vật, động vật, đồ vật với hình thể tương đối tĩnh, nhằm mục đích rèn luyện thói quen khai thác sâu về chất, cấu trúc, đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. Đồng thời hình thành kỹ năng cảm nhận, kỹ thuật thể hiện có cá tính nghệ thuật riêng biệt.

Bài tập thực hành bằng chất liệu bút sắt, màu nước. Góp phần đặc lực cho thiết kế sản phẩm môn sáng tác thiết kế.

#### **43. GRD2015 Hình họa nghiên cứu hình thể động**

**(2 tín chỉ)**

Đối tượng nghiên cứu là các hoạt động sống của động thực vật trong tự nhiên. Nâng cao năng lực khái quát hình ảnh thông qua cấu trúc và các bước chuyển động cấu trúc của

vật thể. Nắm chắc quy luật chuyển động trong không gian của từng dạng và loại vật thể. Khai thác chiều ánh sáng để tạo hiệu quả chuyển động tối ưu.

Bài tập thực hành thiết kế hình họa động với các đối tượng cụ thể, tình huống cụ thể. Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của nghiên cứu hình họa. Là kiến thức quan trọng cho thiết kế đồ họa hoạt hình.

#### **44. GRD2016 Ký họa**

**(2 tín chỉ)**

Đây là học phần rất cần thiết đối với những người học Mỹ thuật nói chung và ngành Thiết kế Đồ họa nói riêng. Ký họa giúp cho người học khả năng khái quát và nắm bắt hình thể một cách nhanh nhất, luyện mắt, luyện tay để phục vụ trở lại cho môn hình họa, đặc biệt ký họa giúp cho người học ghi chép được tư liệu thực tế để xây dựng bộ cục tranh và làm tư liệu cho các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

### **IV. Khối kiến thức chuyên ngành (M4)**

**43 tín chỉ**

#### **IV.1 Các môn bắt buộc**

**33 tín chỉ**

#### **45. GRD2058, Nghệ thuật nhiếp ảnh**

**(3 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh,; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele, góc rộng...). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật xử lý sáng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo. Là khai thác, lựa chọn, chuyển hóa các yếu tố đơn lẻ hoặc không gian của các thể loại nhiếp ảnh vào không gian tạo hình 2D hoặc 3D đạt hiệu quả ngôn ngữ đồ họa tinh giản, cô đọng, tượng trưng, hấp dẫn. Không gian tạo hình của đồ họa ảnh vẫn giữ được tính chân thực của sản phẩm gốc, đồng thời lại phù hợp với dụng ý sáng tạo với ý nghĩa mới, cảm quan thẩm mỹ mới.

#### **46. GRD2057, Nghệ thuật chữ**

**(3 tín chỉ)**

Dựa trên cấu tạo nét chữ Latinh cơ bản. Học phần này nhằm biến đổi kiểu chữ phù hợp với mục đích thiết kế. Phương pháp cách điệu chữ giản lược hoặc cường điệu vẫn đảm bảo thông tin của chữ. Đáp ứng về tâm lý, thị hiếu thẩm mỹ cho các độ tuổi, tầng lớp xã hội; Lĩnh vực xã hội giải trí, quảng cáo, truyền thông...

Nghệ thuật chữ là quy trình sáng tạo gắn liền với quan niệm thẩm mỹ đương thời. Các yếu tố tạo hình luôn vận động theo sự phát triển của công nghệ, được áp dụng rộng rãi trong công nghệ điện tử.

Là Học phần gắn với các bài tập môn Sáng tác thiết kế và phần mềm Corel Draw, Illustrator.

#### **47. GRD2020 Tin học chuyên ngành 1**

**(3 tín chỉ)**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng hợp về hình ảnh và vector đồ họa, kỹ năng sử dụng các công cụ vẽ, màu sắc phối hợp với hình ảnh tạo hiệu ứng để thiết kế Logo, thiết kế poster, Brochure, Catalogue, Lịch, Hộp, và một số ấn phẩm quảng cáo khác.

Phần mềm được thực tiễn kiểm chứng vì những tiện ích mà nó mang lại trong quá trình thiết kế ấn phẩm đồ họa

#### **48. GRD2021 Tin học chuyên ngành 2**

**(3 tín chỉ)**

Photoshop là phần mềm xử lý hình ảnh hữu hiệu bởi các hiệu ứng thị giác đa dạng từ cực thực đến trừu tượng. Môi trường này dễ dàng cắt ghép hình ảnh từ đơn lẻ trở thành một tập hợp phức tạp có tính đồng nhất cao. Phần mềm này được áp dụng phổ biến trong thiết kế hình ảnh cho quảng cáo, các ấn phẩm đồ họa cao cấp...

#### **49. GRD2022 Tin học chuyên ngành 3**

**(3 tín chỉ)**

Macromedia Flash hay còn gọi một cách đơn giản là Flash, được dùng trong chương trình sáng tạo đa phương tiện (*multimedia*).

Flash dùng kỹ thuật đồ họa vector và đồ họa điểm (*raster graphics*). Ngoài ra Flash còn có khả năng truyền và tải luồng âm thanh hoặc hình ảnh. Flash là công cụ để phát triển các ứng dụng như thiết kế các phần mềm mô phỏng, cũng có thể xuất bản đa dạng các file kiểu html, exe, jpg để phù hợp với các ứng dụng của người sử dụng như trên Web, CD.

Phần mềm này là công cụ để sinh viên quy nạp kiến thức và kỹ năng xây dựng nhân vật hoạt hình trong không gian 2D. Với thời lượng ngắn, sinh động, dễ nhớ.

#### **50. GRD2023, Sáng tác thiết kế 1**

**(3 tín chỉ)**

Bài học lý thuyết và thực hành mở đầu của Học phần Sáng tác thiết kế nhằm cung cấp khái niệm trang trí là gì. Kiến thức và kỹ năng trang trí khi được ứng dụng vào đối tượng cụ thể sẽ trở thành sản phẩm thiết kế đồ họa. Các kiến thức về màu sắc, họa tiết, nguyên tắc bố cục trang trí hình cơ bản.

Bài tập kết hợp các yếu tố cơ bản nhưng được áp dụng vào các vật dụng, đồ dùng của đời sống như: Thiết kế đĩa đựng hoa quả, thực phẩm..., khay vuông hoặc chữ nhật cho ấm chén uống trà, cà phê..., Diềm chao đèn, chân tường, gấu áo, váy...

**51. GRD2024, Sáng tác thiết kế 2**

**( 3 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ cơ bản của nghệ thuật đồ họa, cách vận dụng các nguyên lý của đen và trắng để tạo ra các cặp trạng thái tĩnh - động, trật tự - hỗn loạn, mơ hồ - định hình. Thực hành các kỹ năng biểu tả hiệu ứng thị giác bằng mật độ và tổ hợp của chấm, nét và mảng.

Bài tập vận dụng ngôn ngữ hình, nét, mảng không nội dung và có nội dung, dạng bài tập cơ sở này giúp sinh viên hiểu được tính tương đối của các khái niệm tạo hình cơ bản.

**52. GRD2025 Sáng tác thiết kế 3**

**( 3 tín chỉ)**

Khái quát về nghệ thuật đồ họa độc lập, các phương pháp và kỹ thuật chế bản, in tranh. Là kiến thức bổ trợ về nghệ thuật, giúp cho việc nhận dạng đặc thù, phân tích được điểm chung và nét riêng biệt của các chuyên ngành đồ họa. Góp phần nâng cao trình độ thẩm mỹ, kiến thức tạo hình đa dạng. Tạo tiền đề tốt cho việc thực hiện các bài tập thiết kế sau này.

Thực hành bài tập sáng tác phong cảnh, tĩnh vật, bố cục nhân vật với phương pháp in kết hợp truyền thống và in công nghiệp, khắc gỗ đen trắng, thạch cao, khắc gỗ màu.

**53. GRD2026, Sáng tác thiết kế 4**

**(3 tín chỉ)**

Nghiên cứu thực vật, động vật, nhân vật. Nội dung theo từng nhóm chủ đề nhằm tích lũy kiến thức tự nhiên và văn hóa, kiến thức tạo hình trong quá trình học trên lớp và tự học, rèn luyện kỹ năng cảm nhận, xử lý tài liệu và tư duy sáng tạo.

Cung cấp cho sinh viên sinh viên thủ pháp đơn giản, tinh lọc và cường điệu, diễn hình hóa. Sản phẩm cách điệu với các tiêu chí thẩm mỹ phù hợp từng dạng đối tượng của thực tế đời sống.

Bài tập gồm 2 dạng: Quy định bắt buộc và tự lựa chọn chủ đề. Nhóm Kiến thức và kỹ năng của phần này liên quan mật thiết với nhóm bài tập STTK 5

**54. GRD2045, Sáng tác thiết kế 5**

**(3 tín chỉ)**

Trang bị kiến thức thiết kế sản phẩm đồ họa ứng dụng nhận diện thương hiệu với các khái niệm độc lập, trên mặt phẳng và khối.

Nghiên cứu đặc thù, đặc tính sản phẩm hàng hóa, tâm lý và thói quen tiêu dùng. Kết hợp các yếu tố thẩm mỹ, quy cách, vật liệu và công nghệ sản xuất.

Bài tập thực hành tiến hành theo trình tự thiết kế từ hình thành ý tưởng đến ý tưởng và triển khai trên máy tính, mô phỏng 3D. Dạng bài tập bao gồm: Giấy gói hàng, bao bì, logo.

**55. GRD2046, Sáng tác thiết kế 6**

**(3 tín chỉ)**

Nội dung kiến thức gồm 2 phần, thiết kế bộ sản phẩm văn phòng và thiết kế tem bưu chính. Trang bị cho sinh viên kiến thức thiết kế tổng hợp, tìm mối quan hệ mang tính tương tác về hình thức cho bộ sản phẩm, đáp ứng đúng tính chất ngành nghề và môi trường văn phòng. Sản phẩm thiết kế bao gồm: danh thiếp, phong bì, giấy viết thư, sổ tay, cặp tài liệu, lịch bàn.

Thiết kế tem bưu chính với các yêu cầu chặt chẽ về kỹ thuật của ngành bưu chính. Tem bưu chính có diện tích nhỏ nhưng hàm chứa nội dung sự kiện, nhân vật lịch sử.

Thẻ loại thiết kế này trang bị kiến thức văn hóa - xã hội và kỹ năng thể hiện hình tượng tinh tế, cô đọng cho sinh viên. Thiết kế bộ tem có yêu cầu nội dung và hình thức rất gần với thiết kế áp phích.

**IV.2. Các môn tự chọn**

**10/17 tín chỉ**

**56. GRD 2052 Phần mềm Corel Draw**

**(2 tín chỉ)**

Phần mềm có đặc trưng đồ họa tiêu biểu, đặc điểm cơ bản là tạo các vector điều hướng rất linh hoạt và đa dạng, CorelDraw là môi trường thuận lợi để thiết kế kết hợp nét, mảng, màu sắc mạnh trong không gian 2D. Ưu điểm nổi trội là biến đổi hoặc vẽ lại các kiểu chữ cơ bản trên các nút điều hướng, ngoài ra nó còn có hệ thống biểu tượng và các ký hiệu đồ họa rất đa dạng. Ứng dụng của CorelDraw trong thiết kế sách báo, minh họa, truyền thông rất hữu hiệu.

**57. GRD 2053 Phần mềm Adobe Indesign**

**(2 tín chỉ)**

Là phần mềm mạnh và được sử dụng phổ biến nhất trong thiết kế dàn trang, thông qua Indesign sinh viên nắm chắc các nguyên lý về bố cục theo hệ thống chuỗi.

Đây là công cụ có ứng dụng mạnh mẽ nhất trong thực tiễn thiết kế Brochure cũng như dàn trang cho các ấn phẩm PR trên báo , tạp chí.

**58. GRD 2031 Phần mềm Autodesk 3 Ds Max**

**(2 tín chỉ)**

Autodesk 3ds Max là một phần mềm đồ họa vi tính ba chiều. Thuộc thể loại Đồ họa máy tính 3D. Trên thực tế thể loại này đã trở thành ngành đồ họa có tính chuyên sâu và tồn tại tương đối độc lập.

Học phần này cung cấp cho sinh viên đồ họa kiến thức khái quát về các chuyển động của nhân vật, vật thể trong không gian 3D và thời gian. Nó tích hợp nhiều kiến thức về thẩm mỹ và công nghệ cao của máy tính. Là Học phần không bắt buộc vì phụ thuộc vào năng lực của người học.

Ứng dụng của đồ họa 3D vào nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt là công nghiệp điện ảnh hiện đại.

**59. GRD2032, Thiết kế bộ ấn phẩm văn hóa và xuất bản phẩm (2 tín chỉ)**

Nội dung bao hàm kiến thức chuyên môn và kỹ năng thể hiện theo dòng sản phẩm văn hóa có sắc thái, bản sắc riêng. Thiết kế đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về thẩm mỹ và tính kỹ thuật. Trong đời sống hiện đại văn hóa luôn đồng hành cùng kinh tế. Tuy nhiên, với sản phẩm thiết kế dạng này yếu tố văn hóa nhân văn cần được chú trọng.

Bài tập thiết kế: Tờ gấp, Brocher, Bìa và minh họa sách, Thiết kế báo chí. ứng dụng trên các phần mềm Indesign, photoshop, Illustrator...

**60. GRD2307 Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm thương mại (3 tín chỉ)**

Nội dung bao hàm kiến thức chuyên môn và kỹ năng thể hiện theo dòng sản phẩm thương mại có danh tính cụ thể. Thiết kế đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về thẩm mỹ và tính kỹ thuật của thương hiệu.

Bài tập với mục tiêu: Hình ảnh, cảm xúc, một dấu hiệu, một thông điệp tức thời cho một công ty hay một sản phẩm. Nhận diện thương hiệu thành công thường phải biết cách kết hợp giữa cá tính của thương hiệu trong quan niệm của đối tượng phục vụ và trong chính bản thân sản phẩm hoặc dịch vụ mang thương hiệu đó. Sản phẩm thiết kế phù hợp với công nghệ sản xuất. Bài tập bao gồm, logo, tờ gấp, banner, áp-phíc...

**61. GRD2034, Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Văn hóa (2 tín chỉ)**

Phần bài tập làm việc theo nhóm, kiến thức và kỹ năng phối hợp tổ chức thực hiện: thuyết trình, mô hình, thiết kế hình ảnh đồ họa về một sự kiện chính trị, văn hóa tại Việt Nam.

- Lập chiến lược và thực hiện chiến dịch Marketing.
- Thiết kế và thực hiện chiến dịch quảng cáo

- Tổ chức thiết kế, trang trí cho các sự kiện lớn nhỏ như: trang trí sân khấu, gian hàng hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, họp báo, lễ khởi công, khai trương, khánh thành, các lễ kỉ niệm, tiệc cưới, tiệc mừng

**62. GRD2035, Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Thương mại (2 tín chỉ)**

Phần bài tập làm việc theo nhóm, kiến thức và kỹ năng phối hợp tổ chức thực hiện: thuyết trình, mô hình, thiết kế hình ảnh đồ họa về một sự kiện thương mại tại Việt Nam.

- Lập chiến lược và thực hiện chiến dịch Marketing.

- Thiết kế và thực hiện chiến dịch quảng cáo

- Tổ chức thiết kế, trang trí cho các sự kiện lớn nhỏ như: trang trí sân khấu, gian hàng hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, họp báo, lễ khởi công, khai trương, khánh thành, các lễ

**63. GRD 2036 Thiết kế quảng cáo động (2 tín chỉ)**

Bài tập thực hành ứng dụng sản phẩm thiết kế trên mô hình, mô-đun chuyên động; Thiết kế quảng cáo hình ảnh động trên phương tiện điện tử và truyền hình. Chủ đề văn hóa, thể thao, thương mại.

Thiết kế hình ảnh hoặc vật thể chuyển động có tình tiết đột biến gây ấn tượng với thời lượng phù hợp nội dung quảng cáo.

Vận dụng kiến thức tạo hình để thể hiện trên các chất liệu phù hợp, các phần mềm thiết kế như Macromedia Flash, Autodesk 3 Ds Max.

Thiết kế không gian nơi trưng bày quảng cáo, đảm bảo tầm nhìn, góc nhìn, đáp ứng được thẩm mỹ thị giác của đại chúng.

**V. Khối kiến thức thực tế, thực tập (M5)**

**11 tín chỉ**

**64. GRD2037, Thực tế chuyên môn 1 (2 tín chỉ)**

Ghi chép hình ảnh và tư liệu ký họa về văn hóa, phong cảnh, đời sống sinh hoạt tại một địa phương có ngành nghề thủ công, ngư nghiệp, nông nghiệp...; Bước đầu làm quen với môi trường lao động sản xuất, thích nghi với điều kiện mới. Rèn luyện kỹ năng quan sát, kỹ năng khái quát hình thể để ký họa hình và các hoạt động xung quanh. Tạo thói quen ghi chép tài liệu, hình ảnh để phục vụ cho việc học tập tại trường.

**65. GRD2038, Thực tế chuyên môn 2 (2 tín chỉ)**

Sinh viên tiếp cận với thực tế chuyên môn, công nghệ thiết kế tại các cơ sở in (dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh - hiện đại), so sánh, vận dụng những hiểu biết học tập tại trường với thực tiễn. Phát hiện yếu tố mới, đề xuất kiến nghị để cải tiến chương trình.

Nơi thực tế chuyên môn: công ty thiết kế in quy mô vừa và nhỏ, tòa soạn báo, tạp chí, đơn vị thiết kế và tổ chức sự kiện, trung tâm quảng cáo.

Ghi chép hình ảnh và tư liệu về cuộc sống, tập quán văn hóa của một tộc người thiểu số các tỉnh phía Bắc. Hình thành tư duy nghiên cứu thực tế có mục đích và trọng tâm, đề tài liệu từ thực thể có giá trị thiết thực cho sáng tác. Đây là hoạt động nối tiếp chủ điểm thương mại (HK 6), chuyển sang chủ điểm Văn hóa (HK7).

#### **66. GRD2039, Thực tế chuyên môn 3**

**(3 tín chỉ)**

Sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành học từ nhà trường vào thực tập tại cơ sở thiết kế đồ họa chuyên nghiệp, lập kế hoạch lao động, tham gia vào một khâu trong quy trình thiết kế, tham gia vào các công đoạn trước in, in và sau in. Cuối đợt báo cáo thu hoạch bằng nhận xét về công việc đã làm và sản phẩm được xuất bản.

Nơi thực tế chuyên môn: công ty thiết kế in quy mô vừa và nhỏ, tòa soạn báo, tạp chí, đơn vị thiết kế và tổ chức sự kiện, trung tâm quảng cáo.

Khuyến khích định hướng tìm hiểu sâu vào lĩnh vực: Thiết kế tranh truyện; Thiết kế quảng cáo đồng bộ; Thiết kế đồ họa cho tổ chức sự kiện... (tiền đề hình thành hướng nghiên cứu cho đề án tốt nghiệp).

Ghi chép hình ảnh và tư liệu về nhiều lĩnh vực. gồm nhưng bài vẽ nhanh và nghiên cứu sâu đề tài liệu từ thực tế có giá trị thiết thực đề án tiền tốt nghiệp.

#### **67. GRD2041, Thực tập tốt nghiệp**

**(4 tín chỉ)**

Lựa chọn hướng khai thác đề tài và hình thành ý tưởng. Quá trình thâm nhập thực tế để bổ sung và hoàn chỉnh tài liệu về lĩnh vực lựa chọn. Được triển khai có kế hoạch cụ thể: Tài liệu về nội dung, hình ảnh sinh hoạt văn hóa, sản phẩm thương mại... thuộc lĩnh vực sinh viên quan tâm; Tìm hiểu công nghệ, vật liệu thể hiện đề án, từ các xưởng thiết kế in ấn, các làng nghề truyền thống, các nghệ nhân và chuyên gia đồ họa...

Tổng hợp tài liệu, triển khai phác thảo đề án, trình bày giải pháp thực hiện. Bài tập thể hiện kiến thức tổng hợp sâu sắc về chuyên môn, có tính thuyết phục về nghệ thuật và giải pháp công nghệ phù hợp.

#### **VI. Khối kiến thức cuối khóa (M6)**

**20 tín chỉ**

#### **68. GRD2042, Đề án tốt nghiệp**

**(20 tín chỉ)**

Thực hiện đề án tốt nghiệp theo 3 giai đoạn:

- Lựa chọn lĩnh vực, thuyết trình ý tưởng, phác thảo đề án.
- Thể hiện tổng thể, bổ sung, chỉnh sửa. Thống nhất các yếu tố tạo hình
- Hoàn chỉnh, hoàn thiện đề án. Chấm đề án tốt nghiệp

#### **4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

##### **4.1 Về tiến trình đào tạo**

Người quản lý đào tạo cần căn cứ Khung chương trình để sắp xếp lịch học toàn khóa và thời khóa biểu mỗi học kỳ, cho sinh viên đăng kí Học phần, vì tại đó đã ghi rõ tên khối kiến thức, tên Học phần, số tín chỉ, loại giờ tín chỉ, môn tiên quyết nhằm đảm bảo được tính logic về quá trình nhận thức, đảm bảo được khối lượng kiến thức, thời lượng học tập hợp lý cho mỗi học kỳ, theo quy định của Quy chế.

##### **4.2. Dự kiến tiến trình đào tạo toàn khóa theo học kỳ:**

| Số TT    | Mã số     | Học phần                       | Số tín chỉ | Tiến trình đào tạo theo học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|----------|-----------|--------------------------------|------------|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
|          |           |                                |            | 1                              | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| <b>I</b> | <b>M1</b> | <b>Khối kiến thức chung</b>    | <b>27</b>  |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 1        | POL2009   | Triết học Mác - Lê nin         | 3          | 3                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 2        | POL2010   | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | 2          |                                | 2 |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 3        | POL2011   | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | 2          |                                |   | 2 |   |   |   |   |   |   |    |
| 4        | POL2003   | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | 2          |                                |   |   | 2 |   |   |   |   |   |    |

| Số TT       | Mã số                        | Học phần                                          | Số tín chỉ | Tiến trình đào tạo theo học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|-------------|------------------------------|---------------------------------------------------|------------|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
|             |                              |                                                   |            | 1                              | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 5           | POL2013                      | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                    | 2          |                                |   |   |   | 2 |   |   |   |   |    |
| 6           | INF2001                      | Tin học cơ bản                                    | 2          | x                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 7           | CFL 2001                     | Tiếng Anh 1                                       | 4          | x                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 8           | CFL 2002                     | Tiếng Anh 2                                       | 3          |                                | x |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 9           | PPE2010                      | Giáo dục thể chất 1                               | 2          | 1                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 10          | PPE2011                      | Giáo dục thể chất 2                               | 3          |                                | 2 |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 11          | GDQP                         | Giáo dục quốc phòng                               |            |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 12          | POL2007                      | Pháp luật đại cương                               | 2          |                                |   | 2 |   |   |   |   |   |   |    |
| <b>II</b>   | <b>M2</b>                    | <b>Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành</b> | <b>16</b>  |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| <b>II.1</b> | <b>Các Học phần bắt buộc</b> |                                                   | <b>11</b>  |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 13          | PPE2008                      | Phương pháp nghiên cứu khoa học                   | 2          |                                |   | 2 |   |   |   |   |   |   |    |
| 14          | FAE2072                      | Mỹ học                                            | 2          |                                |   | 2 |   |   |   |   |   |   |    |
| 15          | CLM2001                      | Cơ sở văn hóa Việt Nam                            | 3          |                                | 3 |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 16          | FAE2070                      | Đại cương các loại hình nghệ thuật                | 2          | 2                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |

| Số TT        | Mã số                        | Học phần                          | Số tín chỉ  | Tiến trình đào tạo theo học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|--------------|------------------------------|-----------------------------------|-------------|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
|              |                              |                                   |             | 1                              | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 17           | CFL 2004                     | Tiến Anh chuyên ngành (TKĐH)      | 2           |                                |   |   |   |   |   | x |   |   |    |
| <b>II.2</b>  | <b>Các Học phần tự chọn</b>  |                                   | <b>5/13</b> |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 18           | CLM2004                      | Lịch sử văn minh thế giới         | 2           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 19           | POL2005                      | Lịch sử triết học 1               | 2           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 20           | POL2006                      | Lịch sử triết học 2               | 2           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 21           | PPE 2007                     | Tâm lý học đại cương              | 2           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 22           | PPE 2029                     | Kỹ năng khởi nghiệp               | 3           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 23           | PPE 2005                     | Tâm lý học tiêu dùng              | 2           |                                |   | 2 |   |   |   |   |   |   |    |
| <b>III</b>   | <b>M3</b>                    | <b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b> | <b>39</b>   |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| <b>III.1</b> | <b>Các Học phần bắt buộc</b> |                                   | <b>30</b>   |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 24           | FAE2077                      | Giải phẫu tạo hình                | 2           | 2                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 25           | FAE2078                      | Luật xa gần                       | 2           | 2                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 26           | GRD2301                      | Hình họa 1                        | 3           | 2                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 27           | GRD2302                      | Hình họa 2                        | 3           |                                | 2 |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 28           | GRD2303                      | Hình họa màu nước                 | 3           |                                |   |   | 2 |   |   |   |   |   |    |
| 29           | GRD2002                      | Vẽ kỹ thuật                       | 2           |                                |   |   | 2 |   |   |   |   |   |    |

| Số TT        | Mã số                       | Học phần                              | Số tín chỉ  | Tiến trình đào tạo theo học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|--------------|-----------------------------|---------------------------------------|-------------|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
|              |                             |                                       |             | 1                              | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 30           | GRD2004                     | Cơ sở tạo hình mặt phẳng              | 2           |                                | 2 |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 31           | GRD2005                     | Cơ sở tạo hình khối không gian        | 2           |                                |   | 2 |   |   |   |   |   |   |    |
| 32           | GRD2006                     | Nguyên lý thị giác                    | 3           |                                |   |   |   | 3 |   |   |   |   |    |
| 33           | GRD2007                     | Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng             | 2           |                                |   |   |   |   | 2 |   |   |   |    |
| 34           | GRD2304                     | Hình họa CN1                          | 3           |                                |   |   |   | 4 |   |   |   |   |    |
| 35           | GRD2305                     | Hình họa CN2                          | 3           |                                |   |   |   |   | 4 |   |   |   |    |
| <b>III.2</b> | <b>Các Học phần tự chọn</b> |                                       | <b>9/20</b> |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 36           | FAE2093                     | Lịch sử Mỹ thuật thế giới và Việt Nam | 3           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 37           | FAE2096                     | Mỹ thuật học                          | 3           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 38           | GRD2010                     | Thẩm mỹ Công nghiệp                   | 2           |                                |   |   |   |   |   | 2 |   |   |    |
| 39           | GRD2011                     | Marketing Design                      | 2           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 40           | GRD2012                     | Vật liệu và Công nghệ in              | 2           |                                |   |   |   |   |   |   | 2 |   |    |
| 41           | GRD2013                     | Cơ sở tạo hình nâng cao               | 2           |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 42           | GRD2306                     | Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh     | 3           |                                |   |   |   |   |   | 3 |   |   |    |

| Số TT       | Mã số                        | Học phần                                | Số tín chỉ | Tiến trình đào tạo theo học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|-------------|------------------------------|-----------------------------------------|------------|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
|             |                              |                                         |            | 1                              | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 43          | GRD2015                      | Hình họa<br>nghiên cứu<br>hình thể động | 2          |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 44          | GRD2016                      | Ký họa                                  | 2          |                                | 2 |   |   |   |   |   |   |   |    |
| <b>IV</b>   | <b>M4</b>                    | <b>Khối kiến thức<br/>chuyên ngành</b>  | <b>43</b>  |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| <b>IV.1</b> | <b>Các Học phần bắt buộc</b> |                                         | <b>33</b>  |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 45          | GRD2017                      | Nghệ thuật<br>nhiếp ảnh                 | 3          |                                |   |   | 2 |   |   |   |   |   |    |
| 46          | GRD2019                      | Nghệ thuật chữ                          | 3          |                                |   |   | 2 |   |   |   |   |   |    |
| 47          | GRD2020                      | Tin học chuyên<br>ngành 1               | 3          |                                |   |   | 3 |   |   |   |   |   |    |
| 48          | GRD2021                      | Tin học chuyên<br>ngành 2               | 3          |                                |   |   |   | 3 |   |   |   |   |    |
| 49          | GRD2022                      | Tin học chuyên<br>ngành 3               | 3          |                                |   |   |   |   | 3 |   |   |   |    |
| 50          | GRD2023                      | Sáng tác thiết<br>kế 1                  | 3          | 3                              |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 51          | GRD2024                      | Sáng tác thiết<br>kế 2                  | 3          |                                | 3 |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 52          | GRD2025                      | Sáng tác thiết<br>kế 3                  | 3          |                                |   | 3 |   |   |   |   |   |   |    |
| 53          | GRD2026                      | Sáng tác thiết<br>kế 4                  | 3          |                                |   |   | 3 |   |   |   |   |   |    |
| 54          | GRD2045                      | Sáng tác thiết<br>kế 5                  | 3          |                                |   |   |   | 3 |   |   |   |   |    |
| 55          | GRD2046                      | Sáng tác thiết<br>kế 6                  | 3          |                                |   |   |   |   | 3 |   |   |   |    |

| Số TT | Mã số                | Học phần                                      | Số tín chỉ | Tiến trình đào tạo theo học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|-------|----------------------|-----------------------------------------------|------------|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
|       |                      |                                               |            | 1                              | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| IV.2  | Các Học phần tự chọn |                                               | 10/17      |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 56    | GRD2052              | Phần mềm Corel Draw                           | 2          |                                |   |   |   |   |   | 2 |   |   |    |
| 57    | GRD2053              | Phần mềm Adobe Indesign                       | 2          |                                |   |   |   |   |   |   | 2 |   |    |
| 58    | GRD2031              | Phần mềm Autodesk 3Ds Max                     | 2          |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 59    | GRD2032              | Thiết kế bộ ấn phẩm Văn hóa và xuất bản phẩm. | 2          |                                |   |   |   |   |   |   | 2 |   |    |
| 60    | GRD2307              | Thiết kế bộ nhận diện thương mại              | 3          |                                |   |   |   |   |   | 2 |   |   |    |
| 61    | GRD2034              | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Văn hóa           | 2          |                                |   |   |   |   |   |   | 2 |   |    |
| 62    | GRD2035              | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Thương mại        | 2          |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| 63    | GRD2036              | Thiết kế quảng cáo động                       | 2          |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
| V     | M5                   | Khối kiến thức thực tế, thực tập              | 11         |                                |   |   |   |   |   |   |   |   |    |

| Số TT     | Mã số            | Học phần                        | Số tín chỉ | Tiến trình đào tạo theo học kỳ |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|-----------|------------------|---------------------------------|------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|           |                  |                                 |            | 1                              | 2         | 3         | 4         | 5         | 6         | 7         | 8         | 9         | 10        |
| 64        | GRD2037          | Thực tế chuyên môn 1            | 2          |                                |           | 2         |           |           |           |           |           |           |           |
| 65        | GRD2038          | Thực tế chuyên môn 2            | 2          |                                |           |           |           |           | 2         |           |           |           |           |
| 66        | GRD2039          | Thực tế chuyên môn 3            | 3          |                                |           |           |           |           |           |           | 3         |           |           |
| 67        | GRD2041          | Thực tập tốt nghiệp             | 4          |                                |           |           |           |           |           |           |           | 4         |           |
| <b>VI</b> | <b>M6</b>        | <b>Khối kiến thức cuối khóa</b> | <b>20</b>  |                                |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
| 68        | GRD2042*         | Đồ án tốt nghiệp                | 20         |                                |           |           |           |           |           |           |           | 10        | 10        |
|           | <b>Tổng cộng</b> |                                 | <b>156</b> | <b>18</b>                      | <b>19</b> | <b>21</b> | <b>16</b> | <b>17</b> | <b>14</b> | <b>11</b> | <b>11</b> | <b>14</b> | <b>10</b> |

Căn cứ vào tình hình cụ thể, người quản lý đào tạo có thể điều chỉnh kế hoạch đào tạo từng học kỳ một cách hợp lý theo đúng Quy chế.

#### **4.3. Về các Học phần tiên quyết:**

Trong khi tổ hợp kế hoạch đào tạo của ngành Thiết kế Đồ họa với kế hoạch chung của toàn trường, cần lưu ý các Học phần tiên quyết (đã ghi trong khung chương trình) để việc đăng ký Học phần của sinh viên cũng như tổ chức đào tạo được thuận lợi, đúng tiến độ.

#### **4.4. Về các Học phần tự chọn**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thiết kế đồ họa được thiết kế gồm các Học phần bắt buộc và tự chọn. Căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và khả năng, điều kiện cụ thể của đơn vị, Ban lãnh đạo khoa và bộ môn sẽ định hướng sinh viên trong việc lựa chọn các Học phần thuộc nhóm các Học phần tự chọn. Việc định hướng này được thực hiện vào đầu năm học. Người quản lý đào tạo cần chú ý điều chỉnh số lượng sinh viên đăng kí lựa chọn mỗi Học phần để tránh tổ chức những môn lựa chọn có quá ít người học.

#### ***4.5 Chỉ dẫn dành cho cán bộ quản lý đào tạo/cố vấn học tập***

Việc lựa chọn, bố trí các Học phần cho từng học kỳ được thực hiện dựa trên các nguyên tắc:

- Tổng số tín chỉ trong một học kỳ không vượt quá mức quy định trong Quy chế đào tạo hiện hành.
- Đảm bảo yêu cầu về Học phần tiên quyết như đã xác định trong Khung chương trình đào tạo.
  - Phù hợp với điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất.
  - Phù hợp với kế hoạch đào tạo chung của toàn trường.
  - Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy tín chỉ của sinh viên

#### **5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo**

**PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY** (Trình bày theo đúng thứ tự các khối kiến thức, học phần trong mục 2. Cấu trúc chương trình đào tạo)

| TT                                  | Mã học phần | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Cán bộ giảng dạy                         |                               |                                |                                                 | Ghi chú |
|-------------------------------------|-------------|--------------------------------|------------|------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
|                                     |             |                                |            | Họ và tên                                | Chức danh khoa học, năm phong | Trình độ, nước, năm tốt nghiệp | Ngành đào tạo<br>(Ghi theo văn bằng tốt nghiệp) |         |
| (1)                                 | (2)         | (3)                            | (4)        | (5)                                      | (6)                           | (7)                            | (8)                                             |         |
| <b>I. Khối kiến thức chung (M1)</b> |             |                                | <b>27</b>  |                                          |                               |                                |                                                 |         |
| 1                                   | POL2009     | Triết học Mác - Lê nin         | 3          | 1. Phạm Ngọc Anh<br>2. Đinh Văn Hoàng    |                               | ThS<br>ThS                     | CNXHKH<br>Triết học                             |         |
| 2                                   | POL2010     | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | 2          | 1. Nguyễn Thị Huyền<br>2. Trịnh Anh Tuấn |                               | ThS<br>TS                      | KT-CT<br>KT-CT                                  |         |
| 3                                   | POL2011     | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | 2          | 1. Phạm Ngọc Anh<br>2. Đinh Văn Hoàng    |                               | ThS<br>ThS                     | CNXHKH<br>Triết học                             |         |

|   |         |                                |   |                                                                                                                                                                                          |  |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
|---|---------|--------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 4 | POL2003 | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | 2 | 1. Phạm Ngọc Anh<br>2. Mai Thanh Hồng                                                                                                                                                    |  | ThS<br>ThS                                                                                                                                                               | CNXHKH<br>Lịch sử Đảng                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 5 | POL2012 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 1. Phạm Ngọc Anh<br>2. Mai Thanh Hồng                                                                                                                                                    |  | ThS<br>ThS                                                                                                                                                               | CNXHKH<br>Lịch sử Đảng                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
| 6 | INF2001 | Tin học cơ bản                 | 2 | 1. Bùi Ngọc Hưng<br>2. Vũ Việt Hoàng<br>3. Dương Thanh Long                                                                                                                              |  | 1. Thạc sỹ<br>2. Thạc sỹ<br>3. Thạc sỹ<br>4. Thạc sỹ                                                                                                                     | 1. Quản trị kinh doanh<br>2. Quản lý Giáo dục<br>3. Công nghệ thông tin<br>4. Khoa học máy tính                                                                                                                                                                                         |  |
| 7 | CFL2002 | Tiếng Anh 1                    | 4 | 1. Nguyễn Thị Ân<br>2. Phạm Thị Ngọc Bích<br>3. Nguyễn Thanh Dung<br>4. Trịnh Thị Hà<br>5. Hoàng Thị Thu Hằng<br>6. Lê Thị Hiền<br>7. Ngô Thị Hòa<br>8. Trương Tổ Loan<br>9. Phạm Thị Lý |  | 1. Thạc sỹ-2015<br>2. Thạc sỹ-2011<br>3. Tiến sỹ-2017<br>4. Tiến sỹ -2017<br>5. Thạc sỹ-2016<br>6. Thạc sỹ-2007<br>7. Thạc sỹ-2014<br>8. Tiến sỹ-2021<br>9. Thạc sỹ-2016 | 1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh<br>2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh.<br>3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.<br>4. Tiến sỹ Quản lý giáo dục.<br>5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh.<br>6. Ngôn ngữ Anh<br>7. Ngôn ngữ Anh<br>8. Quản lý giáo dục.<br>9. Ngôn ngữ Anh |  |

|   |         |                        |   |                                                                                                                                                                                          |  |                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
|---|---------|------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 8 | CFL2003 | Tiếng Anh 2            | 3 | 1. Nguyễn Thị Ân<br>2. Phạm Thị Ngọc Bích<br>3. Nguyễn Thanh Dung<br>4. Trịnh Thị Hà<br>5. Hoàng Thị Thu Hằng<br>6. Lê Thị Hiền<br>7. Ngô Thị Hòa<br>8. Trương Tổ Loan<br>9. Phạm Thị Lý |  | 1. Thạc sỹ-2015<br>2. Thạc sỹ-2011<br>3. Tiến sỹ-2017<br>4. Tiến sỹ -2017<br>5. Thạc sỹ-2016<br>6. Thạc sỹ-2007<br>7. Thạc sỹ-2014<br>8. Tiến sỹ-2021<br>9. Thạc sỹ-2016 | 1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh<br>2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh.<br>3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.<br>4. Tiến sỹ Quản lý giáo dục.<br>5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh.<br>6. Ngôn ngữ Anh<br>7. Ngôn ngữ Anh<br>8. Quản lý giáo dục.<br>9. Ngôn ngữ Anh |  |
| 9 | PPE2010 | Giáo dục thể chất<br>1 | 2 | 1. Phạm Minh Tuấn<br>2. Bùi Thị Ánh Tuyết<br>3. Bùi Thị Huyền<br>4. Nguyễn Minh Trâm<br>5. Lê Việt Hùng                                                                                  |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS                                                                                                                                   | Quản lý giáo dục<br>Giáo dục học<br>GDTC<br>GDTC<br>GDTC<br>Giáo dục học                                                                                                                                                                                                                |  |

|                                                            |         |                         |           |                                                                                                                                    |  |                                 |                                                                          |  |
|------------------------------------------------------------|---------|-------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                            |         |                         |           | 6. Phạm Thị Huyền Trang                                                                                                            |  |                                 |                                                                          |  |
| 11                                                         | PPE2011 | Giáo dục thể chất<br>2  | 3         | 1. Phạm Minh Tuấn<br>2. Bùi Thị Ánh Tuyết<br>3. Bùi Thị Huyền<br>4. Nguyễn Minh Trâm<br>5. Lê Việt Hùng<br>6. Phạm Thị Huyền Trang |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Quản lý giáo dục<br>Giáo dục học<br>GDTC<br>GDTC<br>GDTC<br>Giáo dục học |  |
| 12                                                         | GDQP    | Giáo dục quốc phòng     |           | Trung tâm GDQP                                                                                                                     |  |                                 |                                                                          |  |
| 13                                                         | POL2007 | Pháp luật học đại cương | 2         | 1. Nguyễn Thị Thanh Thủy<br>2. Lê Thị Nguyên                                                                                       |  | ThS<br>ThS                      | Luật học<br>Luật học                                                     |  |
| <b>II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)</b> |         |                         | <b>16</b> |                                                                                                                                    |  |                                 |                                                                          |  |
| <b>II.1 Các môn học bắt buộc</b>                           |         |                         | <b>11</b> |                                                                                                                                    |  |                                 |                                                                          |  |

|    |                |                                                 |   |                                                                                                               |  |                                                                                              |                                                                                                                                  |  |
|----|----------------|-------------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 13 | PPE2008        | Phương pháp<br>nghiên cứu khoa<br>học           | 2 | 1. Lương Thị Thanh<br>Hải<br>2. Đỗ Ánh Tuyết<br>3. Nguyễn Mai<br>Hương<br>4. Nguyễn Quỳnh<br>Trang            |  | TS<br>ThS<br>TS<br>ThS                                                                       | Tâm lý học<br>Tâm lý học<br>Tâm lý học<br>Tâm lý học                                                                             |  |
| 14 | FAE2072        | Mỹ học                                          | 2 | Đào Thị Thúy Anh<br>Nguyễn Minh Tân                                                                           |  | TS<br>ThS                                                                                    | Lý luận MT<br>LL và PDHBM MT                                                                                                     |  |
| 15 | CLM2001        | Cơ sở văn hóa<br>Việt Nam                       | 3 | Nguyễn T.Thanh Mai<br>Dương T. Thu Hà<br>Tráng Thị Thúy                                                       |  | ThS<br>PGS.TS<br>ThS                                                                         | Văn hóa<br>Văn hóa<br>Văn hóa                                                                                                    |  |
| 16 | <b>FAE2092</b> | Đại cương các<br>loại hình nghệ<br>thuật (SPMT) | 2 | 1. Đào Thị Thúy Anh<br>2. Trần Thị Vân<br>3. Nguyễn Minh Tân<br>4. Trang Tổ Uyên                              |  | TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS                                                                      | Nghệ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật                                                                                   |  |
| 17 | CFL2004        | Tiếng Anh<br>chuyên ngành<br>(TKĐH)             | 2 | 1. Nguyễn Thị Ân<br>2. Phạm Thị Ngọc Bích<br>3. Nguyễn Thanh Dung<br>4. Trịnh Thị Hà<br>5. Hoàng Thị Thu Hằng |  | 1. Thạc sỹ-2015<br>2. Thạc sỹ-2011<br>3. Tiến sỹ-2017<br>4. Tiến sỹ -2017<br>5. Thạc sỹ-2016 | 1. Lý luận và phương pháp dạy tiếng<br>Anh<br>2. Lý luận và phương pháp dạy tiếng<br>Anh.<br>3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu. |  |

|                                  |         |                           |             |                                                                         |  |                                                                          |                                                                                                                                                           |                                                                               |
|----------------------------------|---------|---------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|                                  |         |                           |             | 6. Lê Thị Hiền<br>7. Ngô Thị Hòa<br>8. Trương Tổ Loan<br>9. Phạm Thị Lý |  | 6. Thạc sỹ-2007<br>7. Thạc sỹ-2014<br>8. Tiến sỹ-2021<br>9. Thạc sỹ-2016 | 4. Tiến sỹ Quản lý giáo dục.<br>5. Lý luận và phương pháp dạy tiếng Anh.<br>6. Ngôn ngữ Anh<br>7. Ngôn ngữ Anh<br>8. Quản lý giáo dục.<br>9. Ngôn ngữ Anh |                                                                               |
| <b>II.2 Các Học phần tự chọn</b> |         |                           | <b>5/13</b> |                                                                         |  |                                                                          |                                                                                                                                                           |                                                                               |
| 18                               | CLM2004 | Lịch sử văn minh thế giới | 2           | Trần Thị Vân<br>Đào Thị Thúy Anh<br>Nguyễn Minh Tân                     |  | ThS<br>TS<br>ThS                                                         | Lý luận MT<br>I Lý luận MT<br>Lý luận MT                                                                                                                  | BỘ MÔN<br>CHUNG DẠY<br><input type="checkbox"/> KHÔNG<br>PHẢI<br>KHOA<br>SPMT |
| 19                               | POL2005 | Lịch sử triết học 1       | 2           | 1. Nguyễn Minh Anh<br>2. Đinh Văn Hoàng                                 |  | ThS<br>ThS                                                               | Triết học<br>Triết học                                                                                                                                    |                                                                               |
| 20                               | POL2006 | Lịch sử triết học 2       | 2           | 1. Nguyễn Minh Anh                                                      |  | ThS<br>ThS                                                               | Triết học<br>Triết học                                                                                                                                    |                                                                               |

|                                             |                |                      |           |                                                                                                                        |  |                               |                                 |  |
|---------------------------------------------|----------------|----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------|---------------------------------|--|
|                                             |                |                      |           | 2. Đinh Văn Hoàng                                                                                                      |  |                               |                                 |  |
| 21                                          | PPE2007        | Tâm lý học đại cương | 2         | 1. Lương Thị Thanh Hải<br>2. Nguyễn Mai Hương<br>3. Nguyễn Thị Duyên Trang<br>4. Nguyễn Quỳnh Trang<br>5. Đỗ Ánh Tuyết |  | TS<br>TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | TLH<br>TLH<br>TLH<br>TLH<br>TLH |  |
| 22                                          | PPE2029        | Kỹ năng khởi nghiệp  | 3         |                                                                                                                        |  |                               |                                 |  |
| 23                                          | PPE2005        | Tâm lý học tiêu dùng | 2         | 1. Nguyễn Quỳnh Trang<br>2. Nguyễn Thị Duyên                                                                           |  | ThS<br>ThS                    | TLH<br>TLH                      |  |
| <b>III. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3)</b> |                |                      | <b>39</b> |                                                                                                                        |  |                               |                                 |  |
| <b>III.1 Các môn học bắt buộc</b>           |                |                      | <b>30</b> |                                                                                                                        |  |                               |                                 |  |
| 24                                          | <b>FAE2077</b> | Giải phẫu            | 2         | 1. Vũ Hạnh Chi<br>2. Trang Tố Uyên                                                                                     |  | ThS                           | Mỹ thuật                        |  |

|    |                |                   |   |                                                                                                |  |                                 |                                                          |  |
|----|----------------|-------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------|----------------------------------------------------------|--|
|    |                | tạo hình          |   | 3. Nguyễn Thị Giang                                                                            |  | ThS<br>ThS                      | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật                                     |  |
| 25 | <b>FAE2078</b> | Luật xa gần       | 2 | 1. Vũ Hạnh Chi<br>2. Trang Tổ Uyên                                                             |  | ThS<br>ThS                      | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật                                     |  |
| 26 | GRD2301        | Hình họa 1        | 3 | Nguyễn Hải Kiên<br>Nguyễn Thị Mỹ<br>Lê Đức Tùng<br>Nguyễn Hồng Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng          |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Văn HH   |  |
| 27 | GRD2302        | Hình họa 2        | 3 | Nguyễn Hải Kiên<br>Nguyễn Thị Mỹ<br>Lê Đức Tùng<br>Nguyễn Hồng Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng          |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Văn HH   |  |
| 28 | GRD2303        | Hình họa màu nước | 3 | Nguyễn Xuân Tám<br>Nguyễn Thị Mỹ<br>Nguyễn Duy Quốc Tuấn<br>Nguyễn Hồng Sơn<br>Nguyễn Hải Kiên |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật |  |

|    |         |                                         |   |                                                                                  |  |                          |                                            |  |
|----|---------|-----------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------|--------------------------------------------|--|
| 29 | GRD2002 | Vẽ kỹ thuật                             | 2 | Nguyễn Duy Quốc<br>Tuấn<br>Nguyễn Xuân Tám<br>Nguyễn Hồng Sơn                    |  | ThS<br>ThS<br>ThS        | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật           |  |
| 30 | GRD2004 | Cơ sở tạo hình<br>mặt phẳng             | 2 | Nguyễn Thành Sơn<br>Nguyễn Hồng Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng                           |  | ThS<br>ThS<br>ThS        | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Văn HH             |  |
| 31 | GRD2005 | Cơ sở tạo hình<br>khối và không<br>gian | 2 | Nguyễn Thành Sơn<br>Nguyễn Hồng Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng                           |  | ThS<br>ThS<br>ThS        | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật           |  |
| 32 | GRD2054 | Nguyên lý thị<br>giác                   | 3 | Nguyễn Thành Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng<br>Nguyễn Hồng Sơn                           |  | ThS<br>ThS<br>ThS        | Mỹ Thuật<br>Văn HH<br>Mỹ Thuật             |  |
| 33 | GRD2007 | Lịch sử Mỹ thuật<br>ứng dụng            | 2 | Quách T. Ngọc An<br>Phạm Phương Linh                                             |  | PGS.TS<br>TS             | Văn hóa DG<br>LL&LSMT                      |  |
| 34 | GRD2304 | Hình họa chuyên<br>ngành 1              | 3 | Nguyễn Duy Quốc<br>Tuấn<br>Nguyễn Xuân Tám<br>Nguyễn Hải Kiên<br>Nguyễn Hữu Dũng |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Văn HH |  |

|                                   |         |                                       |             |                                                                           |  |                          |                                              |  |
|-----------------------------------|---------|---------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------|----------------------------------------------|--|
| 35                                | GRD2305 | Hình họa chuyên ngành 2               | 3           | Nguyễn Duy<br>Quốc Tuấn<br>Nguyễn Xuân Tám<br>Lê Đức Tùng<br>Vũ Xuân Hiền |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật |  |
| <b>III.2 Các Học phần tự chọn</b> |         |                                       | <b>9/20</b> |                                                                           |  |                          |                                              |  |
| 36                                | FAE2093 | Lịch sử Mỹ thuật thế giới và Việt Nam | 3           | Đào Thị Thúy Anh<br>Nguyễn Minh Tân                                       |  | TS<br>ThS                | Lý luận MT<br>LL và PPDHBM MT                |  |
| 37                                | FAE2096 | Mỹ thuật học                          | 2           | 1. Đào Thị Thúy Anh<br>2. Nguyễn Thị Giang<br>3. Nguyễn Minh Tân          |  | TS<br>Th.S<br>ThS        | Lý luận MT<br>Mỹ thuật<br>LL và PPDHBM MT    |  |
| 38                                | GRD2010 | Thẩm mỹ Công nghiệp                   | 2           | Quách T. Ngọc An<br>Phạm Phương Linh                                      |  | PGS.TS<br>TS             | Văn hóa DG<br>LL&LSMT                        |  |
| 39                                | GRD2010 | Marketing Design                      | 2           | Tráng Thị Thúy<br>Nguyễn T. Thanh Mai                                     |  | ThS<br>ThS               | Văn hóa<br>Văn hóa                           |  |
| 40                                | GRD2012 | Vật liệu và công nghệ in              | 2           | Nguyễn Thành Sơn<br>Nguyễn Hồng Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng                    |  | ThS<br>ThS<br>ThS        | MTCN<br>Mỹ Thuật<br>Văn HH                   |  |

|    |         |                                         |   |                                                                                                |  |                                 |                                                          |  |
|----|---------|-----------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------|----------------------------------------------------------|--|
| 41 | GRD2013 | Cơ sở tạo hình<br>nâng cao              | 2 | Nguyễn Thành Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng<br>Nguyễn Hồng Sơn                                         |  | ThS<br>ThS<br>ThS               | Mỹ Thuật<br>Văn HH<br>Mỹ Thuật                           |  |
| 42 | GRD2306 | Hình họa nghiên<br>cứu hình thể tĩnh    | 3 | Vũ Xuân Hiền<br>Nguyễn Xuân Tám<br>Nguyễn Thị Mỹ<br>Lê Đức Tùng<br>Nguyễn Duy Quốc<br>Tuấn     |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật |  |
| 43 | GRD2056 | Hình họa nghiên<br>cứu hình thể<br>động | 3 | Vũ Xuân Hiền<br>Nguyễn Xuân Tám<br>Nguyễn Hải Kiên<br>Lê Đức Tùng<br>Nguyễn Duy Quốc<br>Tuấn   |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật |  |
| 44 | GRD2016 | Ký họa                                  | 2 | Nguyễn Hồng Sơn<br>Nguyễn Xuân Tám<br>Nguyễn Thị Mỹ<br>Vũ Xuân Hiền<br>Nguyễn Duy Quốc<br>Tuấn |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật |  |

|                                            |         |                        |           |                                                                     |  |                         |                                             |  |
|--------------------------------------------|---------|------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------|--|-------------------------|---------------------------------------------|--|
| <b>IV.Khối kiến thức chuyên ngành (M4)</b> |         |                        | <b>43</b> |                                                                     |  |                         |                                             |  |
| <b>IV.1 Các Học phần bắt buộc</b>          |         |                        | <b>33</b> |                                                                     |  |                         |                                             |  |
| 45                                         | GRD2058 | Nghệ thuật nhiếp ảnh   | 3         | Nguyễn Văn Hiến<br>Nguyễn Quang Huy                                 |  | ThS<br>ThS              | Mỹ Thuật<br>MTCN                            |  |
| 46                                         | GRD2057 | Nghệ thuật chữ         | 3         | Trần Thanh Nga<br>Phạm Phương Linh<br>Nguyễn H Phương<br>Anh        |  | TS<br>ThS<br>ThS        | MTCN<br>MTCN<br>Mỹ Thuật                    |  |
| 47                                         | GRD2020 | Tin học chuyên ngành 1 | 3         | Lê Huy Thục<br>Nguyễn Duy Hùng<br>Tống Việt Anh<br>Nguyễn Xuân Giáp |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>TS | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>LL&LSMT |  |
| 48                                         | GRD2021 | Tin học chuyên ngành 2 | 3         | Lê Huy Thục<br>Nguyễn Duy Hùng<br>Tống Việt Anh<br>Nguyễn Xuân Giáp |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>TS | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>LL&LSMT |  |
| 49                                         | GRD2022 | Tin học chuyên ngành 3 | 3         | Lê Huy Thục<br>Nguyễn Duy Hùng<br>Tống Việt Anh                     |  | ThS<br>ThS<br>ThS       | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật            |  |

|    |         |                        |   |                                                                                                                   |  |                                          |                                                                     |  |
|----|---------|------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                        |   | Nguyễn Xuân Giáp                                                                                                  |  | TS                                       | LL&LSMT                                                             |  |
| 50 | GRD2023 | Sáng tác thiết kế<br>1 | 3 | Phạm Phương Linh<br>Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Đức Lâm<br>Nguyễn Mai Thơ<br>Phạm Minh Phong                       |  | TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>PGS.TS        | LL&LSMT<br>MTCN<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật học             |  |
| 51 | GRD2024 | Sáng tác thiết kế<br>2 | 3 | Phạm Phương Linh<br>Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Đức Lâm<br>Nguyễn Mai Thơ<br>Phạm Minh Phong<br>Nông Thị Thu Trang |  | TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>PGS.TS<br>ThS | LL&LSMT<br>MTCN<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật học<br>Mỹ Thuật |  |
| 52 | GRD2025 | Sáng tác thiết kế<br>3 | 3 | Nguyễn Đức Lâm<br>Nguyễn Mai Thơ<br>Trần Thanh Nga<br>Nguyễn Quang Huy<br>Phạm Minh Phong                         |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>PGS.TS       | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>MTCN<br>MTCN<br>Mỹ Thuật học                |  |
| 53 | GRD2026 | Sáng tác thiết kế<br>4 | 3 | Nguyễn Đức Lâm<br>Nguyễn Thị Hải Yến<br>Trần Thanh Nga<br>Nguyễn Quang Huy                                        |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS                 | Mỹ Thuật<br>Mỹ Thuật<br>MTCN<br>MTCN                                |  |

|                                          |         |                            |                  |                                                                                              |  |                                |                                                 |  |
|------------------------------------------|---------|----------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------|-------------------------------------------------|--|
|                                          |         |                            |                  | Phạm Minh Phong                                                                              |  | TS                             | Mỹ Thuật học                                    |  |
| 54                                       | GRD2045 | Sáng tác thiết kế<br>5     | 3                | Nguyễn Thị Hải Yến<br>Phạm Phương Linh<br>Trần Thanh Nga<br>Nguyễn Duy hùng<br>Vũ Minh Hoàng |  | ThS<br>TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ thuật<br>LL&LSMT<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>MTCN |  |
| 55                                       | GRD2046 | Sáng tác thiết kế<br>6     | 3                | Vũ Minh Hoàng<br>Phạm Phương Linh<br>Nguyễn Văn Hiến<br>Trần Thanh Nga                       |  | ThS<br>TS<br>ThS<br>ThS        | MTCN<br>LL&LSMT<br>Mỹ thuật<br>MTCN             |  |
| <b><i>iv.2. Các Học phần tự chọn</i></b> |         |                            | <b><i>10</i></b> |                                                                                              |  |                                |                                                 |  |
| 56                                       | GRD2052 | Phần mềm Corel<br>Draw     | 2                | Lê Huy Thục<br>Tống Việt Anh<br>Nguyễn Duy Hùng<br>Nguyễn Xuân Giáp                          |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>TS        | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>LL&LSMT     |  |
| 57                                       | GRD2053 | Phần mềm<br>Adobe Indesign | 2                | Lê Huy Thục<br>Tống Việt Anh<br>Nguyễn Duy Hùng<br>Nguyễn Xuân Giáp                          |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>TS        | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>LL&LSMT     |  |

|    |         |                                                                |   |                                                                                            |  |                                   |                                                         |  |
|----|---------|----------------------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|--|
| 58 | GRD2031 | Phần mềm Auto<br>3Ds - Max                                     | 2 | Lê Huy Thục<br>Tống Việt Anh<br>Nguyễn Duy Hùng<br>Nguyễn Xuân Giáp                        |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>TS           | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>LL&LSMT             |  |
| 59 | GRD2032 | Thiết kế bộ nhận<br>diện thương hiệu<br>sản phẩm thương<br>mại | 3 | Vũ Minh Hoàng<br>Phạm Phương Linh<br>Lò Mai Trang<br>Trần Thanh Nga<br>Lê Đức Cường        |  | ThS<br>TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS    | MTCN<br>LL&LSMT<br>MTCN<br>MTCN<br>Mỹ thuật             |  |
| 60 | GRD2307 | Thiết kế bộ nhận<br>diện thương hiệu<br>sản phẩm Văn<br>hóa    |   | Phạm Minh Phong<br>Phạm Phương Linh<br>Lò Mai Trang<br>Nguyễn Thị Hải Yến<br>Vũ Minh Hoàng |  | PGS.TS<br>TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ thuật học<br>LL&LSMT<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật |  |
| 61 | GRD2034 | Thiết kế quảng<br>cáo lĩnh vực Văn<br>hóa                      | 2 | Vũ Minh Hoàng<br>Phạm Phương Linh<br>Lò Mai Trang<br>Nguyễn Văn Hiến<br>Trần Thanh Nga     |  | ThS<br>TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS    | MTCN<br>LL&LSMT<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>MTCN             |  |
| 62 | GRD2035 | Thiết kế quảng<br>cáo lĩnh vực                                 | 2 | Trần Thanh Nga<br>Phạm Phương Linh                                                         |  | ThS<br>TS                         | MTCN<br>LL&LSMT                                         |  |

|                                                |         |                         |           |                                                                           |  |                          |                                        |    |
|------------------------------------------------|---------|-------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------|----------------------------------------|----|
|                                                |         | Thương mại              |           | Lò Mai Trang<br>Nguyễn Thị Hải Yến<br>Nguyễn Văn Hiến                     |  | ThS<br>ThS<br>ThS        | MTCN<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật           |    |
| 63                                             | GRD2036 | Thiết kế quảng cáo động | 2         | Nguyễn Duy Hùng<br>Tống Việt Anh<br>Lê Huy Thục                           |  | ThS<br>ThS<br>ThS        | Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật       |    |
| <b>V. M5 Khối kiến thức thực tế, thực tập.</b> |         |                         | <b>11</b> |                                                                           |  |                          |                                        |    |
| 64                                             | GRD2037 | Thực tế, chuyên môn 1   | 2         | Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Đức Lâm<br>Lê Huy Thục<br>Nguyễn Hữu Dũng      |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | MTCN<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Văn HH | 67 |
| 65                                             | GRD2038 | Thực tế, chuyên môn 2   | 2         | Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Đức Lâm<br>Nguyễn Thành Sơn<br>Nguyễn Hữu Dũng |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | MTCN<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Văn HH |    |
| 66                                             | GRD2039 | Thực tế, chuyên môn 3   | 3         | Lê Huy Thục<br>Nguyễn Hữu Dũng<br>Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Đức Lâm      |  | ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ thuật<br>Văn HH<br>MTCN<br>Mỹ thuật |    |

|                                       |         |                     |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                               |    |
|---------------------------------------|---------|---------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 67                                    | GRD2041 | Thực tập tốt nghiệp | 4         | Phạm Phương Linh<br>Nguyễn Duy Quốc Tuấn<br>Lò Mai Trang<br>Nguyễn Đức Lân<br>Nguyễn Quang Huy                                                                                                                                                                                                                                         | TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS                                                                                                      | LL&LSMT<br>Mỹ thuật<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>MTCN                                                                                                                                                               |    |
| <b>VI M6 Khởi kiến thức cuối khóa</b> |         |                     | <b>20</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                               |    |
| 68                                    | GRD2042 | Đồ án tốt nghiệp    | 20        | Phạm Minh Phong<br>Quách Thị Ngọc An<br>Nguyễn Duy Quốc Tuấn<br>Phạm Phương Linh<br>Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Xuân Tám<br>Lò Mai Trang<br>Nguyễn Đức Lân<br>Vũ Minh Hoàng<br>Nguyễn Văn Hiến<br>Trần Thanh Nga<br>Nguyễn Quang Huy<br>Lê Huy Thực<br>Nguyễn Duy Hùng<br><br>Nguyễn Thị Hải Yến<br>Nguyễn Thành Sơn<br>Nguyễn Hồng Sơn | PGS.TS<br>PGS.TS<br>ThS<br>TS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS<br><br>ThS<br>ThS<br>ThS<br>ThS | Mỹ thuật học<br>Văn hóa DG<br>Mỹ Thuật<br>LL&LSMT<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>MTCN<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br><br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật<br>Mỹ thuật | 71 |

|                  |  |  |            |                 |  |  |  |  |
|------------------|--|--|------------|-----------------|--|--|--|--|
|                  |  |  |            | Nguyễn Hải Kiên |  |  |  |  |
| <b>Tổng cộng</b> |  |  | <b>156</b> |                 |  |  |  |  |

## **PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị**

| <b>TT</b>  | <b>Hạng mục</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Diện tích sàn xây dựng (m)</b> | <b>Mã học phần</b> | <b>Tên học phần</b>            | <b>Ghi chú</b> |
|------------|-----------------|-----------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|----------------|
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>      | <i>(3)</i>      | <i>(4)</i>                        | <i>(5)</i>         | <i>(6)</i>                     | <i>(7)</i>     |
| 1          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | POL2009            | Triết học Mác - Lê nin         |                |
| 2          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | POL2010            | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin |                |
| 3          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | POL2011            | Chủ nghĩa xã hội khoa học      |                |
| 4          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | POL2003            | Tư tưởng Hồ Chí Minh           |                |
| 5          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | POL2012            | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |                |
| 6          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | INF2001            | Tin học cơ bản                 |                |
| 7          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | CFL2002            | Tiếng Anh 1                    |                |
| 8          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | CFL2003            | Tiếng Anh 2                    |                |
| 9          | Phòng học       | 01              | 71 m2                             | CFL2004            | Tiếng Anh chuyên ngành (TKĐH)  |                |

|    |                        |    |         |         |                                 |  |
|----|------------------------|----|---------|---------|---------------------------------|--|
| 10 | Sân vận động           |    | 2000 m2 | PPE2010 | Giáo dục thể chất 1             |  |
| 11 | Sân vận động           |    | 2000 m2 | PPE2011 | Giáo dục thể chất 2             |  |
| 12 | TT giáo dục quốc phòng |    |         | GDQP    | Giáo dục quốc phòng             |  |
| 13 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | POL2007 | Pháp luật học đại cương         |  |
| 14 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | PPE2008 | Phương pháp nghiên cứu khoa học |  |
| 15 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | FAE2072 | Mỹ học                          |  |
| 16 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | CLM2001 | Cơ sở văn hóa Việt Nam          |  |
| 17 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | FAE2070 | Nghệ thuật học                  |  |
| 18 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | CLM2004 | Lịch sử văn minh thế giới       |  |
| 19 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | POL2005 | Lịch sử triết học 1             |  |
| 20 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | POL2006 | Lịch sử triết học 2             |  |
| 21 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | PPE2007 | Tâm lý học đại cương            |  |
| 22 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | PPE2029 | Kỹ năng khởi nghiệp             |  |
| 23 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | PPE2005 | Tâm lý học tiêu dùng            |  |
| 24 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | FAE2077 | Giải phẫu tạo hình              |  |
| 25 | Phòng học              | 01 | 71 m2   | FAE2078 | Luật xa gần                     |  |
| 26 | Phòng học              | 01 | 6,6 m2  | GRD2301 | Hình họa 1                      |  |
| 27 | Phòng học              | 01 | 6,6 m2  | GRD2302 | Hình họa 2                      |  |

|    |           |    |         |         |                                       |  |
|----|-----------|----|---------|---------|---------------------------------------|--|
| 28 | Phòng học | 01 | 6,6 m2  | GRD2303 | Hình họa màu nước                     |  |
| 29 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2002 | Vẽ kỹ thuật - Đặc biểu kiến trúc      |  |
| 30 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2004 | Cơ sở tạo hình mặt phẳng              |  |
| 31 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2005 | Cơ sở tạo hình khối và không gian     |  |
| 32 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2054 | Nguyên lý thị giác                    |  |
| 33 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2007 | Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng             |  |
| 34 | Phòng học | 01 | 6,6 m2  | GRD2304 | Hình họa chuyên ngành 1               |  |
| 35 | Phòng học | 01 | 6,6 m2  | GRD2305 | Hình họa chuyên ngành 2               |  |
| 36 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | FAE2093 | Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt Nam |  |
| 37 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | FAE2081 | Mỹ thuật học                          |  |
| 38 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2010 | Thẩm mỹ Công nghiệp                   |  |
| 39 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2010 | Marketing Design                      |  |
| 40 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2012 | Vật liệu và công nghệ in              |  |
| 41 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2013 | Cơ sở tạo hình nâng cao               |  |
| 42 | Phòng học | 01 | 6,6 m2  | GRD2306 | Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh     |  |
| 43 | Phòng học | 01 | 6,6 m2  | GRD2056 | Hình họa nghiên cứu hình thể động     |  |
| 44 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2016 | Ký họa                                |  |
| 45 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2058 | Nghệ thuật nhiếp ảnh                  |  |

|    |           |    |         |         |                                                       |  |
|----|-----------|----|---------|---------|-------------------------------------------------------|--|
| 46 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2057 | Nghệ thuật chữ                                        |  |
| 47 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2020 | Tin học chuyên ngành 1                                |  |
| 48 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2021 | Tin học chuyên ngành 2                                |  |
| 49 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2022 | Tin học chuyên ngành 3                                |  |
| 50 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2023 | Sáng tác thiết kế 1                                   |  |
| 51 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2024 | Sáng tác thiết kế 2                                   |  |
| 52 | Phòng học | 01 | 6,6 m2  | GRD2025 | Sáng tác thiết kế 3                                   |  |
| 53 | Phòng học | 01 | 6,6 m2  | GRD2026 | Sáng tác thiết kế 4                                   |  |
| 54 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2045 | Sáng tác thiết kế 5                                   |  |
| 55 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2046 | Sáng tác thiết kế 6                                   |  |
| 56 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2052 | Phần mềm Corel Draw                                   |  |
| 57 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2053 | Phần mềm Adobe Indesign                               |  |
| 58 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2031 | Phần mềm Auto 3Ds - Max                               |  |
| 59 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2032 | Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm thương mại |  |
| 60 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2307 | Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm Văn hóa    |  |
| 61 | Phòng học | 01 | 8,7m2   | GRD2034 | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Văn hóa                   |  |

|        |           |    |         |         |                                           |  |
|--------|-----------|----|---------|---------|-------------------------------------------|--|
| 6<br>2 | Phòng học | 01 | 96,5 m2 | GRD2035 | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực<br>Thương mại |  |
|--------|-----------|----|---------|---------|-------------------------------------------|--|

|        |                                  |    |        |         |                         |  |
|--------|----------------------------------|----|--------|---------|-------------------------|--|
| 6<br>3 | Phòng học                        | 01 | 8,7m2  | GRD2036 | Thiết kế quảng cáo động |  |
| 6<br>4 | Địa điểm thực tế theo quyết định |    |        | GRD2037 | Thực tế, chuyên môn 1   |  |
| 6<br>5 | Địa điểm thực tế theo quyết định |    |        | GRD2038 | Thực tế, chuyên môn 2   |  |
| 6<br>6 | Địa điểm thực tế theo quyết định |    |        | GRD2039 | Thực tế, chuyên môn 3   |  |
| 6<br>7 | Công ty                          |    |        | GRD2041 | Thực tập tốt nghiệp     |  |
| 68     | Phòng triển lãm mỹ thuật         |    | 500 m2 | GRD2042 | Đồ án tốt nghiệp        |  |

**2. Học liệu** (Trình bày theo đúng thứ tự các khối kiến thức, học phần trong mục 2. Cấu trúc chương trình đào tạo)

| T<br>T                              | Mã học<br>phần | Tên học phần                      | Số<br>tín<br>chỉ | Tên sách, giáo trình, tạp chí<br>(5 năm trở lại đây)                                                                               | Tên tác giả                   | Nhà xuất bản, năm<br>xuất bản, nước         | Gh<br>i<br>chú |
|-------------------------------------|----------------|-----------------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------|----------------|
| (1)                                 | (2)            | (3)                               | (4)              | (5)                                                                                                                                | (6)                           | (7)                                         |                |
| <b>I. Khối kiến thức chung (M1)</b> |                |                                   | <b>27</b>        |                                                                                                                                    |                               |                                             |                |
| 1                                   | POL2009        | <b>Triết học Mác -<br/>Lê nin</b> | 3                | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình Triết học Mác – Lênin<br>(Dành cho bậc đại học hệ không<br>chuyên lý luận chính trị) | (1) Bộ Giáo dục và<br>Đào tạo | (1) Nxb chính trị quốc<br>gia sự thật, 2021 |                |

|   |         |                                       |   |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                       |                                                                                  |  |
|---|---------|---------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |         |                                       |   | <b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Giáo trình Triết học Mác - Lênin                                                                                                                                                 | (1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh                                   | (1) Nxb chính trị quốc gia, 2013                                                 |  |
| 2 | POL2010 | <b>Kinh tế chính trị Mác - Lê nin</b> | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)<br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin | (1) Bộ Giáo dục và Đào tạo<br><br>(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh | (1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2023<br><br>(1) Nxb chính trị quốc gia, 2014 |  |
| 3 | POL2011 | <b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>      | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)<br><b>2. Học liệu tham khảo</b>                                                     | (1) Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                            | (1) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 2021                                          |  |

|   |         |                                       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                          |  |
|---|---------|---------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |         |                                       |   | (1) Giáo trình phương pháp dạy - học Chủ nghĩa xã hội khoa học(dùng cho các trường Đại học và Cao đẳng                                                                                                                                                                                    | (1) Nguyễn Văn Cừ (chủ biên)                                                                                                                                                | (1) Nxb đại học sư phạm, 2007.                                                                                           |  |
| 4 | POL2003 | <b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>           | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)<br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh<br><br>(2) Hệ thống câu hỏi ôn tập Tư tưởng Hồ Chí Minh                                | (1) Bộ Giáo dục và Đào tạo<br><br>(1) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh<br>(2) Dương Văn Khoa | (1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021<br><br>(1) Nxb chính trị quốc gia, 2003<br><br>(2) Nxb Đại học sư phạm, 2022    |  |
| 5 | POL2012 | <b>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</b> | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)<br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Tập 1,2,3)<br>(2) Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | (1) Bộ Giáo dục và Đào tạo<br><br>(1) Bộ Giáo dục và đào tạo<br>(2) Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ                                        | (1) Nxb chính trị quốc gia sự thật, 2021<br><br>(1) Nxb chính trị quốc gia, 2007<br><br>(2) Nxb Chính trị Quốc gia, 2014 |  |

|   |         |                |   |                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                               |  |
|---|---------|----------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |         |                |   |                                                                                                                                                                                                   | môn khoa học Mác<br>- Lênin, Tư tưởng<br>Hồ Chí Minh                                                                                            |                                                                                                                                                               |  |
| 6 | INF2001 | Tin học cơ bản | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>Giáo trình tin học cơ bản<br>(lưu hành nội bộ)<br><br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>- Tin học ứng dụng căn bản<br><br>Hướng dẫn sử dụng Microsoft<br>Office 2013 | - Trường Đại học<br>Sư phạm Nghệ<br>thuật TW<br><br>- Hồ Tuấn Hùng<br><br>- website của hãng<br><i>Microsoft</i>                                | - (2019), Việt Nam<br>- NXB Đại học Sư<br>phạm, (2013), Việt<br>Nam.<br><br><i>địa chỉ</i><br><a href="http://www.microsoft.com">http://www.microsoft.com</a> |  |
| 7 | CFL2002 | Tiếng Anh 1    | 4 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>- New Headway (Elementary, The<br>Third edition)..<br><br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>- Empower- Elementary                                                    | Liz and John Soars,<br>Sylvia Wheeldon;<br>(Lê Thúy Hiền giới<br>thiệu)<br><br>- Doff, A.<br>Thaine.C.<br>Puchta.H. Strank.J<br>& Lewis-Jones.P | Nxb Văn hóa Thông<br>tin (2013) Việt Nam.<br><br>-Nxb Cambridg,<br>(2022)Anh Quốc.                                                                            |  |

|          |                |                    |          |                                                                                                       |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                       |  |
|----------|----------------|--------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|          |                |                    |          | <p>- Lifelines Elementary</p> <p>- English Grammar in Use.</p> <p>- New English File (Elementary)</p> | <p>- Hutchinson, T</p> <p>Murphy, R. (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu)</p> <p>Oxenden, C. &amp; Latham-Koenig, C. &amp; Seligson, P., (Lê Thúy Hiền giới thiệu)</p> | <p>-Nxb Văn hóa Thông tin (2013) Việt Nam.</p> <p>Nxb Hồng Đức. (2011). Việt Nam.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin. (2013). Việt Nam.</p> |  |
| <b>8</b> | <b>CFL2003</b> | <b>Tiếng Anh 2</b> | <b>3</b> | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p>- New headway Pre-intermediate.</p>                             | <p>-Jonn and Liz Soars</p>                                                                                                                                           | <p>-Nhà xuất văn hóa thông tin. (2013). Việt Nam.</p>                                                                                 |  |

|   |         |                     |   |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                   |  |
|---|---------|---------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |         |                     |   | <b>2. Học liệu tham khảo</b><br>- Empower- Pre-intermediate<br><br>- English Grammar in Use.<br><br>- English File - Pre-Intermediate (third edition).<br><br>- Lifelines Pre-Intermediate | - Doff, A. Thaine.C. Puchta.H. Strank.J & Lewis-Jones.P<br><br>-Murphy, R. (Ngọc Hạnh - Quỳnh Trâm giới thiệu)<br><br>Oxenden, C. & Latham-Koenig, C. & Seligson, P., (Lê Thúy Hiền giới thiệu)<br>Hutchinson, T | -Nxb Cambridg, (2022)Anh Quốc.<br><br>-Nhà xuất bản Hồng Đức. (2011). Việt Nam.<br><br>Nhà xuất văn hóa thông tin (2011). Việt Nam.<br><br>Nxb Văn hóa Thông tin (2013) Việt Nam. |  |
| 9 | PPE2010 | Giáo dục thể chất 1 | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình Thể dục tập 1<br><br>(2) Giáo trình Thể dục tập 2                                                                                            | (1) Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết Lan, Hoàng Minh Thuận.<br>(2) Phạm Nguyên Phùng, Trần Tuyết                                                                                                                    | (1) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2012<br><br>(2) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2013                                                                                              |  |

|    |                |                        |          |                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                        |  |
|----|----------------|------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |                |                        |          | <p>(3) Giáo trình Giáo trình Thể dục Aerobic</p> <p>(4) Giáo trình Điền kinh</p> <p>(5) Giáo trình Thể dục Aerobics 1 (Dùng cho sinh viên Đại học Sư phạm TĐTT)</p> <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p>(1) Các bài tập thể lực trong Điền kinh.</p> | <p>Lan, Hoàng Minh Thuận.</p> <p>(3)Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Kim Lan</p> <p>(4) Nguyễn Văn Thời (chủ biên)</p> <p>(5) Nguyễn Văn Thời (chủ biên)</p> <p>(1)Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Đại Dương, Đàm Trung Kiên</p> | <p>(3) Nxb Thể dục thể thao - Hà Nội, 2014</p> <p>(4) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2014</p> <p>(5) Nxb Thể dục thể thao Hà Nội, 2014</p> <p>(1) Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội, 2012</p> |  |
| 10 | <b>PPE2011</b> | Giáo dục thể chất<br>2 | <b>3</b> | <p><b>Nội dung Cầu lông</b></p> <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p>(1) Luật thi đấu Cầu Lông (2014)</p> <p>(2) Giáo trình Cầu lông,</p>                                                                                                              | <p>(1) Tổng cục thể dục thể thao</p> <p>(2) Nguyễn Văn Đức (Chủ biên), Trần Văn Vinh, Trương Văn Minh, Nguyễn Văn Thạch, Nguyễn Thị Huyền (2015).</p>                                                                           | <p>(1) Nxb TĐTT</p> <p>(2) NXB TĐTT.</p>                                                                                                                                               |  |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                       |  |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p>(1) Cầu lông, (1998)</p> <p>(2) Biên soạn tài liệu giảng dạy môn Cầu lông theo hình thức đào tạo tín chỉ tại trường ĐHSPNTTW (2016 - 2017)</p> <p><b>Nội dung Võ</b></p> <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p>(1) Karate căn bản, (2006).</p> <p>(2) Giáo trình Karatedo</p> <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p>(1) Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Karate-do,</p> <p><b>Nội dung Khiêu vũ</b></p> <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p>(1) Khiêu vũ thể thao.</p> <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p>(1) Biện pháp đổi mới nội dung, hình thức dạy học nhằm phát huy</p> | <p>(1) Trần Văn Vinh, Đào Chí Thành.</p> <p>(2) Đề tài KHCN cấp Trường: Phạm Minh Tuấn, Bùi Thị Ánh Tuyết, Lê Việt Hùng, Phạm Thị Huyền Trang</p> <p>(1) Nguyễn Ngọc Khương</p> <p>(2) Trần Tuấn Hiếu (2001) (chủ biên)</p> <p>(1) Bộ môn võ - Trường ĐHTDTT Bắc Ninh (2009)</p> <p>(1) Vũ Thanh Mai (Chủ biên)</p> <p>(1) Đề tài NCKH Cấp Bộ của Giảng</p> | <p>(1) Nxb TDTT</p> <p>(1) Nxb TDTT</p> <p>(2) Nxb TDTT</p> <p>(1) Nxb TDTT</p> <p>(1) Nxb thể dục thể thao, 2011</p> |  |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                             |  |
|----|---------|---------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                     |   | <p>tính sáng tạo của sinh viên trong luyện tập thể dục Aerobics trường Cao đẳng sư phạm nhạc - họa trung ương</p> <p>(2) Tài liệu giảng dạy môn Khiêu vũ thể thao</p>                                                                                                     | <p>viên Trần Thị Nguyệt Đán Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2007)</p> <p>(2) Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW, G.V Bùi Thị Huyền (2020).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                             |  |
| 11 | POL2007 | Pháp luật đại cương | 2 | <p><b>1. Học liệu chính</b></p> <p>(1) Giáo trình pháp luật đại cương</p> <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p>(1) Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật</p> <p>(2) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013</p> <p>(3) Bộ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam 2015.</p> | <p>(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>(1) Trường ĐH Luật Hà Nội</p> <p>(2) <a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx</a></p> <p>(3) <a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx</a></p> | <p>(1) Nxb Đại học Sư phạm, 2015.</p> <p>(1) NXB Công an nhân dân, 2013</p> |  |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                              |  |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--|
|  |  |  | <p>(4) Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam 2015</p> <p>(5) Bộ luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi) nước CHXHCN Việt Nam năm 2021</p> <p>(6) Bộ luật Lao động nước CHXHCN Việt Nam năm 2019.</p> <p>(7) Luật phòng, chống tham nhũng nước CHXHCN Việt Nam năm 2018.</p> <p>(8) Văn bản về phòng, chống tham nhũng</p> | <p>(4)<a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx</a></p> <p>(5)<a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-sua-doi-Bo-Luat-To-tung-hinh-su-2021-489113.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-sua-doi-Bo-Luat-To-tung-hinh-su-2021-489113.aspx</a></p> <p>(6)<a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Bo-Luat-lao-dong-2019-333670.aspx</a></p> <p>(7)<a href="https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Phong-chong-tham-nhung-322049.aspx">https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Phong-chong-tham-nhung-322049.aspx</a></p> <p>(8) Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>(9) Trường ĐH Luật Hà Nội</p> | <p>(8) Tài liệu tập huấn Thanh tra, 2018</p> |  |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--|

|                                                            |          |                                 |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                |                                                                                                                                                                            |  |
|------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                            |          |                                 |           | (9). Giáo trình Luật Quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                | (9) NXB Công an nhân dân, năm 2013                                                                                                                                         |  |
| 12                                                         | GDQP     | Giáo dục quốc phòng             |           | 1. Theo chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                                                                            |  |
| <b>II. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2)</b> |          |                                 | <b>16</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                |                                                                                                                                                                            |  |
| <b>II.1. Các Học phần bắt buộc</b>                         |          |                                 | <b>11</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                |                                                                                                                                                                            |  |
| 13                                                         | PPE2008  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2         | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học<br>(2) Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học<br><br>(3) Phương pháp nghiên cứu xã hội học<br><br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật | (1) Vũ Cao Đàm<br><br>(2) Hoàng Mộc Lan<br><br>(3) Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh<br><br>(1) Nguyễn Thu Tuấn | (1) NXB Giáo dục (2009)<br>(2) Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013<br>(3) Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia, 2016<br><br>(1) Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, 2015 |  |
| 14                                                         | F AE2072 | Mỹ học                          | 4         | <b>1. Học liệu bắt buộc</b>                                                                                                                                                                                                                                                      | Đào Thị Thúy Anh (2019)                                                                                        | Trường ĐHSP Nghệ thuật TW                                                                                                                                                  |  |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                              |  |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | <p><i>Giáo trình Mỹ học (lưu hành nội bộ), Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, khoa SPMT.</i></p> <p><b><i>2.Học liệu tham khảo</i></b></p> <p><i>1. Nhập môn Mỹ học,</i></p> <p><i>2. Đạo của vật lý,</i></p> <p><i>3. Hình tượng thực vật trong NTTH của người Việt,</i></p> <p><i>4. Để thưởng ngoạn một tác phẩm hội họa</i></p> <p><i>5. Những giác độ nghiên cứu mỹ thuật</i></p> | <p>Đào Thị Thúy Anh (chủ biên), Đoàn Thị Thu Hà (2019).</p> <p>Fritjof Capra, Nguyễn Tường Bách, biên dịch, (2001)</p> <p>Triệu Thế Hùng, (2013).</p> <p>Maurice Grosser (1999),</p> <p>Nhiều tác giả (2023)</p> | <p>Trường ĐHSP Nghệ thuật TW</p> <p>Nxb Lao động - Xã hội.</p> <p>Nxb Thời Đại.</p> <p>Nxb Mỹ thuật.</p> <p>Nxb Mỹ thuật</p> |  |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                    |  |
|----|---------|------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 15 | CLM2001 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 3 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Cơ sở văn hóa Việt Nam<br>(2) Cơ sở văn hoá Việt Nam<br><br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Việt Nam văn hóa sử cương<br>(2) Việt Nam phong tục<br>(3) Bản sắc văn hóa Việt Nam<br><br>(4) Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam<br>(5) Cơ sở văn hóa Việt Nam | -Huỳnh Công Bá<br>-Trần Quốc Vượng (Chủ biên)<br><br>- Đào Duy Anh<br>-Phan Kế Bính<br>-Phan Ngọc<br><br>-Ngô Đức Thịnh<br><br>- Trần Ngọc Thêm | - Nxb Thuận Hóa, 2012<br>-Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2020<br>- Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000<br>-Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005<br>-Văn học, Hà Nội, 2002<br>-Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2022<br>- Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2011 |  |
|----|---------|------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |                                    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                       |  |
|----|---------|------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 16 | FAE2092 | Đại cương các loại hình nghệ thuật | 2 | <p><b>1.Học liệu bắt buộc</b><br/> <i>Giáo trình Đại cương các loại hình nghệ thuật</i>, lưu hành nội bộ khoa SPMT, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW</p> <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p>1. <i>Giáo trình nghệ thuật học</i></p> <p>2. <i>Mỹ thuật cho trẻ em</i>,</p> <p>3. <i>Nghệ thuật và tâm thức sáng tạo</i>,</p> <p>4. <i>Những giác độ nghiên cứu mỹ thuật</i></p> <p>5.<i>Đề thưởng ngoạn một tác phẩm hội họa</i></p> | <p>Đào Thị Thúy Anh (2019).</p> <p>Trần Duy Hình (2010).</p> <p>Hoài Nha (dịch) (2010),</p> <p>Graham Collier (2019)</p> <p>Nhiều tác giả (2023)</p> <p>Maurice Grosser (1999)</p> | <p>Trường ĐHSP Nghệ thuật TW</p> <p>Nxb Giao thông vận tải</p> <p>Nxb Dân trí, Đông A</p> <p>Nxb Dân trí.</p> <p>Nxb Mỹ thuật</p> <p>Nxb Mỹ thuật</p> |  |
| 17 | CFL2006 | Tiếng Anh chuyên ngành             | 2 | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p><b>-Tài liệu do Trung tâm Tin học</b></p>                                                                                                                                       | <p><b>- (2020), Việt Nam</b></p>                                                                                                                      |  |

|              |                |                                  |             |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                            |                                              |  |
|--------------|----------------|----------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--|
|              |                |                                  |             | <p><i>Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Thiết kế đồ họa</i></p> <p><i>2.Học liệu tham khảo:</i></p> <p><i>. English Grammar in Use.</i></p> | <p><i>&amp;Ngoại ngữ,</i></p> <p><i>Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW biên soạn.</i></p> <p><i>- Murphy, R. (Ngọc Hạnh, Quỳnh Trâm giới thiệu),</i></p> | <p><i>(2011), Nhà xuất bản Hồng Đức.</i></p> |  |
| <b>II. 2</b> |                | <i>Các Học phần tự chọn</i>      | <i>5/13</i> |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                            |                                              |  |
| <b>18</b>    | <b>CLM2004</b> | <b>Lịch sử văn minh thế giới</b> | <b>2</b>    | <p><b>1. Học liệu chính</b></p> <p>1. (1) Lịch sử văn minh thế giới</p>                                                                     | <p>- Vũ Dương Ninh (Chủ biên) - Nguyễn Gia Phú -Nguyễn Quốc Hùng-Đinh Ngọc Bảo</p>                                                                         | <p>- Nxb Giáo dục Việt Nam (2015)</p>        |  |

|    |         |                                                     |   |                                                                                                                                                        |                                                                                              |                                                                                                                                                  |  |
|----|---------|-----------------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                                                     |   | <b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Lịch sử văn minh Trung Hoa, tập 2: Khoa học nghệ thuật, lịch sử hội họa<br>(2) Chuyện kể về những nền văn minh cổ  | - Phùng Quốc Siêu, Trần Hải Ninh<br><br>- Edward James                                       | - Nxb Văn hóa thông tin (2001)<br><br>- Nxb Thế giới (2002)                                                                                      |  |
| 19 | POL2005 | Lịch sử triết học 1 (Lịch sử Triết học phương Đông) | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Lịch sử triết học<br><br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Lịch sử triết học<br>(2) Tư tưởng Triết học Trung Quốc | (1) GS,TS. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên)<br><br>(1) Trần Đăng Sinh (chủ biên)<br>(2) Ôn Hải Minh | (1) Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004<br><br>(1) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2013<br>(2) Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2013. |  |
| 20 | POL2006 | Lịch sử triết học 2 (Lịch sử Triết học phương Tây)  | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Lịch sử triết học<br><br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Lịch sử triết học                                      | (1) GS,TS. Nguyễn Hữu Vui (chủ biên)<br><br>(1) Trần Đăng Sinh (chủ biên)                    | (1) Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004<br><br>(1) Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2013                                                           |  |

|    |         |                      |   |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                      |  |
|----|---------|----------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                      |   | (2) Lịch sử Triết học Phương Tây từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức.                                                                                                                                                                          | (2) Nguyễn Tấn Hùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | (2) Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội 2012.                                                                            |  |
| 21 | PPE2007 | Tâm lý học đại cương | 2 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Giáo trình Tâm lý học đại cương<br><br>(2) Giáo trình Tâm lý học đại cương<br><br><b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Tâm lý học đại cương<br><br>(2) Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cương | (1) Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang<br>(2) Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc, Trần Quốc Thành, Hoàng Anh, Lê Thị Bùng, Vũ Kim Thanh, Nguyễn Kim Quý, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn<br><br>(1) Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Trần Trọng Thủy<br>(2) Phan Trọng Ngọ (Chủ biên), Dương Diệu Hoa, | (1) Nxb Đại học sư phạm, 2023<br><br>(2) Nxb Đại học Sư phạm, 2011<br><br>(1) Nxb ĐH Sư phạm, 2003.<br><br>(2) Nxb ĐH Sư phạm, 2005. |  |

|    |         |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                          |  |
|----|---------|---------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Nguyễn Thị Mùi,<br>Nguyễn Nhân Ái,<br>Bùi Thu Huyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 22 | PPE2029 | Kỹ năng khởi nghiệp | 3 | <b>1. Học liệu bắt buộc</b><br>(1) Làm thuê hay khởi nghiệp<br><br>(2) Không bao giờ là thất bại! Tất cả chỉ là thử thách<br><br>(3) Quốc gia Khởi nghiệp<br><br>(4) Cá nhân hóa khởi nghiệp<br><br>(5) Khởi nghiệp 0 - 1: Những điều không thể bỏ qua khi khởi nghiệp<br>(6) Get Backed: Ai “chống lưng” cho bạn<br><br>(7) Nghĩ giàu làm giàu | (1) Đỗ Mạnh Hùng & Bùi Thị Ngân (2022)<br>(2) Chung Ju Yung (2019). (Lê Huy Khoa dịch).<br>(3) Dan Senor, Saul Singer (2017), Trí Vương dịch<br>(4) Đỗ Thị Tuyết Lan (2023).<br>(5) Chu Thụy Phong. (2019), Dũng Nguyễn dịch<br>(6) Evan Baehr, Evan Loomis. (2018), Lê Thiện Trí dịch<br>(7) NAPOLEON HILL (2019), Việt Khương, Vương Long, Khánh Duy, Ngọc Hân dịch | (1) Nhà xuất bản Dân trí.<br><br>(2) Nhà xuất bản Thế giới<br><br>(3) Nhà xuất bản Thế giới<br><br>(4) Nhà xuất bản Thế giới.<br>(5) Nhà xuất bản Hồng Đức<br>(6) Nhà xuất bản Thế giới<br><br>(7) Nhà xuất bản Thế giới |  |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <b>2. Học liệu tham khảo</b><br>(1) Quản trị tinh gọn tại Việt Nam<br><br>(2) Phụng sự để dẫn đầu. Tư duy lãnh đạo thế kỷ 21<br><br>(3) 6 chiếc mũ tư duy<br><br>(4) Business Model Generation (Tạo lập môi trường kinh doanh)<br><br>(5) Tư duy phản biện để không bị thao túng tâm lý<br><br>(6) Tâm thái - Bí quyết làm chủ cuộc sống từ trong tâm<br><br>(7) 50 quy tắc vàng làm chủ cảm xúc | (1) Nguyễn Đăng Minh<br><br>(2) James Strock (2017), Thu Huyền dịch<br>(3) Edward De BoNo. (2022) - Nguyễn Hữu Dũng dịch<br>(4) Alexander Osterwalder & Yves Pigneur. (2023). 470 Câu Vấn, Doanh Nhân Từ 45 Quốc Gia - Ed. Lưu Thị Thanh Huyền dịch<br>(5) Tom Chatfield (2023), Khánh Trang dịch<br>(6) Đỗ Văn Dũng (2017)<br>(7) Jean - Yves Arrivé (2019), | (1) Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2015<br>(2) Nhà xuất bản Lao động<br>(3) Nhà xuất bản Thế giới<br>(4) Nhà xuất bản Công thương.<br>(5) Nhà xuất bản Trẻ<br>(6) Nhà xuất bản Thế giới.<br>(7) Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. |  |
|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|        |                                 |                      |    |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                  |                                                                                                                                |  |
|--------|---------------------------------|----------------------|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|        |                                 |                      |    | <p>(8) Kỹ năng lập kế hoạch hiệu quả,</p> <p>(9) GOALS! (Chinh phục mục tiêu)</p> <p>(10) - <a href="http://novaspro.vn/">http://novaspro.vn/</a> và <a href="http://dean1665.vn/">http://dean1665.vn/</a></p>   | <p>Hoàng Thanh Thủy dịch</p> <p>(8) Shibamoto Hidenori (2022) - Yoko dịch</p> <p>(9) BRIAN TRACY - Nguyễn Trung An, MBA dịch</p> | <p>(8) Nhà xuất bản thế giới.</p> <p>(9) Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2022</p>                                 |  |
| 23     | PPE2005                         | Tâm lý học tiêu dùng | 2  | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p>[1.1] Tâm lý học quản trị kinh doanh</p> <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p>[2.1] Tâm lý học quản trị kinh doanh</p> <p>[2.2] Người bán hàng vĩ đại nhất thế giới,</p> | <p>[1.1] Nguyễn Hữu Thụ</p> <p>[2.1] Thái Trí Dũng</p> <p>[2.2] OG. Mandino</p>                                                  | <p>[1.1] Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.</p> <p>[2.1] Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.</p> <p>[2.2] Nxb Thanh Hóa, 2004</p> |  |
| III    | Khối kiến thức cơ sở ngành (M3) |                      | 39 |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                  |                                                                                                                                |  |
| III .1 | Các môn bắt buộc                |                      | 30 |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                  |                                                                                                                                |  |
| 24     | F AE2077                        | Giải phẫu tạo hình   | 2  | <p><b>Học liệu bắt buộc:</b></p> <p><i>Giải phẫu tạo hình</i></p> <p><b>Học liệu tham khảo:</b></p>                                                                                                              | <p>Đinh Tiến Hiếu (2011)</p>                                                                                                     | Nxb Đại học Sư phạm                                                                                                            |  |

|    |         |             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                  |                                                                                                  |  |
|----|---------|-------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |             |   | <p>1. <i>Giáo trình Giải phẫu tạo hình</i>, Lưu hành nội bộ, Khoa SPMT – Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.</p> <p>2. <i>Giáo trình hình hoạ 1</i>, dự án Đào tạo giáo viên THCS – LOAN-VIE(SF),</p> <p>3. <i>Luật xa gần và Giải phẫu tạo hình</i></p> <p>4. <i>Giải phẫu tạo hình</i>,</p> <p>5. <i>Bước đầu học vẽ</i>,</p> | <p>Vũ Hạnh Chi, (2019)</p> <p>Triệu Khắc Lễ (2004)</p> <p>Trần Tiểu Lâm, Đặng Xuân Cường, (1998)</p> <p>Lương Xuân Nhị, (2002)</p> <p>Nguyễn Văn Ty, (1983),</p> | <p>Nxb Đại học Sư phạm</p> <p>Nxb Giáo dục</p> <p>Nxb Văn hoá Thông tin.</p> <p>Nxb Văn hoá.</p> |  |
| 25 | FAE2078 | Luật xa gần | 2 | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p>1. <i>Luật Xa Gần</i>, Lưu hành nội bộ, Khoa SPMT, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.</p> <p><b>Học liệu tham khảo</b></p> <p>1. <i>Giáo trình Luật xa gần</i>, Lưu hành nội bộ, Khoa SPMT, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.</p>                         | <p>Đặng Xuân Cường, (2010)</p> <p>Vũ Hạnh Chi, (2019)</p>                                                                                                        | <p>Nxb ĐHSPNTTW<br/>Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.</p> <p>Nxb ĐHSPNTTW</p>                           |  |

|    |         |            |   |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                           |  |
|----|---------|------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |            |   | <p><i>2. Luật Xa Gần</i></p> <p><i>3. Luật Xa Gần</i></p> <p><i>4. Luật Xa Gần và giải phẫu tạo hình</i></p> <p><i>5. Hình, không gian và cách nhìn</i></p> | <p>Đặng Xuân Cường,<br/>(2004)</p> <p>Phạm Công Thành,<br/>(2005)</p> <p>Trần Tiểu Lâm,<br/>Đặng Xuân Cường,<br/>(1998)</p> <p>GRAMHAM<br/>COLLIER, (2017),<br/>Vương Tử Lâm,<br/>Phạm Long dịch -</p> | <p>Nxb ĐHSP</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin.</p> <p>Nxb Giáo dục.</p> <p>Nxb Mỹ thuật</p>                                                    |  |
| 26 | GRD2301 | Hình họa 1 | 3 | <p><i>1. Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Hình họa 1</i></p> <p>1.2. <i>Vẽ vật thực Nhân vật Màu sắc</i></p>                       | <p>Nguyễn Hải Kiên<br/>(chủ biên) (2019)</p> <p>Gia Bảo, Anh Tuấn,<br/>Đoàn Loan (2013)</p> <p>Triệu khắc Lễ<br/>(2006)</p>                                                                            | <p>Khoa Thiết kế đồ họa,<br/>Trường ĐHSP Nghệ<br/>thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.<br/>Nxb Đại học Sư phạm,<br/>Hà Nội.</p> |  |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <p>1.3. <i>Giáo trình hình họa 2</i></p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>2.1. <i>Luật xa gần</i></p> <p>2.2. <i>Hình họa căn bản, tập 2</i></p> <p>2.3. <i>Bí quyết vẽ màu nước</i></p> <p>2.4. <i>Giáo trình hình họa 1</i></p> | <p>Đặng Xuân Cường (2007)</p> <p>Lê Thanh Lộc (biên soạn) (2006)<br/>David Lewis (2015)</p> <p>Triệu khắc Lễ (2004)</p> <p>Lương Xuân Nhị (2005)</p> | <p>Dự án Đào tạo giáo viên THCS – LOAN-VIE(SF), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Dự án Đào tạo giáo viên THCS – LOAN-VIE(SF), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật , Hà Nội.</p> <p>Dự án Đào tạo giáo viên THCS –</p> |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |            |   |                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                |                                                                                                                          |  |
|----|---------|------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |            |   | <p>2.5. <i>Giải phẫu tạo hình</i></p> <p>2.6. <i>Bí quyết vẽ tĩnh vật</i></p>                                                                                                            | <p>Phạm Huỳnh Hương Trang (biên dịch) (2007)</p>                                                                               | <p>LOAN-VIE(SF), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p>     |  |
| 27 | GRD2302 | Hình họa 2 | 3 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Hình họa 2</i></p> <p>1.2. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> <p>1.3. <i>100 ý tưởng thay đổi Nghệ thuật</i></p> | <p>Nguyễn Thị My (chủ biên) (2019)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Dân trí, Hà Nội.</p> |  |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                        |  |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <p><i>2. Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p><i>2.1. Hình họa căn bản, tập 2</i></p> <p><i>2.2. Hình họa căn bản, tập 3</i></p> <p><i>2.3. Giáo trình hình họa 2</i></p> <p><i>2.4. Vẽ vật thực Nhân vật Màu sắc</i></p> <p><i>2.5. Những nền tảng của Mỹ thuật</i></p> | <p>Michael Bird (Phan Nữ Ngọc Linh dịch) (2018)</p> <p>Lê Thanh Lộc (biên soạn) (2006)</p> <p>Lê Thanh Lộc (biên soạn) (2006)</p> <p>Triệu Khắc Lễ (2006)</p> <p>Gia Bảo, Anh Tuấn, Đoàn Loan (2013)</p> <p>Ocvirk-Stinson-Wigg-Cayton (2006)</p> | <p>Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>Dự án Đào tạo giáo viên THCS – LOAN-VIE(SF), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |                   |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                               |  |
|----|---------|-------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 28 | GRD2303 | Hình họa màu nước | 3 | <p><i>1. Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Hình họa màu nước</i></p> <p>1.2. <i>Vẽ vật thực Nhân vật Màu sắc</i></p> <p>1.3. <i>Bí quyết vẽ màu nước</i></p> <p><i>2. Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>2.1. <i>Hình họa căn bản, tập 4</i></p> <p>2.2. <i>Bí quyết vẽ màu nước</i></p> | <p>Nguyễn Xuân Tám (chủ biên) (2019)</p> <p>Gia Bảo, Anh Tuấn, Đoàn Loan (2013)</p> <p>David Lewis (2015)</p> <p>Lê Thanh Lộc (biên soạn) (2006)</p> <p>Phạm Huỳnh Hương Trang (biên dịch) (2007)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật , Hà Nội.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |
|----|---------|-------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |             |   |                                                                                                                                                             |                                                                                                                               |                                                                                              |  |
|----|---------|-------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |             |   | <p>2.3. <i>Bí quyết vẽ tĩnh vật</i></p> <p>2.4. <i>Giáo trình hình họa 1</i></p> <p>2.5. <i>Giáo trình hình họa 3</i></p>                                   | <p>Phạm Huỳnh Hương Trang (biên dịch) (2007)</p> <p>Triệu Khắc Lễ (2011)</p> <p>Triệu Khắc Lễ (2008)</p>                      | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p>   |  |
| 29 | GRD2002 | Vẽ kỹ thuật | 2 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Vẽ kỹ thuật – Đặc biểu kiến trúc</i></p> <p>1.2. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> | <p>Lê Đức Cường (chủ biên) (2019)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |

|  |  |  |  |                                                          |                                                       |                                                |  |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | 1.3. <i>Nguyên lý Design thị giác</i>                    | Nguyễn Hồng<br>Hung (2017)                            | Nxb ĐHQG thành phố<br>HCM.                     |  |
|  |  |  |  | 2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i>                        |                                                       |                                                |  |
|  |  |  |  | 2.1. <i>Kiến trúc dân gian truyền thống<br/>Việt Nam</i> | Chu Quang Trứ<br>(1999)                               | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.                          |  |
|  |  |  |  | 2.2. <i>Đình, chùa, lăng tẩm nổi tiếng<br/>Việt Nam</i>  | Trần Mạnh Trường<br>(chủ biên), Bùi<br>Xuân Mỹ (1999) | Nxb Văn hóa Thông<br>tin, Hà Nội.              |  |
|  |  |  |  | 2.3. <i>Lịch sử kiến trúc Việt Nam</i>                   | Ngô Huy Quỳnh<br>(1998)                               | Nxb Văn hóa Thông<br>tin, Hà Nội.              |  |
|  |  |  |  | 2.4. <i>Luật xa gần</i>                                  | Đặng Xuân Cường<br>(2004)                             | Dự án đào tạo giảng<br>viên THCS, Nxb<br>ĐHSP. |  |
|  |  |  |  | 2.5. <i>Nhà rông Tây Nguyên</i>                          |                                                       | Nxb Thế giới, Hà Nội.                          |  |

|           |                |                                     |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                     |  |
|-----------|----------------|-------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|           |                |                                     |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nguyễn Văn Kự,<br>Luu Hùng, Nguyễn<br>Ngọc (2007)                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                     |  |
| <b>30</b> | <b>GRD2004</b> | <b>Cơ sở tạo hình<br/>mặt phẳng</b> | <b>2</b> | <p><i>1. Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Cơ sở tạo hình mặt phẳng</i></p> <p>1.2. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> <p>1.3. <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> <p><i>2. Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>2.1. <i>100 ý tưởng thay đổi Nghệ thuật</i></p> | <p>Nguyễn Hữu Dũng<br/>(chủ biên) (2019)</p> <p>Graham Collier<br/>(Vương Tử Lâm và<br/>Phạm Long dịch,<br/>Phạm Văn Thiều<br/>hiệu đính) (2017)</p> <p>Nguyễn Hồng<br/>Hưng (2017)</p> <p>Michael Bird (Phan<br/>Nữ Ngọc Linh<br/>dịch) (2018)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa,<br/>Trường ĐHSP Nghệ<br/>thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố<br/>HCM.</p> <p>Nxb Dân trí, Hà Nội.</p> |  |

|    |         |                                                             |   |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                 |                                                                                                                             |  |
|----|---------|-------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                                                             |   | <p>2.2. <i>Cơ sở phương pháp luận Design</i></p> <p>2.3. <i>Cơ sở tạo hình</i></p> <p>2.4. <i>Nguyên lý Hội họa đen trắng</i></p>                                                               | <p>Lê Huy Văn (2012)</p> <p>Lê Huy Văn và Trần Từ Thành (2010)</p> <p>Vương Hoàng Lục (2007)</p>                                | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p>                                      |  |
| 31 | GRD2005 | <b>Cơ sở tạo khối, không gian (Cơ sở tạo hình nâng cao)</b> | 2 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Cơ sở tạo hình nâng cao</i></p> <p>1.2. <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> <p>1.3. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> | <p>Nguyễn Thành Sơn (chủ biên) (2019)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch,</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |

|           |                |                               |          |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                              |  |
|-----------|----------------|-------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|           |                |                               |          | <p><i>2. Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p><i>2.1. 100 ý tưởng thay đổi Nghệ thuật</i></p> <p><i>2.2. Nguyên lý Hội họa đen trắng</i></p> <p><i>2.3. Ngôn ngữ của hình và sắc</i></p> <p><i>2.4. Cơ sở tạo hình</i></p> <p><i>2.5. Cơ sở phương pháp luận Design</i></p> | <p>Phạm Văn Thiều<br/>hiệu đính) (2017)</p> <p>Michael Bird (Phan<br/>Nữ Ngọc Linh<br/>dịch) (2018)</p> <p>Vương Hoàng Lực<br/>(2007)</p> <p>Nguyễn Quân<br/>(2005)</p> <p>Lê Huy Văn, Trần<br/>Tùng Thành (2010)</p> <p>Lê Huy Văn (2012)</p> | <p>Nxb Dân trí, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông<br/>tin, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |
| <b>32</b> | <b>GRD2054</b> | <b>Nguyên lý thị<br/>giác</b> | <b>3</b> | <p><i>1. Học liệu bắt buộc</i></p> <p><i>1.1. Giáo trình giảng dạy Nguyên lý<br/>thị giác</i></p>                                                                                                                                                                         | <p>Nguyễn Thành Sơn<br/>(chủ biên) (2019)</p>                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |  |

|  |  |  |  |                                             |                                                                                  |                                                          |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | 1.2. <i>Nguyên lý Design thị giác</i>       | Nguyễn Hồng Hưng (2017)                                                          | Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội. |  |
|  |  |  |  | 1.3. <i>Hình không gian và cách nhìn</i>    | Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017) | Nxb ĐHQG thành phố HCM.<br><br>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.     |  |
|  |  |  |  | 2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i>           |                                                                                  |                                                          |  |
|  |  |  |  | 2.1. <i>100 ý tưởng thay đổi Nghệ thuật</i> | Michael Bird (Phan Nữ Ngọc Linh dịch) (2018)                                     | Nxb Dân trí, Hà Nội.                                     |  |
|  |  |  |  | 2.2. <i>Nguyên lý Hội họa đen trắng</i>     | Vương Hoằng Lục (2007)                                                           | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.                                    |  |
|  |  |  |  | 2.3. <i>Ngôn ngữ của hình và sắc</i>        | Nguyễn Quân (2005)                                                               | Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.                           |  |
|  |  |  |  | 2.4. <i>Cơ sở tạo hình</i>                  |                                                                                  |                                                          |  |

|    |         |                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                          |  |
|----|---------|---------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                           |   | 2.5. Cơ sở phương pháp luận Design                                                                                                                                                                                                                 | Lê Huy Văn, Trần Từ Thành (2010)<br><br>Lê Huy Văn (2012)                                                                                                                                    | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.<br><br>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.                                                                                                       |  |
| 33 | GRD2007 | Lịch sử Mỹ thuật ứng dụng | 2 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <p>1.1. Giáo trình giảng dạy Lịch sử mỹ thuật ứng dụng</p> <p>1.2. Lịch sử Design</p> <p>1.3. Nguyên lý Design thị giác</p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>2.1. Giáo trình lịch sử kiến trúc thế giới, tập 2</p> | <p>Quách Thị Ngọc An (chủ biên) (2019)</p> <p>Lê Huy Văn, Trần Văn Bình, Lê Quốc Vũ (2019)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Văn Đỉnh (đồng chủ biên) (2015)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Xây dựng, Hà Nội.</p> |  |

|  |  |  |  |                                                  |                                                                   |                                    |  |
|--|--|--|--|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--|
|  |  |  |  | 2.2. <i>Cơ sở tạo hình</i>                       | Lê Huy Văn, Trần<br>Tùng Thành (2010)                             | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.              |  |
|  |  |  |  | 2.3. <i>Cơ sở và phương pháp luận<br/>Design</i> | Lê Huy Văn (2012)                                                 | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.              |  |
|  |  |  |  | 2.4. <i>Kiến trúc thế giới thế kỷ XX</i>         | Jonathan Glancey<br>(Lê Thanh Lộc biên<br>dịch) (2002)            | Nxb Trẻ, Thành phố<br>Hồ Chí Minh. |  |
|  |  |  |  | 2.5. <i>Thiết kế</i>                             | John Heskett<br>(Nguyễn Thanh<br>Việt, Vũ Kiều Châu<br>Loan dịch) | Nxb Tri thức, Hà Nội.              |  |
|  |  |  |  | 2.4. <i>108 đồ vật thế kỷ XX – XXI</i>           | Lê Phi Loan (biên<br>soạn) (2007)                                 | Nxb Lao động, Hà Nội.              |  |

|    |         |                         |   |                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                             |  |
|----|---------|-------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 34 | GRD2304 | Hình họa chuyên ngành 1 | 3 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <p>1.1. Giáo trình giảng dạy Hình họa chuyên ngành 1</p> <p>1.2. Nguyên lý Design thị giác</p> <p>1.3. Hình không gian và cách nhìn</p> <p>2. Học liệu tham khảo</p> <p>2.1. Vẽ vật thực nhân vật màu sắc</p> <p>2.2. Giáo trình hình họa 1</p> | <p>Lê Đức Cường (chủ biên) (2019)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017)</p> <p>Gia Bảo, Anh Tuấn, Đoàn Loan (2013)</p> <p>Triệu Khắc Lễ (2011)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội</p> <p>Nxb Hà Nội</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p> |  |
|----|---------|-------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |                         |   |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                     |                                                                                                                            |  |
|----|---------|-------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                         |   | <p>2.3. <i>Giáo trình hình họa 3</i></p> <p>2.4. <i>Nguyên lý Hội họa đen trắng</i></p> <p>2.5. <i>Bí quyết vẽ tĩnh vật</i></p> <p>2.6. <i>Những nền tảng của Mỹ thuật</i></p>                  | <p>Triệu Khắc Lễ (2008)</p> <p>Vương Hoàng Lực (2007)</p> <p>Phạm Huỳnh Hương Trang (biên dịch) (2007)</p> <p>Ocvirk-Stinson-Wigg-Cayton (2006)</p> | <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p>                                    |  |
| 35 | GRD2305 | Hình họa chuyên ngành 2 | 3 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Hình họa chuyên ngành 1</i></p> <p>1.2. <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> <p>1.3. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> | <p>Lê Đức Cường (chủ biên) (2019)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và</p>                                         | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội</p> |  |

|                                   |  |  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                  |  |
|-----------------------------------|--|--|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                   |  |  |             | <p>Phạm Long dịch,<br/>Phạm Văn Thiều<br/>hiệu đính) (2017)</p> <p>2. <i>Học liệu tham khảo</i></p> <p>2.1. <i>Giáo trình nguyên vật liệu<br/>ngành in</i></p> <p>2.2. <i>Giáo trình hình họa 1</i></p> <p>2.3. <i>Giáo trình hình họa 3</i></p> <p>2.4. <i>Nguyên lý Hội họa đen trắng</i></p> <p>2.5. <i>Cơ sở phương pháp luận Design</i></p> | <p>Phan Đệ (2007)</p> <p>Triệu Khắc Lễ<br/>(2011)</p> <p>Triệu Khắc Lễ<br/>(2008)</p> <p>Vương Hoàng Lục<br/>(2007)</p> <p>Lê Huy Văn (2012)</p> | <p>Nxb Hà Nội</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà<br/>Nội.</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà<br/>Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |
| <b>III.2 Các Học phần tự chọn</b> |  |  | <b>9/20</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                  |  |

|    |          |                                             |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                    |  |
|----|----------|---------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 36 | F AE2079 | Lịch sử Mỹ<br>thuật thế giới và<br>Việt Nam | 3 | <p><b>Học liệu bắt buộc</b></p> <p><i>Giáo trình Lịch sử mỹ thuật thế giới và Việt Nam</i>, Lưu hành nội bộ, Khoa SPMT, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.</p> <p><b>Học liệu tham khảo</b></p> <p>1. <i>Lịch sử mỹ thuật thế giới</i>,</p> <p>2. <i>Lịch sử mỹ thuật Việt Nam</i>,</p> <p>3. <i>Những trào lưu lớn của nghệ thuật tạo hình hiện đại</i></p> <p>4. <i>Danh họa cuộc đời và tác phẩm tập 1</i></p> <p>5. <i>Trung Hoa cổ đại</i>,</p> <p>6. <i>Các nền văn hóa Thế giới tập 1</i></p> <p>7. <i>Câu chuyện Nghệ thuật</i>, Nxb Văn nghệ TP.HCM.</p> | <p>Nguyễn Minh Tân (2019)</p> <p>Phạm Thị Chinh (2012)</p> <p>Phạm Thị Chinh (2010)</p> <p>Lê Năng An biên dịch (1998)</p> <p>Đặng Thị Bích Ngân (2000)</p> <p>Nguyễn Bích Thủy (dịch),</p> <p>Lê Mạnh Chiến (hiệu đính) (2006)</p> <p>Đỗ Hữu Toàn (chủ biên) (2011)</p> <p>E.H. Gombrich, Lê Sĩ Tuấn (biên dịch) (1998)</p> | <p>Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.</p> <p>Nxb ĐHSP.</p> <p>Nxb ĐHSP.</p> <p>Nxb VHTT.</p> <p>Nxb VHTT.</p> <p>Nxb Kim Đồng</p> <p>Nxb Từ điển Bách Khoa</p> <p>Nxb Văn nghệ TP.HCM.</p> |  |
| 37 | F AE2081 | Mỹ thuật học                                | 2 | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p>Nguyễn Thị Giang (2019),</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.</p>                                                                                                                                                  |  |

|    |         |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                    |  |
|----|---------|---------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                     |   | <p><i>Giáo trình Mỹ thuật học, Lưu hành nội bộ, Khoa Sư phạm Mỹ thuật,</i></p> <p><b>2. Học liệu tham khảo</b></p> <p><i>1. Mỹ thuật cho trẻ em,</i></p> <p><i>2. Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới Trung Đại,.</i></p> <p><i>3. Nghệ thuật Thổ dân Australia,</i></p> <p><i>4. Mỹ thuật truyền thống và hiện đại Việt Nam</i></p> <p><i>5. Những giác độ nghiên cứu mỹ thuật,</i></p> | <p>Hoài Nha (dịch) (2010),</p> <p>Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên,</p> <p>Trần Hồng Ngọc (2009),</p> <p>Tủ sách Mỹ thuật phổ thông (2001),</p> <p>Phạm Văn Tuyền (2019),</p> <p>Nhiều tác giả (2023),</p> | <p>Nxb Dân trí, Đông A</p> <p>Nxb Giáo dục.</p> <p>Nxb Mỹ thuật. ,</p> <p>Nxb Hội nhà văn.</p> <p>Nxb Mỹ thuật</p> |  |
| 38 | GRD2010 | Thẩm mỹ công nghiệp | 2 | 1. Học liệu bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                    |  |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                           |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Thẩm mỹ công nghiệp</i></p> <p>1.2. <i>Lịch sử Design</i></p> <p>1.3. <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> <p>2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>2.1. <i>Cơ sở và phương pháp luận Design</i></p> <p>2.2. <i>Thiết kế</i></p> | <p>Quách Thị Ngọc An (2019)</p> <p>Lê Huy Văn, Trần Văn Bình, Lê Quốc Vũ (2019)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Lê Phi Loan (biên soạn) (2007)</p> <p>Nguyễn Hữu Thụ (2013)</p> <p>John Heskett (Nguyễn Thanh</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Lao động, Hà Nội.</p> <p>Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>Nxb Tri thức, Hà Nội.</p> |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                            |  |
|----|---------|---------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                     |   | 1.3. <i>108 đồ vật thế kỉ XX – XXI</i>                                                                                                                                                                                                                                                               | Việt, Vũ Kiều Châu<br>Loan dịch) (2011)                                                                                                                          |                                                                                                                                                            |  |
|    |         |                     |   | 2.4. <i>Cơ sở tạo hình</i>                                                                                                                                                                                                                                                                           | Lê Huy Văn (2012)                                                                                                                                                | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.                                                                                                                                      |  |
| 39 | GRD2010 | Marketing<br>Design | 2 | 1. <i>Học liệu bắt buộc</i><br>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Marketing Design</i><br><br>1.2. <i>Lịch sử Design</i><br><br>1.3. <i>Nguyên lý Design thị giác</i><br><br>2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i><br>2.1. <i>108 đồ vật thế kỉ XX – XXI</i><br><br>2.2. <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i> | Quách Thị Ngọc<br>An (2019)<br><br>Lê Huy Văn, Trần<br>Văn Bình, Lê Quốc<br>Vũ (2019)<br><br>Nguyễn Hồng<br>Hưng (2017)<br><br>Lê Phi Loan (biên<br>soạn) (2007) | Khoa Thiết kế đồ họa,<br>Trường ĐHSP Nghệ<br>thuật TW, Hà Nội.<br><br>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.<br><br>Nxb ĐHQG thành phố<br>HCM.<br><br>Nxb Lao động, Hà Nội. |  |

|    |         |                          |   |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                              |                                                                                                                            |  |
|----|---------|--------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                          |   | <p>2.3. <i>Thiết kế</i></p> <p>2.4. <i>Cơ sở và phương pháp luận Dessign</i></p>                                                                                                               | <p>Nguyễn Hữu Thụ (2013)</p> <p>John Heskett (Nguyễn Thanh Việt, Vũ Kiều Châu Loan dịch) (2011)</p> <p>Lê Huy Văn (2012)</p> | <p>Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>Nxb Tri thức, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p>                              |  |
| 40 | GRD2012 | Vật liệu và công nghệ in | 2 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Vật liệu và công nghệ in</i></p> <p>1.2. <i>Indesign Thiết kế dàn trang nâng cao Adobe InDesign CS6 (Tái bản lần 2)</i></p> | <p>Nguyễn Hồng Sơn (chủ biên) (2019)</p> <p>Chris Botello (2019)</p>                                                         | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb Bách khoa, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |

|    |         |                         |   |                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                             |                                                                                                             |  |
|----|---------|-------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                         |   | <p>1.3. Tranh in độc bản - Những vấn đề lý luận và thực hành</p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>2.1. Nguyên lý Design thị giác</p> <p>2.2. Đồ họa in khắc gỗ hiện đại Việt Nam</p> <p>2.3. Thiết kế</p> <p>2.4. Giáo trình nguyên vật liệu ngành in</p> | <p>Nguyễn Nghĩa Phương (2020)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Hoàng Minh Phúc (2015)</p> <p>John Heskett (Nguyễn Thanh Việt, Vũ Kiều Châu Loan dịch) (2011)</p> <p>Phan Đệ (2007)</p> | <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Thế giới, Hà Nội.</p> <p>Nxb Tri thức, Hà Nội.</p> <p>Nxb Hà Nội.</p> |  |
| 41 | GRD2013 | Cơ sở tạo hình nâng cao | 2 | 1. Học liệu bắt buộc                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                             |                                                                                                             |  |

|  |  |  |  |                                                          |                                                                                    |                                                          |  |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | 1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Cơ sở tạo hình nâng cao</i> | Nguyễn Thành Sơn (chủ biên) (2019)                                                 | Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội. |  |
|  |  |  |  | 1.2. <i>Nguyên lý Design thị giác</i>                    | Nguyễn Hồng Hưng (2017)                                                            | Nxb ĐHQG thành phố HCM.                                  |  |
|  |  |  |  | 1.3. <i>Hình không gian và cách nhìn</i>                 | - Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017) | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.                                    |  |
|  |  |  |  | 2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i>                        |                                                                                    |                                                          |  |
|  |  |  |  | 2.1. <i>100 ý tưởng thay đổi Nghệ thuật</i>              | Michael Bird (Phan Nữ Ngọc Linh dịch) (2018)                                       | Nxb Dân trí, Hà Nội.                                     |  |
|  |  |  |  | 2.2. <i>Nguyên lý Hội họa đen trắng</i>                  | Vương Hoằng Lục (2007)                                                             | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.                                    |  |

|    |         |                                   |   |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                 |                                                                                                                             |  |
|----|---------|-----------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                                   |   | <p>1.3. <i>Ngôn ngữ của hình và sắc</i></p> <p>2.4. <i>Cơ sở tạo hình</i></p> <p>2.5. <i>Cơ sở phương pháp luận Design</i></p>                                                                            | <p>Nguyễn Quân (2005)</p> <p>Lê Huy Văn, Trần Từ Thành (2010)</p> <p>Lê Huy Văn (2012)</p>                                                                      | <p>Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p>                             |  |
| 42 | GRD2306 | Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh | 3 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh</i></p> <p>1.2. <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> <p>1.3. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> | <p>Nguyễn Xuân Tám (chủ biên) (2019)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |

|  |  |  |  |                                                                                          |                                                                   |                                                                |  |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <p><i>2. Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p><i>2.1. Vẽ vật thực Nhân vật Màu sắc</i></p> | <p>Gia Bảo, Anh Tuấn,<br/>Đoàn Loan (2013)</p>                    | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p>                                   |  |
|  |  |  |  | <p><i>2.2. Bí quyết vẽ tĩnh vật</i></p>                                                  | <p>Phạm Huỳnh<br/>Hương Trang (biên<br/>dịch) (2007)</p>          | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà<br/>Nội.</p>                               |  |
|  |  |  |  | <p><i>2.3. Bí quyết vẽ bút chì</i></p>                                                   | <p>Huỳnh Phạm<br/>Hương Trang<br/>(2011)</p>                      | <p>Nxb Tổng hợp, Hà<br/>Nội.</p>                               |  |
|  |  |  |  | <p><i>2.4. Cơ sở tạo hình</i></p>                                                        | <p>Lê Huy Văn, Trần<br/>Tùng Thành (2010)</p>                     |                                                                |  |
|  |  |  |  | <p><i>2.5. 'Hình thể và không gian</i></p>                                               | <p>Jenue Barotray;<br/>(Nguyễn Đức Lam<br/>Trình dịch) (2004)</p> | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Văn hoá Thông<br/>tin.</p> |  |

|    |         |                                          |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                               |  |
|----|---------|------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 43 | GRD2015 | <b>Hình họa nghiên cứu hình thể động</b> | 2 | <p><i>1. Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Hình họa nghiên cứu hình thể động</i></p> <p>1.2. <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> <p>1.3. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> <p><i>2. Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>2.1. <i>Giáo trình hình họa 1</i></p> <p>2.2. <i>Hình họa căn bản tập 1</i></p> <p>2.3. <i>Vẽ vật thực Nhân vật Màu sắc</i></p> | <p>Nguyễn Xuân Tám (chủ biên) (2019)</p> <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017)</p> <p>- Triệu Khắc Lễ (2011)</p> <p>Lê Thanh Lộc (biên soạn) (2006)</p> | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |
|----|---------|------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|    |         |        |   |                                                                                                                                |                                                                                                                                                                          |                                                                                        |  |
|----|---------|--------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |        |   | <p>2.4. <i>Bí quyết vẽ tĩnh vật</i></p> <p>2.5. <i>Bí quyết vẽ bút chì</i></p> <p>2.6. <i>Cơ sở tạo hình</i></p>               | <p>Gia Bảo, Anh Tuấn, Đoàn Loan (2013)</p> <p>Phạm Huỳnh Hương Trang (biên dịch) (2007)</p> <p>Huỳnh Phạm Hương Trang (2011)</p> <p>Lê Huy Văn, Trần Từ Thành (2010)</p> | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Tổng hợp, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> |  |
| 44 | GRD2016 | Ký họa | 2 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>1.1. <i>Giáo trình giảng dạy Ký họa</i></p> <p>1.2. <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> | <p>Vũ Xuân Hiền (chủ biên) (2019)</p>                                                                                                                                    | <p>Khoa Thiết kế đồ họa, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.</p>                        |  |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                   |  |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <p>1.3. <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> <p>2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>2.1. <i>Vẽ kí họa</i></p> <p>2.2. <i>Vẽ kí họa nét</i>, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>2.3. <i>Giáo trình hình họa 1</i></p> <p>2.4. <i>Giáo trình kí họa 1</i></p> <p>2.5. <i>Bí quyết vẽ bút chì</i></p> | <p>Nguyễn Hồng Hưng (2017)</p> <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính) (2017)</p> <p>Gia Bảo (2008)</p> <p>Gia Bảo, Hàn Vĩ (2009)</p> <p>Triệu Khắc Lễ (2011)</p> <p>Triệu Khắc Lễ (chủ biên) (2008)</p> | <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p> |  |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|          |                       |                                |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                           |                      |  |
|----------|-----------------------|--------------------------------|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|
|          |                       |                                |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Huỳnh<br>Hương<br>(2011)                                                                                                        | Phạm<br>Trang                                                                                                                                                             | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội |  |
| IV       | M4                    | Khối kiến thức<br>chuyên ngành | 43 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                           |                      |  |
| IV.<br>1 | Các Học phần bắt buộc |                                | 33 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                           |                      |  |
| 45       | GRD2058               | Nghệ<br>thuật<br>nhiếp ảnh     | 3  | 1. Học liệu bắt buộc<br><br>- Ý tưởng sáng tạo vận dụng hình ảnh tự nhiên trong nghệ thuật thiết kế.<br><br>- Giáo trình giảng dạy Nghệ thuật nhiếp ảnh.<br><br>2. Học liệu tham khảo thêm<br><br>- Màu sắc và phương pháp vẽ màu.<br><br>- Nghệ thuật phối màu.<br><br>- Cơ sở phương pháp luận Design. | - Gia Bảo<br><br>- Nguyễn Quang Huy (chủ biên)<br><br>- Nguyễn Duy Lâm, Đặng Thị Bích Ngân<br>- Nguyễn Hạnh<br><br>- Lê Huy Văn | Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2008).<br><br>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW (2019).<br><br>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2007)<br>Nxb Lao động – Xã hội (2005)<br>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2012) |                      |  |

|    |         |                |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                       |  |
|----|---------|----------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                |   | <p>- <i>Hình thể và không gian</i></p> <p>- <i>Từ điển, thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông.</i></p>                                                                                                                                                                                                      | <p>- Jê nuê Barotray</p> <p>- Đặng Bích Ngân</p>                                                                                                   | <p>- Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội (2004).</p> <p>- Nxb Giáo dục (2012).</p>                                                                                                                          |  |
| 46 | GRD2057 | Nghệ thuật chữ | 3 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>- Giáo trình giảng dạy Nghệ thuật chữ.</p> <p>- <i>Khám phá Typography,</i></p> <p>2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>- <i>Giáo trình Trang trí</i></p> <p>- <i>Biểu trưng</i></p> <p>- <i>Tư duy đa chiều phương pháp sáng tạo không giới hạn</i></p> | <p>- Lò Mai Trang</p> <p>Tova Rabinowitz</p> <p>Nguyễn Thế Hùng,<br/>Nguyễn Thị Nhung,<br/>Phạm Ngọc Tới,</p> <p>Nguyễn Duy Lãm</p> <p>Hải Yến</p> | <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW (2019).</p> <p>Nxb Bách khoa Hà Nội, Nhóm dịch trường Đại học FPT (2011).</p> <p>Nxb Giáo dục (1998).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (1997).</p> <p>Nxb Thế giới (dịch 2019).</p> |  |

|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                          |  |
|----|---------|------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                        |   | - Cơ sở phương pháp luận design.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Lê Huy Văn                                                                                                                                                                                        | Nxb Mỹ thuật (2014).                                                                                                                                                     |  |
| 47 | GRD2020 | Tin học chuyên ngành 1 | 3 | <p><b>Học liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Giáo trình giảng dạy Tin học chuyên ngành 1</p> <p>2. Các tuyệt chiêu Adobe Illustrator Cs5 thực hành bằng hình minh họa,</p> <p><b>Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p>1. Chế bản điện tử với Illustrator CS5</p> <p>2. 270 thủ thuật và mẹo hay trong Adobe Illustrator cs4</p> <p>2. Tự học các kỹ năng Illustrator CS4</p> <p>3. Tự học nhanh đồ họa trên Illustrator 8.0 và 9.0</p> | <p>Yến Văn Hòa (chủ biên)</p> <p>Lê Thuận-Thanh Tâm-Quang Huy.</p> <p>ThS. Nguyễn Nam Thuận và nhóm tin học thực dụng.</p> <p>ThS. Dương Minh Quý và nhóm tin học thực dụng.</p> <p>Water PC.</p> | <p>Khoa TKĐH, trường ĐH SPNTTW, 2019.</p> <p>NXB Từ điển Bách khoa, 2012.</p> <p>NXB Giao thông vận tải, 2011.</p> <p>Nxb Hồng đức, 2010.</p> <p>Nxb Hồng đức, 2009.</p> |  |

|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                 |  |
|----|---------|------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                   | NXB văn hóa thông tin, 2010.                                                                                                                                                                                    |  |
| 48 | GRD2021 | Tin học chuyên ngành 2 | 3 | <p><b>Học liệu bắt buộc</b></p> <p>2. Giáo trình giảng dạy Tin học chuyên ngành 2.</p> <p>2. Giáo trình thực hành Photoshop CC-CS6-CS5</p> <p><b>Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p>1. Tự học thiết kế Adobe Photoshop 8.0 trong 10 tiếng</p> <p>3. Photoshop CS6 chuyên đề ghép và chỉnh sửa tóc</p> <p>4. Tự học Adobe Photoshop CS5</p> <p>4. Chỉnh phục Photoshop CS2</p> | <p>Lê Huy Thục (Chủ biên)</p> <p>KS. Phạm Quang Huy</p> <p>Minh Đức – Vương Anh</p> <p>Phạm Quang Hiển – Văn Thị Tư</p> <p>Nhật minh – Hà Anh</p> | <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSPNNTTW. (2019)</p> <p>Nxb Thanh niên, 2018.</p> <p>Nxb Văn hóa thông tin, 2011.</p> <p>Nxb Từ điển bách khoa, 2013.</p> <p>Nxb Hồng Đức, 2015.</p> <p>Nxb Giao thông vận tải, 2006.</p> |  |

|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                          |  |
|----|---------|------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đậu Quang Tuấn                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                          |  |
| 49 | GRD2022 | Tin học chuyên ngành 3 | 3 | <p><b>Học liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Giáo trình giảng dạy Tin học chuyên ngành 3</p> <p>2. Thiết kế đa phương tiện với Adobe flash</p> <p><b>Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p>1. Hướng dẫn thực hành Flash CS5 chỉ dẫn bằng hình</p> <p>2. Tự học nhanh Flash CS4 Pro cho người mới học</p> <p>3. Macromedia Flash 5 căn bản và chuyên sâu</p> <p>4. 180 thủ thuật và mẹo hay trong Flash CS4</p> | <p>Nguyễn duy hùng<br/>(chủ biên)</p> <p>Trường Đại học FPT</p> <p>ThS. Nguyễn Minh Hoàng và nhóm tin học thực dụng.</p> <p>ThS. Nguyễn Công Minh</p> <p>Tổng hợp và biên dịch VN-GUIDE</p> <p>ThS. Nguyễn Nam Thuận và nhóm tin học thực dụng</p> | <p>Khoa TKĐH, trường ĐHSPNTTW. (2019)</p> <p>Nxb Bách khoa Hà nội, 2015.</p> <p>NXB Hồng đức, 2011.</p> <p>Nxb Hồng đức, 2009.</p> <p>Nxb thống kê, 2002.</p> <p>Nxb Hồng đức, 2010.</p> |  |
| 50 | GRD2023 | Sáng tác thiết kế 1    | 3 | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p><b>- Giáo trình trang trí,</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tạ Phương Thảo                                                                                                                                                                                                                                     | Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội (2004).                                                                                                                                                      |  |

|           |                |                            |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |
|-----------|----------------|----------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|           |                |                            |          | <p><b>- Giáo trình giảng dạy Sáng tác thiết kế học phần 1</b></p> <p><b>2. Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p><b>- Giáo trình Mỹ thuật học</b></p> <p><b>- Thực hành màu sắc và hội họa</b></p> <p><b>- Con mắt nhìn cái đẹp</b></p> <p><b>- Từ điển, thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông</b></p> <p><b>- Nguyên lý hội họa đen trắng</b></p> | <p>Nguyễn Quang Huy (chủ biên) , Nông Thị Thu Trang</p> <p>Phạm Thị Chinh, Trần Tiểu Lâm</p> <p>Robert Duplos</p> <p>Nguyễn Quân</p> <p>Đặng Bích Ngân (chủ biên)</p> <p>Vương Hoàng Lục</p> | <p><i>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</i></p> <p><i>Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội (2008).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật (1996).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2004).</i></p> <p><i>Nxb Giáo dục (2012).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.</i></p> |  |
| <b>51</b> | <b>GRD2024</b> | <b>Sáng tác thiết kế 2</b> | <b>3</b> | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p><b>- Giáo trình giảng dạy Sáng tác thiết kế học phần 2</b></p> <p><b>- Giáo trình mỹ thuật học</b></p>                                                                                                                                                                                           | <p>Nguyễn Quang Huy (chủ biên) , Nguyễn Mai Thor</p>                                                                                                                                         | <p><i>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</i></p> <p><i>Nxb Đại học sư phạm.</i></p>                                                                                                                                                                     |  |

|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                         |  |
|----|---------|------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                        |   | <p><b>2. Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p><b>- Giáo trình trang trí tập II</b></p> <p><b>- Giáo trình mỹ thuật cơ bản,</b></p> <p><b>- Thiết kế cho người mới bắt đầu</b></p> <p><b>- Lịch sử Design</b></p> <p><b>- Nghệ thuật phối màu</b></p> <p><b>- Nguyên lý hội họa đen trắng</b></p> | <p>Trần Tiểu Lâm –<br/>Phạm Thị Chinh</p> <p>Phạm Ngọc Tới</p> <p>Ngô Bá Công</p> <p>Nguyễn Việt Hùng</p> <p>Lê Huy Văn, Trần Văn Bình</p> <p>Nguyễn Hạnh</p> <p>Vương Hoàng Lục</p> | <p><i>Nxb Đại học Sư phạm.</i></p> <p><i>Nxb Đại học Sư phạm.</i></p> <p><i>Nxb giao thông vận tải.</i></p> <p><i>Nxb Xây dựng.</i></p> <p><i>Nxb Lao động – Xã hội</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật.</i></p> |  |
| 52 | GRD2025 | Sáng tác thiết kế<br>3 | 3 | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p><b>- Giáo trình giảng dạy Sáng tác thiết kế học phần 3.</b></p>                                                                                                                                                                                          | <p>Nguyễn Đức Lâm<br/>(chủ biên), Nguyễn Mai Thơ</p>                                                                                                                                 | <p><i>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</i></p>                                                                                                                                               |  |

|           |                |                            |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                |  |
|-----------|----------------|----------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|           |                |                            |          | <p><b>- Tranh Khắc gỗ Việt Nam</b></p> <p><b>2. Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p><b>- Nghệ thuật Đồ họa</b></p> <p><b>- Nguyên lý Hội họa đen trắng</b></p> <p><b>- Con mắt nhìn cái đẹp</b></p> <p><b>- Từ điển, thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông</b></p> <p><b>- Trang Web: <a href="http://www.pinterest.com">www.pinterest.com</a></b></p> | <p>Nguyễn Trân</p> <p>Vương Hoàng Lục</p> <p>Nguyễn Quân</p> <p>Đặng Bích Ngân</p> | <p><i>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (1998).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật (1995).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2007).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2004).</i></p> <p><i>Nxb Giáo dục, Hà Nội (2012).</i></p> |  |
| <b>53</b> | <b>GRD2026</b> | <b>Sáng tác thiết kế 4</b> | <b>3</b> | <p><b>1. Học liệu bắt buộc</b></p> <p><b>- Giáo trình giảng dạy Sáng tác thiết kế học phần 4</b></p> <p><b>- Nghệ thuật phối màu</b></p>                                                                                                                                                                                                     | <p>Nguyễn Đức Lân<br/>(chủ biên) , Phạm Minh Phong</p> <p>Nguyễn Hạnh</p>          | <p><i>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</i></p> <p><i>Nxb Lao động - xã hội.</i></p>                                                                                                                 |  |

|    |         |                        |   |                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                           |                                                                                                                                             |  |
|----|---------|------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                        |   | <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>- Biểu tượng</p> <p>- Giáo trình phương pháp dạy – học mỹ thuật</p> <p>- Từ điển, thuật ngữ Mỹ thuật phổ thông</p> <p>- Con mắt nhìn cái đẹp</p> <p>- Thực hành màu sắc và hội họa</p> | <p>Nguyễn Duy Lãm</p> <p>Nguyễn Quốc Toàn<br/>(Chủ biên)</p> <p>Đặng Bích Ngân -<br/>chủ biên</p> <p>Nguyễn Quân</p> <p>Robert Duplos</p> | <p>Nxb Mỹ thuật (2001).</p> <p>Nxb Đại học Sư phạm.</p> <p>Nxb Giáo dục (2012).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (2004).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (1996).</p> |  |
| 54 | GRD2045 | Sáng tác thiết kế<br>5 | 3 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <p>- Giáo trình giảng dạy Sáng tác thiết kế 5 (lưu hành nội bộ)</p> <p>- Giáo trình Trang trí</p>                                                                                               | <p>Vũ Minh Hoàng<br/>(Chủ biên), Nguyễn<br/>Quang Huy</p> <p>Tạ Phương Thảo</p>                                                           | <p>Khoa TKĐH, Trường<br/>ĐHSP NTTW, Hà Nội<br/>(2019).</p> <p>Nxb Đại học sư phạm<br/>(2008).</p>                                           |  |

|    |         |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|----|---------|---------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                     |   | <p>- <i>Thiết kế cho người mới bắt đầu</i></p> <p>2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>- <i>Nghệ thuật phối màu</i></p> <p>- <i>Để bao bì truyền tải thông điệp marketing</i></p> <p>- <i>Con mắt nhìn cái đẹp</i></p> <p>- <i>Tư duy đa chiều phương pháp sáng tạo không giới hạn</i></p> <p>- <i>Cơ sở phương pháp luận design,</i></p> | <p><i>Nguyễn Việt Hùng</i></p> <p><i>Nguyễn Hạnh</i></p> <p><i>Trang Quách (dịch)</i></p> <p><i>Nguyễn Quân</i></p> <p><i>Hải Yến (dịch)</i></p> <p><i>Lê Huy Văn</i></p> | <p><i>Nxb giao thông vận tải (2014).</i></p> <p><i>Nxb Lao động xã hội (2006).</i></p> <p><i>Nxb Dân Trí (2015).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật (2004).</i></p> <p><i>Nxb Thế giới (2019).</i></p> <p><i>Nxb Mỹ thuật (2014).</i></p> |  |
| 55 | GRD2046 | Sáng tác thiết kế 6 | 3 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>- <i>Giáo trình giảng dạy Sáng tác thiết kế 6 (lưu hành nội bộ)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                 | <p><i>Vũ Minh Hoàng (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Yến</i></p>                                                                                                                | <p><i>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</i></p>                                                                                                                                                                         |  |

|                                  |                |                            |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                   |  |
|----------------------------------|----------------|----------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                  |                |                            |              | <p>- Khám phá Typography</p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>- The designful company – Sáng tạo,</p> <p>- Tư duy đa chiều phương pháp sáng tạo không giới hạn</p> <p>- Cơ sở phương pháp luận design</p> <p>- Thương hiệu cảm xúc mô hình mới kết nối thương hiệu với con người</p> | <p>Tova Rabinowitz</p> <p>Marty Neumeier</p> <p>Hải Yến (dịch)</p> <p>Lê Huy Văn</p> <p>Khánh Thủy (Dịch)</p> | <p>Nxb Bách khoa Hà Nội, Nhóm dịch trường Đại học FPT (2011).</p> <p>Nxb Thế giới (2010).</p> <p>Nxb Thế giới (2019).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (2014).</p> <p>Nxb Lao Động (2017).</p> |  |
| <b>IV.2 Các Học phần tự chọn</b> |                |                            | <b>10/17</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                   |  |
| <b>56</b>                        | <b>GRD2052</b> | <b>Phần mềm Corel Draw</b> | <b>2</b>     | <p><b>Học liệu bắt buộc</b></p> <p>1. Giáo trình giảng dạy phần mềm coreldraw</p>                                                                                                                                                                                                        | <p>ThS. Nguyễn Xuân Giáp (chủ biên)</p> <p>KS. Thành Lê</p>                                                   | <p>, Khoa TKĐH, trường ĐHSNTTW, 2019.</p> <p>NXB Hồng Đức, 2008.</p>                                                                                                              |  |

|    |         |                   |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                     |  |
|----|---------|-------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                   |   | <p>2. <i>Thủ thuật và thực hành vẽ trên Coreldraw</i></p> <p><b>Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p>1. <i>Tự học sử dụng CorelDraww 13,</i></p> <p>1. <i>Tự học CorelDraw X4</i></p> <p>4. <i>Tự học Corel draw 8</i></p> <p>5. <i>Tự học nhanh đồ học CorelDraw 12 và X3</i></p> <p>6. <i>Tự học xử lý sự cố thường gặp trên các phần mềm đồ học Corel draw Autocad photoshop</i></p> | <p>KS. Đức Dương</p> <p>KS. Nguyễn Văn Huân</p> <p>Biên soạn Đặng Chung Toàn</p> <p>Water PC</p> <p>Water PC</p> | <p>NXB Văn hóa thông tin, 2007.</p> <p>NXB Lao động xã hội, 2009.</p> <p>NXB Trẻ, 1999.</p> <p>NXB Văn hóa thông tin, 2010.</p> <p>NXB Văn hóa thông tin, 2010.</p> |  |
| 57 | GRD2053 | Phần mềm Indesign | 2 | <p><b>Học liệu bắt buộc</b></p> <p>1. (2019) <i>Giáo trình giảng dạy phần mềm Indesign</i></p> <p>2. <i>Tự học Adobe Indesign Cs5</i></p> <p><b>Học liệu tham khảo thêm</b></p>                                                                                                                                                                                                       | <p>ThS. Tống Việt Anh (chủ biên)</p>                                                                             | <p>Khoa TKĐH, trường ĐHSPNNTTW.</p> <p>NXB Hồng bàng, 2012</p>                                                                                                      |  |

|    |         |                           |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                             |  |
|----|---------|---------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                           |   | <p>1. <i>Indesign thiết kế dàn trang nâng cao Adobe InDesign CS6</i></p> <p>2. <i>Thiết kế bố cục và Typography</i></p> <p>3. <i>Khám phá Typography</i></p>                                                                                                                                                                        | <p>Chris Botello</p> <p>Lisa Graham</p> <p>Tova Rabinowitz</p>                                       | <p>NXB Bách khoa Hà Nội, 2019.</p> <p>NXB Bách khoa Hà Nội, 2020.</p> <p>NXB Bách khoa Hà Nội, 2019.</p>                                                                                    |  |
| 58 | GRD2031 | Phần mềm Autodesk 3Ds Max | 2 | <p><b>Học liệu bắt buộc</b></p> <p>1. <i>3ds max thủ thuật render</i></p> <p>2. <i>Hướng dẫn cách làm chuyển động trên 3DMax</i></p> <p><b>Học liệu tham khảo thêm</b></p> <p>1. <i>Tự học 3ds max</i></p> <p>2. <i>20 bài thực hành 3ds max</i></p> <p>3. <i>Thủ thuật dựng hình trong 3Dmax</i></p> <p>4. <i>Tự học 3DMax</i></p> | <p>Phan Lê Nhật Hỷ</p> <p>Ngọc Lê</p> <p>Lê Thuận</p> <p>Quang Huy</p> <p>Ngọc Lê</p> <p>Ngọc Lê</p> | <p>Nxb Thuận Hóa, 2003.</p> <p>Nxb Thời Đại, 2011.</p> <p>Nxb Lao động Xã hội, 2001.</p> <p>Nxb Hồng Đức, 2009.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin, 2011.</p> <p>Nxb Văn hóa Thông tin, 2009.</p> |  |

|    |         |                                                       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|----|---------|-------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 59 | GRD2032 | Thiết kế bộ ấn phẩm Văn hóa và xuất bản phẩm.         | 2 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo trình giảng dạy Thiết kế ấn phẩm Văn hóa và xuất bản phẩm</li> <li>- Khám phá Typography</li> </ul> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự học Adobe Indesign CS5</li> <li>- Thiết kế đồ họa cho người mới bắt đầu</li> <li>- Hình ảnh điều khiển tâm trí</li> <li>- Đột phá – chiến lược số một của những thương hiệu hàng đầu</li> </ul> | <p>Nguyễn Văn Hiến (Chủ biên), Trần Thị Thanh Nga<br/>Tova Rabinowitz</p> <p>Nhóm tác giả</p> <p>Nguyễn Việt Hùng<br/>Hà Minh Tú (Dịch)<br/>Marty Neumeier</p> | <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</p> <p>Nxb Bách khoa Hà Nội, Nhóm dịch trường Đại học FPT (2011).</p> <p>Nxb Từ điển Bách khoa (2013).</p> <p>Nxb Giao thông Vận tải (2014).</p> <p>Nxb Lao Động (2016).</p> <p>Nxb Thế giới(2010).</p> |  |
| 60 | GRD2307 | Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm thương mại | 3 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- ZAG - Đột phá</li> <li>- Nhận diện thương hiệu những điểm chạm thị giác</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <p>Marty Neumeier</p> <p>RIO Book (Dịch)</p>                                                                                                                   | <p>Nxb Thế giới(2010).</p> <p>Nxb Lao Động (2019).</p>                                                                                                                                                                                                 |  |

|    |         |                                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                              |  |
|----|---------|-------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                                     |   | <p>- Giáo trình giảng dạy Thiết kế Bộ Nhận diện thương hiệu sản phẩm thương mại (lưu hành nội bộ)</p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>- Thiết kế đồ hoạ cho người mới bắt đầu</p> <p>- Tư duy đa chiều phương pháp sáng tạo không giới hạn</p> <p>- Cơ sở phương pháp luận design</p> <p>- The Brand Gap – Khoảng cách</p> | <p>Lò Mai Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Yến.</p> <p>Nguyễn Việt Hùng</p> <p>Hải Yến (dịch)</p> <p>Lê Huy Văn</p> <p>Marty Neumeier</p> | <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</p> <p>Nxb Giao thông Vận tải (2014).</p> <p>Nxb Thế giới (2019).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (2009).</p> <p>Nxb Thế giới (2010).</p> |  |
| 61 | GRD2034 | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực Văn hóa | 2 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <p>- Giáo trình giảng dạy Thiết kế Quảng bá lĩnh vực Văn Hoá (lưu hành nội bộ)</p>                                                                                                                                                                                                                  | <p>Nguyễn Văn Hiến (Chủ biên), Trần Thị Thanh Nga</p> <p>Gam7 Book</p>                                                                    | <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</p> <p>Nxb Lao Động (2019).</p>                                                                                               |  |

|    |         |                                        |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                      |                                                                                                                                                       |  |
|----|---------|----------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                                        |   | <p>- Content – nền tảng sáng tạo nội dung</p> <p>- Sáng tạo từ sự lộn xộn</p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>- Tư duy đa chiều phương pháp sáng tạo không giới hạn</p> <p>- Cơ sở phương pháp luận design</p> <p>- ZAG - Đột phá</p> <p>- Thiết kế đồ họa cho người mới bắt đầu</p> | <p>Ngô Thế Vinh<br/>(Dịch)</p> <p>Hải Yến (dịch)</p> <p>Lê Huy Văn</p> <p>Marty Neumeier</p> <p>Nguyễn Việt Hùng</p> | <p>Nxb Thế giới (2019).</p> <p>Nxb Thế giới (2019).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (2009).</p> <p>Nxb Thế giới (2010).</p> <p>Nxb Giao thông Vận tải (2014).</p> |  |
| 62 | GRD2035 | Thiết kế quảng cáo lĩnh vực thương mại | 2 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <p>- ZAG - Đột phá</p> <p>- Nhận diện thương hiệu những điểm chạm thị giác</p>                                                                                                                                                                                | <p>Marty Neumeier</p> <p>RIO Book (Dịch)</p>                                                                         | <p>Nxb Thế giới (2010).</p> <p>Nxb Lao Động (2019).</p>                                                                                               |  |

|    |         |                         |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                              |  |
|----|---------|-------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                         |   | <p>- Giáo trình giảng dạy Thiết kế Bộ Nhận diện thương hiệu sản phẩm thương mại (lưu hành nội bộ)</p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>- Thiết kế đồ họa cho người mới bắt đầu</p> <p>- Tư duy đa chiều phương pháp sáng tạo không giới hạn</p> <p>- Cơ sở phương pháp luận design</p> <p>- The Brand Gap – Khoảng cách</p> | <p>Lò Mai Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Yến</p> <p>Nguyễn Việt Hùng</p> <p>Hải Yến (dịch)</p> <p>Lê Huy Văn</p> <p>Marty Neumeier</p> | <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</p> <p>Nxb Giao thông Vận tải (2014).</p> <p>Nxb Thế giới (2019).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (2009).</p> <p>Nxb Thế giới (2010).</p> |  |
| 63 | GRD2036 | Thiết kế quảng cáo động | 2 | <p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1. Hướng dẫn cách làm chuyển động trên 3DMax</p> <p>2. Cách sử dụng các ứng dụng của đồ họa trong thiết kế</p> <p>Học liệu tham khảo thêm</p>                                                                                                                                                       | <p>Ngọc Lê</p>                                                                                                                           | <p>Nxb Thời Đại, 2011.</p> <p>Nxb Thanh niên.</p>                                                                                                                            |  |

|                                                 |                |                             |           |                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                           |                                                                                                                                                                  |  |
|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                                 |                |                             |           | <p>1. Graphic Design for 21ST Century</p> <p>2. 1000 Graphic element</p> <p>3. Nghệ thuật quảng cáo</p> <p>4. Póster- Art: Innovation in Poster design</p>                                                     | <p>Nhiều tác giả</p> <p>Wilson Harver</p> <p>Armand Dyan</p> <p>Charlotte River</p>                                       | <p>Nxb Taschen.</p> <p>Nxb New York, 2003.</p> <p>Nxb Thế giới, 2001.</p> <p>Roto Vision, 2007.</p>                                                              |  |
| <b>V. Khối kiến thức thực tế, thực tập (M5)</b> |                |                             | <b>11</b> |                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                           |                                                                                                                                                                  |  |
| <b>64</b>                                       | <b>GRD2037</b> | <b>Thực tế chuyên môn 1</b> | <b>2</b>  | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <p>- Giáo trình giảng dạy Ký họa</p> <p>- Nguyên lý Design thị giác</p> <p>2. Học liệu tham khảo thêm</p> <p>- Vẽ kí họa</p> <p>- Vẽ kí họa nét</p> <p>- Giáo trình hình họa 1</p> | <p>Vũ Xuân Hiền<br/>(chủ biên)</p> <p>Nguyễn Hồng<br/>Hung</p> <p>Gia Bảo</p> <p>Gia Bảo, Hàn Vĩ</p> <p>Triệu Khắc Lễ</p> | <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố HCM (2017).</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2008).</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2009).</p> |  |

|    |         |                            |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                      |  |
|----|---------|----------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                            |   | <p>- <i>Giáo trình kí họa 1</i></p> <p>- <i>Bí quyết vẽ bút chì</i></p>                                                                                                                                                                                                                              | <p>Triệu Khắc Lễ<br/>(chủ biên)</p> <p>Huỳnh Phạm<br/>Hương Trang</p>                                                                                                       | <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà<br/>Nội (2011).</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà<br/>Nội (2008)</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội<br/>(2011).</p>                                                                           |  |
| 65 | GRD2038 | Thực tế<br>chuyên môn<br>2 | 2 | <p>1. <i>Học liệu bắt buộc</i></p> <p>- <i>Giáo trình giảng dạy Ký họa</i></p> <p>- <i>Nguyên lý Design thị giác</i></p> <p>- <i>Bí quyết vẽ bút chì</i></p> <p>2. <i>Học liệu tham khảo thêm</i></p> <p>- <i>Giáo trình Mỹ thuật.</i></p> <p>- <i>Từ điển, thuật ngữ Mỹ thuật phổ<br/>thông</i></p> | <p>Vũ Xuân Hiên<br/>(chủ biên)</p> <p>Nguyễn Hồng<br/>Hưng</p> <p>Huỳnh Phạm<br/>Hương Trang</p> <p>Phạm Thị Chinh,<br/>Trần Tiểu Lâm<br/>Đặng Bích Ngân<br/>(chủ biên)</p> | <p>Khoa TKĐH, Trường<br/>ĐHSP NTTW, Hà Nội<br/>(2019).</p> <p>Nxb ĐHQG thành phố<br/>HCM (2017).</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội<br/>(2011).</p> <p>Nxb Giáo dục (2008).</p> <p>Nxb Giáo dục (2012).</p> |  |

|    |         |                      |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                 |  |
|----|---------|----------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                      |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Màu sắc và phương pháp vẽ màu</i></li> <li>- <i>Thực hành màu sắc và hội họa</i></li> <li>- <i>Giáo trình Kí họa 2</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nguyễn Duy Lãm;<br>Đặng Thị Bích Ngân<br><br>Robert Duplos<br>Triệu Khắc Lễ<br>(Chủ biên)                                        | Nxb Văn hoá Thông tin (2001).<br><br>Nxb Mỹ thuật (1996).<br>Nxb Đại học Sư phạm (2008).                                                                                                        |  |
| 66 | GRD2039 | Thực tế chuyên môn 3 | 3 | <ol style="list-style-type: none"> <li><i>Học liệu bắt buộc</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thực hành màu sắc và hội họa</i></li> <li>- <i>Vẽ kí họa</i></li> <li>- <i>Vẽ kí họa nét</i></li> <li>- <i>Giáo trình hình họa 1</i></li> <li>- <i>Giáo trình kí họa 1</i></li> </ul> </li> <li><i>Học liệu tham khảo thêm</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nguyên lý Design thị giác</i></li> <li>- <i>Bí quyết vẽ bút chì</i></li> </ul> </li> </ol> | Robert Duplos<br>Gia Bảo<br><br>Gia Bảo, Hàn Vĩ<br><br>Triệu Khắc Lễ<br><br>Triệu Khắc Lễ<br>(chủ biên)<br><br>-Nguyễn Hồng Hưng | Nxb Mỹ thuật (1996).<br>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2008).<br>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2009).<br>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội (2011).<br>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội (2008).<br><br>-Nxb ĐHQG thành phố HCM (2017). |  |

|    |         |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                        |  |
|----|---------|---------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |         |                     |   | <p>- <i>Màu sắc và phương pháp vẽ màu</i></p> <p>- <i>Giáo trình mỹ thuật</i></p> <p>- <i>Giáo trình hình họa 1</i></p>                                                                                                                                      | <p>-Huỳnh Phạm Hương Trang</p> <p>-Nguyễn Duy Lâm; Đặng Thị Bích Ngân</p> <p>-Nguyễn Quốc Toàn,</p> <p>- Triệu Khắc Lễ</p>                                                        | <p>-Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2011).</p> <p>-Nxb Văn hoá Thông tin (2001).</p> <p>-Nxb Đại học Sư phạm (2008).</p> <p>-Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội (2011).</p>  |  |
| 67 | GRD2041 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | <p>1. Học liệu bắt buộc</p> <p>- <i>Hình không gian và cách nhìn</i></p> <p>- <i>Giáo trình giảng dạy Ký họa</i></p> <p>- <i>Bí quyết vẽ bút chì</i></p> <p>2. Học liệu tham khảo</p> <p>- <i>Thực hành màu sắc và hội họa</i></p> <p>- <i>Vẽ kí họa</i></p> | <p>Graham Collier (Vương Tử Lâm và Phạm Long dịch, Phạm Văn Thiều hiệu đính)</p> <p>Vũ Xuân Hiền (chủ biên)</p> <p>Huỳnh Phạm Hương Trang</p> <p>Robert Duplos</p> <p>Gia Bảo</p> | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2017).</p> <p>Khoa TKĐH, Trường ĐHSP NTTW, Hà Nội (2019).</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2011).</p> <p>Nxb Mỹ thuật (1996).</p> |  |

|                                        |                |                         |            |                                                                                                         |                                                                                 |                                                                                                                                                     |  |
|----------------------------------------|----------------|-------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                        |                |                         |            | <p>- <i>Vẽ kí họa nét</i></p> <p>- <i>Giáo trình hình họa 1</i></p> <p>- <i>Giáo trình kí họa 1</i></p> | <p>Gia Bảo, Hàn Vĩ</p> <p>Triệu Khắc Lễ</p> <p>Triệu Khắc Lễ<br/>(chủ biên)</p> | <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2008).</p> <p>Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (2009).</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội (2011).</p> <p>Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội (2008).</p> |  |
| <b>VI. Khối kiến thức cuối khóa M6</b> |                |                         | <b>20</b>  |                                                                                                         |                                                                                 |                                                                                                                                                     |  |
| <b>68</b>                              | <b>GRD2042</b> | <b>Đồ án tốt nghiệp</b> | <b>20</b>  |                                                                                                         |                                                                                 |                                                                                                                                                     |  |
|                                        |                | <b>Tổng cộng</b>        | <b>156</b> |                                                                                                         |                                                                                 |                                                                                                                                                     |  |

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký, đóng dấu)*